

Số: 578/KL-QLTTNG

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 12 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật về An toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương

Căn cứ Quyết định số 235/QĐ-QLTTNG ngày 11/10/2024 của Cục trưởng Cục Quản lý thị trường tỉnh Thái Nguyên về Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương đối với Công ty Cổ phần ELOVI Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam), địa chỉ: Khu Công nghiệp Nam Phổ Yên, phường Thuận Thành, Thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Thời gian thanh tra: Từ ngày 28/10/2024 đến ngày 08/11/2024.

Xét Báo cáo số 07/BC-ĐTT ngày 06/12/2024 của Trưởng Đoàn thanh tra về việc báo cáo kết quả thanh tra đối với Công ty Cổ phần ELOVI Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam). Cục trưởng Cục Quản lý thị trường tỉnh Thái Nguyên kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần ELOVI Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam) có trụ sở tại Khu công nghiệp Nam Phổ Yên, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Từ tháng 6/2021 sau khi sáp nhập với Tập đoàn công nghiệp sữa Morinaga Nhật Bản (Morinaga Milk Industry Group), Công ty đã phát triển thêm nhiều sản phẩm mới mang thương hiệu từ Nhật Bản, đáp ứng nhu cầu thị trường nội địa và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Trong kỳ thanh tra, từ ngày 01/01/2022 đến nay, Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương.

Công ty chủ động tuân thủ các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, thực hiện theo các quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm và đảm bảo các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm. Các sản phẩm của Công ty đáp ứng được các yêu cầu về an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng. Đồng thời Công ty cũng thường xuyên tổ chức đào tạo, nâng cao nhận thức cho toàn thể cán bộ, công nhân viên về tuân thủ các quy định của pháp luật, đảm bảo sản xuất kinh doanh

theo đúng quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương.

Trong kỳ thanh tra, Công ty không có sự cố vi phạm nào xảy ra liên quan đến việc thực hiện các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm. Công ty cam kết tiếp tục duy trì và nâng cao việc tuân thủ các quy định của pháp luật, đảm bảo sản xuất kinh doanh theo đúng quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương.

1. Về hồ sơ pháp lý

Công ty đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu pháp lý và tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm. Dưới đây là chi tiết các giấy tờ và chứng nhận liên quan, được cập nhật và duy trì trong niên độ thanh tra từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/9/2024 như sau:

- Công ty cung cấp 01 Giấy chứng nhận đầu tư số 3208444010 do Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên thuộc UBND tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 13/3/2023 và được cấp chứng nhận điều chỉnh lần thứ 2 ngày 02/7/2024.

- Công ty cung cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4600285900 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp đăng ký lần đầu ngày 11/6/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 03/6/2024.

- Lĩnh vực hoạt động của Công ty là Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa.

- Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, Công ty có vốn điều lệ là 200.000.000.000 đồng.

- Người đại diện theo pháp luật là ông KOHARA SHUNSUKE – sinh ngày 24/10/1975, hộ chiếu số TT5463114 do Bộ Ngoại giao Nhật Bản cấp ngày 16/02/2024.

- Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam, địa chỉ: KCN Nam Phổ Yên, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Công ty có các văn phòng giao dịch tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

- Hà Nội: Tầng 16, tòa nhà Coninco, số 4, Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện: Số 4600285900-2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 29/5/2015, điều chỉnh lần thứ 6 ngày 03/4/2024.

- Hồ Chí Minh: Tầng 9, tòa nhà Lê Đình Building, 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh: Số 00001 so Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 01/3/2022, điều chỉnh lần thứ 5 ngày 10/4/2024.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty có các phòng ban và ban quản lý chính, cụ thể như sau:

2.1. *Ban điều hành*: Lãnh đạo và điều hành hoạt động của Công ty, chịu trách nhiệm về thực hiện các mục tiêu chiến lược và hiệu quả hoạt động.

2.2. *Khối Sale - Marketing*: Công ty Cổ phần ELOVI Việt Nam (*nay là Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam*). Quản lý và điều phối các hoạt động bán hàng, marketing nhằm phát triển thị trường và thúc đẩy tiêu thụ các sản phẩm an toàn, lành mạnh cho người tiêu dùng. Gồm các phòng chuyên môn, cụ thể:

- Phòng Bán hàng Kênh truyền thống (GT): Quản lý kênh phân phối truyền thống, mở rộng mạng lưới bán hàng tại các khu vực mục tiêu, chú trọng cung cấp sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn.

- Phòng Bán hàng Healthcare Business: Phát triển kênh bán hàng trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, thiết lập đối với các cơ sở y tế để giới thiệu sản phẩm dinh dưỡng phù hợp với nhu cầu sức khỏe cộng đồng.

- Phòng Bán hàng Kênh hiện đại: Quản lý kênh bán hàng hiện đại như siêu thị và cửa hàng tiện lợi, đảm bảo sản phẩm được phân phối rộng rãi đến tay của người tiêu dùng.

- Phòng Bán hàng Kênh truyền thống khu vực đô thị (GT Urban Sales Department): Phát triển và quản lý bán hàng trong khu vực đô thị, tập trung vào các sản phẩm phù hợp với lối sống hiện đại và lành mạnh.

- Phòng Bán hàng Kênh Food Service (Food Service Channel Sales Department): Quản lý kênh bán hàng cho dịch vụ thực phẩm, bao gồm nhà hàng và khách sạn, thúc đẩy việc cung cấp các sản phẩm an toàn và chất lượng cao.

- Phòng Sales Admin: Hỗ trợ các hoạt động bán hàng và quản lý hợp đồng để đảm bảo sự chính xác và hiệu quả trong phân phối sản phẩm.

- Phòng Marketing, gồm:

+ Bộ phận Truyền thông (Communication Section): Quản lý các chiến dịch truyền thông nội bộ và bên ngoài, truyền tải thông điệp về an toàn thực phẩm và chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng.

+ Bộ phận Tiếp thị Thương hiệu (Brand Marketing Section): Phát triển các hoạt động marketing tại điểm bán, khuyến khích người tiêu dùng lựa chọn các sản phẩm có lợi cho sức khỏe.

2.3. *Khối Corporate (Khối hoạch định)*: Đảm bảo hoạt động hỗ trợ cho các bộ phận khác, bao gồm quản lý nhân sự, tài chính và pháp lý, nhằm tối ưu hóa nguồn lực và bảo vệ lợi ích của Công ty trong việc chăm sóc sức khỏe cho người tiêu dùng, gồm các phòng:

- Phòng Hành chính: Quản lý các hoạt động hành chính và hỗ trợ các phòng ban khác để đảm bảo sự liên tục trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

- Phòng Nhân sự: Tuyển dụng, đào tạo và phát triển nhân lực, đảm bảo các chính sách về sức khỏe và lao động.

- Phòng Pháp chế tuân thủ: Đảm bảo Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, trong đó bao gồm các quy định liên quan đến an toàn thực phẩm và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

- Phòng Tài chính kế toán: Quản lý tài chính, lập kế hoạch ngân sách và đảm bảo hiệu quả tài chính trong quá trình hoạt động.

- Phòng Mua hàng: Quản lý chuỗi cung ứng, đàm phán và ký kết hợp đồng với các nhà cung cấp để đảm bảo nguồn nguyên liệu an toàn và đạt chuẩn.

- Khối sản xuất: Đảm bảo các sản phẩm đáp ứng yêu cầu về chất lượng, dinh dưỡng và an toàn thực phẩm từ khâu nghiên cứu và phát triển đến sản xuất và kiểm soát chất lượng, gồm các phòng:

- Phòng ISO-EHS: Đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn về chất lượng, an toàn thực phẩm, an toàn môi trường, sức khỏe nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội để sản xuất ra những sản phẩm an toàn cho người tiêu dùng.

- Phòng Nghiên cứu và Phát triển sản phẩm (R&D): Phát triển sản phẩm mới, cải tiến quy trình sản xuất nhằm tối ưu hóa giá trị dinh dưỡng và an toàn của sản phẩm.

- Phòng Sản xuất: Điều hành hoạt động sản xuất, đảm bảo năng suất và chất lượng sản phẩm để phục vụ nhu cầu tiêu dùng.

- Phòng Đảm bảo chất lượng (QA): Đảm bảo chất lượng sản phẩm từ khâu nguyên liệu đến thành phẩm cuối cùng, kiểm soát chất lượng liên tục trong quá trình sản xuất.

- Phòng Cơ điện: Quản lý và bảo trì hệ thống máy móc, thiết bị điện, cơ khí và hạ tầng phục vụ cho sản xuất của Công ty, đảm bảo hoạt động sản xuất luôn ổn định.

- Phòng Logistics: Quản lý kho, vận chuyển, điều phối và giao nhận nguyên vật liệu và sản phẩm, đảm bảo sản phẩm đến tay người tiêu dùng nhanh chóng và an toàn.

- Phòng OEM&Copacking: Quản lý sản xuất theo hợp đồng cho các đối tác bên ngoài, đảm bảo chất lượng và an toàn sản phẩm.

2.4. Các ban chức năng

- Ban Quản trị rủi ro: Đánh giá và kiểm soát các rủi ro trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, bao gồm rủi ro về an toàn thực phẩm và sức khỏe.

- Ban An toàn thực phẩm: Đảm bảo an toàn thực phẩm trong toàn bộ quá trình sản xuất và phân phối sản phẩm.

- Ban Phát triển bền vững: Phát triển các chiến lược bền vững, bảo vệ môi trường và tối ưu hóa tài nguyên trong sản xuất thực phẩm.

- Bộ phận Kiểm soát nội bộ: Giám sát và đánh giá tuân thủ các quy trình nội bộ, bảo vệ tài sản và đảm bảo tính minh bạch trong các hoạt động của Công ty.

Số lượng cán bộ, công nhân viên: 512 người. Trong đó, nhân sự làm việc tại nhà máy là 316 người, số nhân sự thị trường là 196 người.

II. KẾT QUẢ THANH TRA, XÁC MINH

1. Thanh tra kiểm tra: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập

a. Kiểm tra Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Công ty cung cấp 01 Giấy chứng nhận đầu tư số 3208444010 do Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên thuộc UBND tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 13/3/2023 và được cấp chứng nhận điều chỉnh lần thứ 2 ngày 02/7/2024.

- Công ty cung cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4600285900 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp đăng ký lần đầu ngày 11/6/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 03/6/2024.

- Lĩnh vực hoạt động của Công ty là Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa.
- Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, Công ty có vốn điều lệ là 200.000.000.000 đồng.
- Người đại diện theo pháp luật là ông KOHARA SHUNSUKE - sinh ngày 24/10/1975, hộ chiếu số TT5463114 do Bộ Ngoại giao Nhật Bản cấp ngày 16/02/2024.

- Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam, địa chỉ: KCN Nam Phổ Yên, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

b. Các quy định của Công ty: Các quyết định, văn bản chỉ đạo, phân công nhiệm vụ, Quy chế, hướng dẫn của Công ty

- Công ty đã ban hành Quyết định số 03/QĐ-HĐQT ngày 15/08/2024 về việc điều chỉnh sơ đồ tổ chức và chức năng nhiệm vụ của Công ty; quyết định quy định chi tiết chức năng nhiệm vụ của các phòng, ban.

- Quyết định số 04/QĐ-HĐQT ngày 09/10/2024 về việc điều chỉnh sơ đồ tổ chức của Công ty; quyết định quy định chi tiết chức năng nhiệm vụ của các phòng, ban.

2. Kiểm tra Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam cung cấp các loại giấy tờ cụ thể như sau:

Công ty cung cấp các Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận; Hợp đồng dịch vụ chứng nhận¹, Hợp đồng dịch vụ tái chứng nhận² và các loại Giấy chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm, cụ thể như sau:

- Hợp đồng số QSM,FSMS/1207/2018/BSI-HN/VN1200 về việc Đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng an toàn thực phẩm theo Tiêu chuẩn ISO9001:2015 và FSSC 22000 tại Công ty Cổ phần ELOVI Việt Nam. (Hiệu lực của chứng chỉ được tính từ ngày cấp và có thời hạn là 03 năm với điều kiện các cuộc đánh giá giám sát đạt kết quả tích cực)

- Hợp đồng số FSSC/2022/BSI-HN/RECENRT/VN146 về việc Đánh giá tái chứng nhận và mở rộng phạm vi Hệ thống quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm theo FSSC 22000 tại Công ty Cổ phần ELOVI Việt Nam. (Hiệu lực của

¹ Hợp đồng số QSM, FSMS120720/2018/BSI-HN/VN1200 về việc đánh giá chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm theo Tiêu chuẩn ISO9001:2015 và FSSC 22000 tại Công ty Cổ phần ELOVI Việt Nam

² Hợp đồng số FSSC/2022/BSI-HN/RECENRT/VN146 về việc Đánh giá tái chứng nhận và mở rộng phạm vi Hệ thống quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm theo FSSC 22000 tại Công ty Cổ phần ELOVI Việt Nam.

chứng chỉ được tính từ ngày cấp và có thời hạn là 03 năm với điều kiện các cuộc đánh giá giám sát đạt kết quả tích cực) và 01 Phục lục số 2 - Hợp đồng dịch vụ chứng nhận thống nhất bổ sung chi phí đánh giá nâng cấp FSSC22000 phiên bản 6.

- 01 Giấy chứng nhận số FSSC 704370 cấp bởi Tổ chức chứng nhận BSI, đạt chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC) 22000 (phiên bản 4.1) chương trình chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm bao gồm các phần sau: ISO 22000:2005, ISO 22002-1:2009 và các yêu cầu bổ sung của FSSC 22000. Cụ thể: Ngày ra quyết định chứng nhận 18/12/2019, ngày chứng nhận ban đầu 18/12/2019, ngày cấp 18/12/2019, ngày hết hiệu lực 17/12/2022. (phân loại nhóm trong chuỗi thực phẩm: CI).

- 01 Giấy chứng nhận số FSSC 704370 cấp bởi Tổ chức chứng nhận BSI, đạt chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC) 22000 (phiên bản 5) chương trình chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm bao gồm các phần sau: ISO 22000:2018, ISO 22002-1:2009 và các yêu cầu bổ sung của FSSC 22000. Cụ thể: Ngày ra quyết định chứng nhận 19/10/2020, ngày chứng nhận ban đầu 18/12/2019, ngày cấp 31/10/2020, ngày hết hiệu lực 17/12/2022. (phân loại nhóm trong chuỗi thực phẩm: CI, CII, CIV).

- 01 Giấy chứng nhận số FSSC 704370 cấp bởi Tổ chức chứng nhận BSI, đạt chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC) 22000 (phiên bản 5.1) chương trình chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm bao gồm các phần sau: ISO 22000:2018, ISO 22002-1:2009 và các yêu cầu bổ sung của FSSC 22000. Cụ thể: Ngày ra quyết định chứng nhận 26/10/2021, ngày chứng nhận ban đầu 18/12/2019, ngày cấp 27/10/2022, ngày hết hiệu lực 17/12/2022.

Phạm vi áp dụng của chứng nhận: Sản xuất (bao gồm phối trộn, tiêu chuẩn hóa, đồng hóa, tiệt trùng, chiết rót) đồ uống không cồn từ ngũ cốc, cà phê và các sản phẩm từ sữa bao gồm sữa tiệt trùng, thức uống dinh dưỡng từ sữa và nước ép trái cây, sữa chua uống.

Sản xuất (bao gồm phối trộn, tiêu chuẩn hóa, đồng hóa, tiệt trùng, chiết rót), sữa chua ăn.

Phân loại nhóm trong chuỗi thực phẩm: CI - Chế biến các sản phẩm dễ hư hỏng có nguồn gốc từ động vật CIV – chế biến sản phẩm trong môi trường ổn định.

- 01 Giấy chứng nhận số FSSC 704370 cấp bởi Tổ chức chứng nhận BSI, đạt chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC) 22000 (phiên bản 5.1) chương trình chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm bao gồm các phần sau: ISO 22000:2018, ISO 22002-1:2009 và các yêu cầu bổ sung của FSSC

22000. Cụ thể: Ngày ra quyết định chứng nhận 21/6/2024, ngày chứng nhận ban đầu 18/12/2019, ngày cấp 26/6/2024, ngày hết hiệu lực 17/12/2025.

- 01 Giấy chứng nhận số FM 704369 cấp bởi Tổ chức chứng nhận BSI chứng nhận rằng Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam thực hiện hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với các yêu cầu của ISO 9001:2015 cho phạm vi sản xuất sữa tiệt trùng; sữa tiệt trùng bổ sung vi chất; thức uống dinh dưỡng từ sữa và nước ép trái cây; sữa chua uống tiệt trùng; đồ uống không cồn từ ngũ cốc và cà phê; sữa chua ăn. (Ngày đăng ký đầu tiên 19/02/2019, ngày sửa đổi sau cùng 06/5/2024; ngày hiệu lực 19/02/2022, ngày hết hiệu lực 18/02/2025).

- 01 Giấy chứng nhận số EMS 764895 cấp bởi Tổ chức chứng nhận BSI chứng nhận rằng Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam thực hiện hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với các yêu cầu của ISO 14001:2015 cho phạm vi sản xuất sữa tiệt trùng; sữa tiệt trùng bổ sung vi chất; thức uống dinh dưỡng từ sữa và nước ép trái cây; sữa chua uống tiệt trùng; đồ uống không cồn từ ngũ cốc và cà phê; sữa chua ăn. (Ngày đăng ký đầu tiên 05/5/2022, ngày sửa đổi sau cùng 06/5/2024; ngày hiệu lực 05/5/2022, ngày hết hiệu lực 04/5/2025).

- 01 Giấy chứng nhận số OHS 764896 cấp bởi Tổ chức chứng nhận BSI chứng nhận rằng Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam thực hiện hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với các yêu cầu của ISO 45001:2018 cho phạm vi sản xuất sữa tiệt trùng; sữa tiệt trùng bổ sung vi chất; thức uống dinh dưỡng từ sữa và nước ép trái cây; sữa chua uống tiệt trùng; đồ uống không cồn từ ngũ cốc và cà phê; sữa chua ăn. (Ngày đăng ký đầu tiên 05/5/2022, ngày sửa đổi sau cùng 06/5/2024; ngày hiệu lực 05/5/2022, ngày hết hiệu lực 04/5/2025).

3. Kiểm tra việc xác nhận tập huấn kiến thức ATTP của chủ cơ sở và người lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm, hồ sơ khám sức khỏe định kỳ; các kết quả thử nghiệm mẫu nước

3.1. Xác nhận tập huấn kiến thức ATTP của chủ cơ sở và người lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm

Công ty cung cấp các loại giấy tờ hợp đồng dịch vụ, quyết định tổ chức lớp tập huấn và thi xác nhận tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm, biên bản nghiệm thu các năm, cụ thể:

- Năm 2020:

+ 01 Giấy xác nhận số 50/2022/CV-ELOVI ngày 25/11/2020 do Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần ELOVI Việt Nam xác nhận cho 242 cá nhân thuộc Công ty đã được tập huấn và xác nhận được tập huấn kiến thức ATTP (Giấy có giá trị trong thời hạn 3 năm kể từ ngày cấp)

- Năm 2022:

+ 01 Hợp đồng số 612/2021/HĐDV/QT-ELOVI ngày 06/12/2021 giữa Công ty Cổ phần ELOVI Việt Nam và Công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật công nghệ Quang Tuấn về việc tập huấn An toàn vệ sinh thực phẩm;

+ 01 Quyết định số 233A/QĐ-ELOVI ngày 07/12/2021 do Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần ELOVI Việt Nam quyết định việc tổ chức lớp tập huấn và thi xác nhận tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm (cho 279 cá nhân thuộc Công ty);

+ 01 Báo cáo số 1512/BC-QT ngày 15/12/2021 của Công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật công nghệ Quang Tuấn về việc báo cáo nội dung và kết quả kiểm tra tập huấn an toàn vệ sinh thực phẩm (279 cá nhân thuộc Công ty đều đạt yêu cầu);

+ 01 Giấy xác nhận số 01/2022/XNTHKTATTP ngày 14/01/2022 do Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần ELOVI Việt Nam xác nhận cho 279 cá nhân thuộc Công ty đã được tập huấn và xác nhận được tập huấn kiến thức ATTP (Giấy có giá trị trong thời hạn 03 năm kể từ ngày cấp).

3.2. Hồ sơ khám sức khỏe định kỳ

Tại thời điểm kiểm tra, Công ty cung cấp hồ sơ khám sức khỏe định kỳ cho lao động làm việc tại Công ty, cụ thể như sau:

- Năm 2021: Kết quả khám sức khỏe của Bệnh viện C ngày 01/12/2021 cho 292 người lao động của Công ty (Kết quả: Có danh sách toàn thể người lao động đủ sức khỏe để làm việc).

- Năm 2022

+ Kết quả khám sức khỏe của Phòng khám đa khoa Hà Nội Thái Nguyên ngày 21/6/2022 cho 304 người lao động của Công ty (Kết quả: Có danh sách toàn thể người lao động đủ sức khỏe để làm việc).

+ Kết quả khám sức khỏe của Phòng khám đa khoa Hà Nội Thái Nguyên ngày 28/6/2022 cho 183 người lao động của Công ty (Kết quả: Có danh sách toàn thể người lao động đủ sức khỏe để làm việc).

- Năm 2023

+ Kết quả khám sức khỏe của Phòng khám đa khoa Hà Nội Thái Nguyên ngày 06/6/2023 cho 175 người lao động của Công ty (Kết quả: Có danh sách toàn thể người lao động đủ sức khỏe để làm việc)

+ Kết quả khám sức khỏe của Phòng khám đa khoa Hà Nội Thái Nguyên ngày 04/12/2023 cho 325 người lao động của Công ty (Kết quả: Có danh sách toàn thể người lao động đủ sức khỏe để làm việc)

- **Năm 2024:** Kết quả khám sức khỏe của Phòng khám đa khoa Hà Nội Thái Nguyên ngày 10/6/2024 cho 197 người lao động của Công ty (Kết quả: Có danh sách toàn thể người lao động đủ sức khỏe để làm việc)

3.3. Các kết quả thử nghiệm mẫu nước

Tại thời điểm kiểm tra đối với hồ sơ nước đưa vào sử dụng để sản xuất chế biến, Công ty cung cấp cho Đoàn Thanh tra 01 Hợp đồng dịch vụ cấp nước số 486AS/HĐDVCN:MKH2790N12-CS1 ngày 25/12/2018 ký với Công ty Cổ phần nước sạch Thái Nguyên, do có sự thay đổi tên Công ty và người đại diện pháp luật của Công ty từng thời kỳ nên hợp đồng được ký lại vào các ngày 30/01/2024 và 28/3/2024.

Kiểm tra thực tế với hoạt động kiểm nghiệm mẫu nước, Công ty đã cung cấp Hợp đồng dịch vụ giám định - phân tích - kiểm nghiệm giữa Công ty Cổ phần ELOVI Việt Nam và Công ty SGS Việt Nam TNHH các năm 2022, 2023, 2024 và các phiếu kiểm nghiệm mẫu nước chế biến, cụ thể:

- **Năm 2021:** 01 Hợp đồng số FDL006/2021/SGS-ELOVI ngày 02/01/2021 (Hợp đồng có thời hạn kể từ ngày ký và duy trì hiệu lực trong thời hạn 01 năm)

- **Năm 2022:** 01 Hợp đồng số FDL006/2022/SGS-ELOVI ngày 02/01/2022 (Hợp đồng có thời hạn kể từ ngày ký và duy trì hiệu lực trong thời hạn 01 năm)

+ Phiếu kiểm nghiệm mẫu nước chế biến số 2112270459 ngày 16/12/2021.

+ Phiếu kiểm nghiệm mẫu nước chế biến số 22011902E6 ngày 14/01/2022.

+ Phiếu kiểm nghiệm mẫu nước chế biến số 22022100BC ngày 19/02/2022.

+ Phiếu kiểm nghiệm mẫu nước chế biến số 22032204B8 ngày 17/3/2022.

+ Phiếu kiểm nghiệm mẫu nước chế biến số 2205160331 ngày 14/4/2022.

+ Phiếu kiểm nghiệm mẫu nước chế biến số 2205160309 ngày 16/5/2022.

+ Phiếu kiểm nghiệm mẫu nước chế biến số 220516030A ngày 16/3/2022.

+ Phiếu kiểm nghiệm mẫu nước chế biến số 22051603AF ngày 13/6/2022.

+ Phiếu kiểm nghiệm mẫu nước chế biến số 22051603B0 ngày 13/6/2022.

- + Phiếu kiểm nghiệm mẫu nước chế biến số 22071505A4 ngày 15/7/2022.
- + Phiếu kiểm nghiệm mẫu nước chế biến số 22081609A6 ngày 15/8/2022.
- + Phiếu kiểm nghiệm mẫu nước chế biến số 221012065D ngày 21/9/2022.
- + Phiếu kiểm nghiệm mẫu nước chế biến số 0000052421 ngày 8/11/2022.

- **Năm 2023:** 01 Hợp đồng số FDL006/2023/SGS-ELOVI ngày 03/01/2023 (Hợp đồng sẽ bắt đầu kể từ ngày hiệu lực và sẽ được kéo dài vô thời hạn cho đến khi một trong hai bên đưa ra thông báo chấm dứt bằng văn bản cho bên còn lại trước ít nhất 30 ngày)

- + Phiếu kiểm nghiệm mẫu nước chế biến số 0000090641 ngày 03/01/2023.
- + Phiếu kiểm nghiệm mẫu nước chế biến số 0000097412 ngày 13/01/2023.
- + Phiếu kiểm nghiệm mẫu nước chế biến số 0000116341 ngày 16/02/2023.
- + Phiếu kiểm nghiệm mẫu nước chế biến số 0000172793 ngày 21/4/2023.
- + Phiếu kiểm nghiệm mẫu nước chế biến số 0000176324 ngày 25/4/2023.
- + Phiếu kiểm nghiệm mẫu nước chế biến số 0000194368 ngày 18/5/2023.
- + Phiếu kiểm nghiệm mẫu nước chế biến số 0000226100 ngày 24/6/2023.
- + Phiếu kiểm nghiệm mẫu nước chế biến số 0000244016 ngày 15/7/2023.
- + Phiếu kiểm nghiệm mẫu nước chế biến số 0000272242 ngày 15/8/2023.
- + Phiếu kiểm nghiệm mẫu nước chế biến số 0000317991 ngày 05/10/2023.
- + Phiếu kiểm nghiệm mẫu nước chế biến số 0000344142 ngày 01/11/2023.
- + Phiếu kiểm nghiệm mẫu nước chế biến số 0000376494 ngày 06/12/2023.
- + Phiếu kiểm nghiệm mẫu nước chế biến số 0000282665 ngày 14/12/2023.

- **Năm 2024:** 01 Hợp đồng sửa đổi lần 01 ngày 25/3/2024 sửa đổi Hợp đồng số FDL006/2023/SGS-ELOVI ngày 03/01/2023 (Hợp đồng sẽ bắt đầu kể từ ngày hiệu lực và sẽ được kéo dài vô thời hạn cho đến khi một trong hai bên đưa ra thông báo chấm dứt bằng văn bản cho bên còn lại trước ít nhất 30 ngày)

- + Phiếu kiểm nghiệm mẫu nước chế biến số 0000417584 ngày 22/01/2024.
- + Phiếu kiểm nghiệm mẫu nước chế biến số 0000441595 ngày 26/02/2024.
- + Phiếu kiểm nghiệm mẫu nước chế biến số 0000455488 ngày 09/3/2024.
- + Phiếu kiểm nghiệm mẫu nước chế biến số 0000497375 ngày 15/4/2024.
- + Phiếu kiểm nghiệm mẫu nước chế biến số 0000529974 ngày 15/5/2024.

- + Phiếu kiểm nghiệm mẫu nước chế biến số 0000570225 ngày 20/6/2024.
- + Phiếu kiểm nghiệm mẫu nước chế biến số 0000598932 ngày 16/7/2024.
- + Phiếu kiểm nghiệm mẫu nước chế biến số 0000643565 ngày 22/8/2024.
- + Phiếu kiểm nghiệm mẫu nước chế biến số 0000673057 ngày 19/9/2024.

4. Kiểm tra Hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm: Các hồ sơ đơn vị tự công bố sản phẩm, công bố lại sản phẩm trong kỳ thanh tra (từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm thanh tra)

4.1. Kiểm tra Hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm

Tại thời điểm kiểm tra, Công ty cung cấp cho Đoàn Thanh tra danh sách các hồ sơ công bố sản phẩm từ năm 2022-2024, cụ thể:

- Năm 2022

| STT | Tên sản phẩm | Số TCB/Số Giấy TNDKCB | Ngày công bố/cấp GTN | Ghi chú |
|-----|--|-----------------------|----------------------|---------|
| 1 | Sữa chua có đường ELOVI | 06:2018/ELOVI | 25/6/2018 | |
| 2 | Sữa chua uống tiệt trùng hương cam - zinzin kids (uht drinking yogurt orange flavor – zinzin kids) | 14/ELOVI/2020 | 15/12/2020 | |
| 3 | Sữa chua uống tiệt trùng hương dâu - zinzin kids (uht drinking yogurt strawberry flavor – zinzin kids) | 15/ELOVI/2020 | 15/12/2020 | |
| 4 | Thức uống dinh dưỡng sữa trái cây vị cam zinzin | 11/ELOVI/2020 | 15/12/2020 | |
| 5 | Thức uống dinh dưỡng sữa trái cây vị dâu zinzin | 12/ELOVI/2020 | 15/12/2020 | |
| 6 | Thức uống dinh dưỡng sữa trái cây vị việt quất zinzin | 13/ELOVI/2020 | 15/12/2020 | |
| 7 | Thực phẩm bổ sung thức uống | 01/ELOVI/2022021 | 28/01/2021 | |

| | | | | |
|----|--|------------------|------------|--|
| | lúa mạch Hương vị sô-cô-la Ovaltne (Ovaltine – fortified chocolate malt drink) | | | |
| 8 | Thực phẩm bổ sung thức uống lúa mạch Hương vị sô-cô-la bổ sung DHA -Ovaltne DHA+ (Ovaltine DHA+ - fortified chocolate malt drink with DHA) | 02/ELOVI/2022021 | 28/01/2021 | |
| 9 | Thức uống dinh dưỡng sữa trái cây hương nho zinzin | 03/ELOVI/2022021 | 14/4/2021 | |
| 10 | Sữa chua hương dâu ELOVI | 04/ELOVI/2022021 | 21/9/2021 | |
| 11 | Sữa chua hương xoài ELOVI | 05/ELOVI/2022021 | 21/9/2021 | |
| 12 | Sữa chua nha đam ELOVI | 01/ELOVI/2022 | 21/3/2022 | |
| 13 | Sữa chua có đường Profes' | 02/ELOVI/2022 | 21/3/2022 | |
| 14 | Sữa chua hương dâu Profes' | 03/ELOVI/2022 | 21/3/2022 | |
| 15 | Sữa chua hương xoài Profes' | 04/ELOVI/2022 | 21/3/2022 | |
| 16 | Thực phẩm dành cho chế độ ăn đặc biệt (Thực phẩm dành cho người rối loạn nuốt): Tsururinko Quickly | 01/2022/ĐKSP | 24/06/2022 | |
| 17 | TPBS thức uống dinh dưỡng hương chuối Climeal | 05/ELOVI/2022 | 08/8/2022 | |
| 18 | TPBS thức uống dinh dưỡng hương bắp Climeal | 06/ELOVI/2022 | 08/8/2022 | |
| 19 | TPBS thức uống dinh dưỡng hương Vanilla Climeal | 07/ELOVI/2022 | 08/8/2022 | |

| | | | | |
|----|---|---------------|-----------|--|
| 20 | TPBS Sữa chua không béo ít đường Morinaga | 08/ELOVI/2022 | 29/9/2022 | |
| 21 | TPBS Sữa chua không béo ít đường nha đam Morinaga | 09/ELOVI/2022 | 29/9/2022 | |

- Năm 2023

| STT | Tên sản phẩm | Số TCB/Số Giấy TNDKCB | Ngày công bố/cấp GTN | Ghi chú |
|-----|--|-----------------------|----------------------|---------|
| 1 | Thức uống sữa lúa mạch bổ sung canxi Ovaltine (Ovaltine Calcium - fortified malt milk drink) | 01/ELOVI/2023 | 16/01/2023 | |
| 2 | Thức uống sữa lúa mạch bổ sung canxi vị sô - cô - la Ovaltine (Ovaltine Calcium - fortified malt milk drink chocolate flavour) | 02/ELOVI/2023 | 16/01/2023 | |
| 3 | Thực phẩm bảo vệ sức khỏe Bột men vi sinh BB536 (Tên Tiếng Anh: Supplyment, BB536 Probiotics Powder) | 2673/2023/ĐKSP | 18/03/2023 | |
| 4 | Sữa chua uống ít đường Morinaga | 03/ELOVI/2023 | 25/4/2023 | |
| 5 | Sữa chua uống ít đường hương dâu Morinaga | 04/ELOVI/2023 | 25/4/2023 | |
| 6 | Thức uống sữa trái cây vị cam zinzin | 05/ELOVI/2023 | 25/4/2023 | |
| 7 | Thức uống sữa trái cây vị dâu zinzin | 06/ELOVI/2023 | 25/4/2023 | |

| | | | | |
|----|--|---------------|------------|--|
| 8 | Thức uống sữa trái cây vị việt quất zinzin | 07/ELOVI/2023 | 25/4/2023 | |
| 9 | Thức uống sữa trái cây hương nho zinzin | 08/ELOVI/2023 | 25/4/2023 | |
| 10 | TPBS Nutritional milk powder 300g | 09/ELOVI/2023 | 13/10/2023 | |
| 11 | TPBS Nutritional milk powder 200g (20g x 10) | 10/ELOVI/2023 | 13/10/2023 | |
| 12 | Sữa chua uống dinh dưỡng zinzin grow 100 | 11/ELOVI/2023 | 12/10/2023 | |

- Năm 2024

| STT | Tên sản phẩm | Số TCB/Số Giấy TNĐKCB | Ngày công bố/cấp GTN | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------|-----------------------|----------------------|---------|
| 1 | Sữa chua có đường ELOVI | 01/MORINAGA/2024 | 25/3/2024 | |
| 2 | Sữa chua hương dâu ELOVI | 02/MORINAGA/2024 | 25/3/2024 | |
| 3 | Sữa chua hương xoài ELOVI | 03/MORINAGA/2024 | 25/3/2024 | |
| 4 | Sữa chua nha đam ELOVI | 07/MORINAGA/2024 | 25/3/2024 | |
| 5 | Sữa chua có đường Profes' | 04/MORINAGA/2024 | 25/3/2024 | |
| 6 | Sữa chua hương dâu Profes' | 06/MORINAGA/2024 | 25/3/2024 | |
| 7 | Sữa chua hương xoài Profes' | 05/MORINAGA/2024 | 25/3/2024 | |
| 8 | Thức uống sữa trái cây vị cam zinzin | 17/MORINAGA/2024 | 25/3/2024 | |
| 9 | Thức uống sữa trái cây vị dâu zinzin | 18/MORINAGA/2024 | 25/3/2024 | |

| | | | | |
|----|--|------------------|-----------|--|
| 10 | Thức uống sữa trái cây vị việt quất zinzin | 19/MORINAGA/2024 | 25/3/2024 | |
| 11 | Thức uống sữa trái cây hương nho zinzin | 16/MORINAGA/2024 | 25/3/2024 | |
| 12 | Sữa chua không béo ít đường Morinaga | 08/MORINAGA/2024 | 25/3/2024 | |
| 13 | Sữa chua không béo ít đường nha đam Morinaga | 09/MORINAGA/2024 | 25/3/2024 | |
| 14 | Sữa chua uống không béo ít đường Morinaga | 10/MORINAGA/2024 | 25/3/2024 | |
| 15 | Sữa chua uống không béo ít đường hương dâu Morinaga | 11/MORINAGA/2024 | 25/3/2024 | |
| 16 | Sữa chua uống tiệt trùng hương cam zinzin kids | 12/MORINAGA/2024 | 25/3/2024 | |
| 17 | Thức uống dinh dưỡng hương vanilla Climeal | 13/MORINAGA/2024 | 25/3/2024 | |
| 18 | Thức uống dinh dưỡng hương chuối Climeal | 14/MORINAGA/2024 | 25/3/2024 | |
| 19 | Thức uống dinh dưỡng hương bắp Climeal | 15/MORINAGA/2024 | 25/3/2024 | |
| 20 | Sữa chua uống tiệt trùng hương dâu zinzin kids | 20/MORINAGA/2024 | 25/3/2024 | |
| 21 | Thực phẩm bảo vệ sức khỏe BB536 Probiotics (30 capsules) | 3093/2024/ĐKCB | 01/4/2024 | |
| 22 | Sữa chua có đường Monu | 21/MORINAGA/2024 | 27/6/2024 | |
| 23 | Sữa chua uống có đường | 22/MORINAGA/2024 | 27/6/2024 | |

| | | | | |
|----|---|------------------|------------|--|
| | Monu | | | |
| 24 | Nước uống collagen vị đào Monu | 23/MORINAGA/2024 | 27/6/2024 | |
| 25 | TPBS Morinaga Nutritional milk powder | 24/MORINAGA/2024 | 27/6/2024 | |
| 26 | Kem parm chocolate Morinaga | 25/MORINAGA/2024 | 28/8/2024 | |
| 27 | Kem parm matcha Morinaga | 26/MORINAGA/2024 | 28/8/2024 | |
| 28 | Kem mow matcha Morinaga | 27/MORINAGA/2024 | 28/8/2024 | |
| 29 | Kem mow vanilla Morinaga | 28/MORINAGA/2024 | 28/8/2024 | |
| 30 | Kem pino vanilla Morinaga | 29/MORINAGA/2024 | 28/8/2024 | |
| 31 | Sữa chua không béo ít đường vị đào Morinaga | 30/MORINAGA/2024 | 14/10/2024 | |

Toàn bộ sản phẩm hàng hóa của Công ty có 02 loại, cụ thể:

- Các sản phẩm do Công ty sản xuất để kinh doanh và sản xuất gia công cho đơn vị khác đều có bản tự công bố sản phẩm, các bản tự công bố được gửi đến Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên để tiếp nhận và thực hiện thông báo công khai tên, sản phẩm của tổ chức, cá nhân đã được tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm trên Trang thông tin điện tử (website). Hồ sơ được lưu trữ đầy đủ (thông tin về tổ chức công bố; thông tin về sản phẩm; mẫu sản phẩm; yêu cầu về ATTP), qua rà soát trên Cổng thông tin điện tử của Sở y tế và danh sách sản phẩm tự công bố Công ty cung cấp là phù hợp (*Website: <https://soyte.thainguyen.gov.vn/tra-cuu-giay-phep-thuc-pham>*)

- Sản phẩm nhập khẩu (Thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt - thực phẩm dành cho người rối loạn ruột Tsururinko Quickly; thực phẩm bảo vệ sức khỏe bột men vi sinh BB536 và thực phẩm bảo vệ sức khỏe BB536 Probiotics) đều có bản công bố sản phẩm và được gửi đến Cục An toàn thực phẩm của Bộ Y tế để tiếp nhận và thực hiện thông báo công khai tên, sản phẩm của tổ chức, cá nhân được tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm trên Trang thông tin điện tử (website). Hồ sơ được lưu trữ đầy đủ (thông tin về tổ chức công bố; thông tin về sản phẩm; mẫu

sản phẩm; yêu cầu về ATTP). Giấy tiếp nhận Đăng ký bản đăng ký công bố sản phẩm, cụ thể đối với sản phẩm nhập khẩu và phân phối³. Qua rà soát trên Cổng thông tin điện tử của Cục An toàn thực phẩm Bộ Y tế và danh sách sản phẩm tự công bố Công ty cung cấp là phù hợp (Website: <https://ngghidinh15.vfa.gov.vn/search>).

Hồ sơ đơn vị tự công bố sản phẩm, công bố lại sản phẩm trong kỳ thanh tra (từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/9/2024) đều có bản công bố sản phẩm, tự công bố sản phẩm, công bố lại sản phẩm gửi đến Cục An toàn thực phẩm của Bộ Y tế, Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên để tiếp nhận và thực hiện việc thông báo công khai tên, sản phẩm của tổ chức, cá nhân đã được tiếp nhận đăng ký bản tự công bố sản phẩm trên Trang thông tin điện tử (Website). Toàn bộ hồ sơ đều được lưu trữ đầy đủ, đảm bảo việc công bố chất lượng sản phẩm theo quy định.

4.2 Danh mục sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh đối với mặt hàng sữa, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, phụ gia thực phẩm trong kỳ thanh tra

Tại thời điểm kiểm tra nội dung thanh tra, Công ty cung cấp cho Đoàn Thanh tra các danh mục sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh đối với mặt hàng sữa, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, phụ gia thực phẩm trong kỳ thanh tra, cụ thể như sau:

a. Danh mục nhập khẩu đối với mặt hàng sữa, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, phụ gia thực phẩm

| STT | Tên hàng | Nhà cung cấp | Chủng loại |
|-----|--|--------------------------------|------------|
| 1 | Supplemented Food, Nutritional Milk Powder 300g | MORINAGA MILK INDUSTRY CO.,LTD | Thành phẩm |
| | Supplemented Food, Nutritional Milk Powder 200g (20g x 10 stick packs) | MORINAGA MILK INDUSTRY CO.,LTD | Thành phẩm |
| 2 | (Box 3g*50 packs): Food for Special Dietary Use (Food for people with dysphagia): Tsururinko Quickly | MORINAGA MILK INDUSTRY CO.,LTD | Thành phẩm |
| | (Bag 300g): Food for Special Dietary Use (Food for people with dysphagia): Tsururinko Quickly | MORINAGA MILK INDUSTRY CO.,LTD | Thành phẩm |
| | Supplement, BB536 Probiotics Powder | MORINAGA MILK | Thành phẩm |

³ - Giấy tiếp nhận số 2673/2023/ĐKSP ngày 18/3/2023 của Cục An toàn thực phẩm – Bộ Y tế về việc Đăng ký bản đăng ký công bố sản phẩm;

- Giấy tiếp nhận số 3093/2024/ĐKSP ngày 01/4/2024 của Cục An toàn thực phẩm – Bộ Y tế về việc Đăng ký bản đăng ký công bố sản phẩm.

| | | | |
|----|--|-----------------------------------|-------------|
| | (capsule) | INDUSTRY CO.,LTD | |
| | Supplement, BB536 Probiotics Powder | MORINAGA MILK INDUSTRY CO.,LTD | Thành phẩm |
| 3 | Kem pino vanilla Morinaga | MORINAGA MILK INDUSTRY CO.,LTD | Thành phẩm |
| | Kem parm chocolate Morinaga | MORINAGA MILK INDUSTRY CO.,LTD | Thành phẩm |
| | Kem parm matcha Morinaga | MORINAGA MILK INDUSTRY CO.,LTD | Thành phẩm |
| | Kem mow vanilla Morinaga | MORINAGA MILK INDUSTRY CO.,LTD | Thành phẩm |
| | Kem mow matcha Morinaga | MORINAGA MILK INDUSTRY CO.,LTD | Thành phẩm |
| 4 | Lactobacillus Paracesi MCC1849 (LAC-Shied M-1) | MORINAGA MILK INDUSTRY CO.,LTD | Nguyên liệu |
| 5 | AWACUT KL chất phát bột | MORINAGA MILK INDUSTRY CO.,LTD | Nguyên liệu |
| 6 | Milei C 80-MicellarCasein Concentrate | MILEI GMBH | Nguyên liệu |
| 7 | Whole milk powder imp Fonterra (Bột béo - New - Fonterra) | Fonterra – JP | Nguyên liệu |
| 8 | Skim Milk Powder LH imp Fonterra (Bột - New - Fonterra) | Fonterra – JP | Nguyên liệu |
| 9 | 5003-6550 READY - MIXED MALT BEVERAGE CHOCOLATE FLAVOURED (OVALTINE) | AB Food & Beverage (Thailand) Ltd | Nguyên liệu |
| 10 | 5002-6031 PREMIXED INGREDIENT FOR MALT CHOCOLATE DRINK | AB Food & Beverage (Thailand) Ltd | Nguyên liệu |
| 11 | 5002-6032 PREMIXED INGREDIENT FOR MALT CHOCOLATE DRINK2 | AB Food & Beverage (Thailand) Ltd | Nguyên liệu |

| | | |
|------|--|--|
| 25KG | | |
|------|--|--|

b. Danh mục sản xuất, kinh doanh đối với mặt hàng sữa (thành phẩm)

| STT | Tên sản phẩm | Ghi chú |
|-----|---|---------|
| 1 | STC Zinzin Cam tự nhiên 110ml | |
| 2 | STC Zinzin Dâu tự nhiên 110ml | |
| 3 | SCU tiệt trùng Zinzin Kids vị cam hộp 110ml | |
| 4 | SCU tiệt trùng Zinzin Kids vị dâu hộp 110ml | |
| 5 | SCU tiệt trùng hương dâu Zinzin Kids 110ml (thùng 24 hộp) | |
| 6 | STC Zizin Việt quất tự nhiên 110ml | |
| 7 | TUDD sữa trái cây hương Nho Zinzin 110ml | |
| 8 | Thức uống sữa trái cây hương Nho Zinzin 110ml | |
| 9 | SCU tiệt trùng hương cam Zinzin Kids 110ml (thùng 24 hộp) | |
| 10 | STC Zizin Cam tự nhiên 180ml | |
| 11 | STC Zizin Dâu tự nhiên 180ml | |
| 12 | Thức uống sữa trái cây vị Dâu Zinzin 110ml | |
| 13 | Thức uống sữa trái cây vị Dâu Zinzin 180ml | |
| 14 | Thức uống sữa trái cây vị Cam Zinzin 180ml | |
| 15 | Thức uống sữa trái cây vị Cam Zinzin 110ml | |
| 16 | Sữa uống dinh dưỡng Zinzin Grow 100 110ml | |
| 17 | TUDD sữa trái cây hương Nho Zizin 180ml | |

| | | |
|----|--|--|
| 18 | Thức uống sữa trái cây hương Nho Zizin 180ml | |
| 19 | STC Zizin Việt quất tự nhiên 180ml | |
| 20 | Thức uống sữa trái cây vị Việt quất Zizin 180ml | |
| 21 | Thực phẩm bổ sung - Thức uống dinh dưỡng hương chuối Climeal 190ml | |
| 22 | Thực phẩm bổ sung - Thức uống dinh dưỡng hương bắp Climeal 190ml | |
| 23 | Thực phẩm bổ sung - Thức uống dinh dưỡng hương vanilla Climeal 190ml | |
| 24 | Thức uống dinh dưỡng Climeal hương chuối Morinaga (Trial 1-2003) | |
| 25 | Sữa chua hương lựu bổ sung sắt Morinaga (Trial) | |
| 26 | Sữa chua hương lựu bổ sung sắt Morinaga (Trial B) | |
| 27 | Sữa chua hương lựu bổ sung sắt Morinaga (Trial C) | |
| 28 | Sữa chua có đường ELOVI 70g | |
| 29 | Sữa chua hương dâu ELOVI 70g | |
| 30 | Sữa chua hương xoài ELOVI 70g | |
| 31 | Sữa chua có đường Profes'95g | |
| 32 | Sữa chua có đường Profes'95g (24 thìa) | |
| 33 | Sữa chua hương xoài Profes'95gr (24 thìa) | |
| 34 | Sữa chua hương dâu Profes'95gr (24 thìa) | |
| 35 | Sữa chua Nha đam ELOVI 100g (24 thìa) | |

| | | |
|----|---|--|
| 36 | Sữa chua hương xoài Profes'95gr | |
| 37 | Thực phẩm bổ sung Sữa chua không béo ít đường Morinaga 100g | |
| 38 | Thực phẩm bổ sung Sữa chua không béo ít đường Nha đam Morinaga 100g | |
| 39 | Thực phẩm bổ sung Sữa chua không béo ít đường Morinaga 100g (Trial A) | |
| 40 | Thực phẩm bổ sung Sữa chua không béo ít đường Nha đam Morinaga 100g (Trial A) | |
| 41 | Thực phẩm bổ sung Sữa chua không béo ít đường Nha đam Morinaga 100g (Trial B) | |
| 42 | Sản phẩm Coloscare (DHA lỏng) 110ml | |
| 43 | Sản phẩm Coloscare (DHA lỏng) 180ml | |
| 44 | Sản phẩm Metacare Gold 110ml | |
| 45 | Sản phẩm Smarta Gold 110ml | |
| 46 | Sản phẩm Smarta Gold 180ml | |
| 47 | STT VPMILK GROW+ có đường 110ml | |
| 48 | STT VPMILK GROW+ có đường 180ml | |
| 49 | STT IQL Advance Premium Vanilla 110ml | |
| 50 | STT Nutrimalt xanh 180ml | |
| 51 | STT Nutrimalt xanh 110ml | |
| 52 | STT VPMILK GROW+ ít đường 110ml | |
| 53 | STT VPMILK GROW+ ít đường 180ml | |

| | | |
|----|---|--|
| 54 | STT có đường GROW+ vị chuối 110ml | |
| 55 | STT có đường GROW+ vị dâu 110ml | |
| 56 | STT có đường GROW+ vị chuối 180ml | |
| 57 | STT có đường GROW+ vị dâu 180ml | |
| 58 | Sản phẩm sữa uống dinh dưỡng năng lượng cao XO Care 180ml | |
| 59 | SUDD Iqlac Colostrum biếng ăn SDD Premium 110ml | |
| 60 | (Grow Plus đỏ) Sữa tiệt trùng có đường VPMilk Grow ++ 110ml | |
| 61 | (Grow Plus đỏ) Sữa tiệt trùng có đường VPMilk Grow ++ 180ml | |
| 62 | Sữa dinh dưỡng tiệt trùng VPMilk OMEGA có đường 110ml | |
| 63 | Sữa dinh dưỡng tiệt trùng VPMilk OMEGA có đường 180ml | |
| 64 | Sữa dinh dưỡng tiệt trùng VPMilk OMEGA ít đường 110ml | |
| 65 | Sữa dinh dưỡng tiệt trùng VPMilk OMEGA ít đường 180ml | |
| 66 | VitaGrow 180ml | |
| 67 | VitaGrow 110ml | |
| 68 | Sữa bột pha sẵn Oggi Gold 110ml | |
| 69 | Sữa bột pha sẵn Oggi Gold 180ml | |
| 70 | Calokid Gold 110ml | |
| 71 | Sản phẩm Colosgain 110ml | |
| 72 | Sản phẩm Colosgain 180ml | |
| 73 | Sản phẩm Colosbaby 110ml | |

| | | |
|----|---|--|
| 74 | Sản phẩm Colosbaby 180ml | |
| 75 | Calokid Gold 180ml | |
| 76 | Sản phẩm Colosbaby IQ Gold 110ml | |
| 77 | Sản phẩm Colosbaby IQ Gold 180ml | |
| 78 | Sản phẩm Oggi 1 + Vani 110ml | |
| 79 | Sản phẩm Oggi 1 + Vàng sữa 110ml | |
| 80 | Sản phẩm Colos Opti 110ml | |
| 81 | Sản phẩm Colos Opti 180ml | |
| 82 | Sản phẩm Colos DHA + 110ml | |
| 83 | Sản phẩm Colos DHA + 180ml | |
| 84 | Sữa uống dinh dưỡng Oggi Phát triển toàn diện 110ml | |
| 85 | Sữa uống dinh dưỡng Oggi Phát triển toàn diện 180ml | |
| 86 | Sữa uống dinh dưỡng Oggi BA 110ml | |
| 87 | Sữa uống dinh dưỡng Oggi Gold 110ml | |
| 88 | Sữa uống dinh dưỡng Oggi BA 180ml | |
| 89 | Sữa uống dinh dưỡng Oggi Gold 180ml | |
| 90 | Luralac GrowIQ 110ml | |
| 91 | Honilac Grow IQ 110ml | |
| 92 | Sữa Endolac BA 110ml | |
| 93 | Sản phẩm Alponate Gain 110ml | |

| | | |
|-----|---|--|
| 94 | Babyme Grow IQ 110ml (Eneright) | |
| 95 | Babyme Gold 110ml (Eneright) | |
| 96 | Babyme Gold 180ml (Eneright) | |
| 97 | Alma Pedia 110ml (Eneright) | |
| 98 | Sản phẩm Alpronte Grow + 110ml | |
| 99 | Sản phẩm Topup Colos Kao IQ 110ml | |
| 100 | Sản phẩm Kazu Gold 110ml (Eneright) | |
| 101 | Kazu Gain Gold 110ml (Eneright) | |
| 102 | Thực phẩm bổ sung Babyme Colos Gold 110ml | |
| 103 | Thực phẩm bổ sung Babyme Colos Gold 180ml | |
| 104 | TPBS Kavaking Colostrum Pedia 110ml | |
| 105 | TPBS Wintop Colostrum Gain 110ml | |
| 106 | TPBS Natumi Gold 110ml | |
| 107 | TPBS Babyme Colos Grow 110ml | |
| 108 | TPBS Lumirar Grow IQ 110ml | |
| 109 | TPBS Natumil Gain Gold 110ml | |
| 110 | TPBS Natumil Gold 180ml | |
| 111 | TPBS Wintop Colostrum Gain 180ml | |
| 112 | TPBS Natumil Gain Gold 180ml | |
| 113 | TPBS Natumil Colos 110ml | |

| | | |
|-----|---|--|
| 114 | TPBS Natumil Colos 180ml | |
| 115 | TUDD Sữa trái cây Alponde Grow+ hương Cam 110ml | |
| 116 | TUDD Sữa trái cây Alponde Grow+ trái cây nhiệt đới 110ml | |
| 117 | TUDD Sữa trái cây Endolac Grow IQ hương cam 110ml | |
| 118 | TUDD Sữa trái cây Endolac Grow IQ hương dâu 110ml | |
| 119 | TUDD Sữa trái cây Alponde Grow+ hương Dâu 110ml | |
| 120 | TPBS Dr.Henry Grow IQ 110ml | |
| 121 | TPBS Lumirar Grow IQ 180ml | |
| 122 | TPBS Alma Colos Pedia 110ml | |
| 123 | Sữa gạo Biba Bibo 110ml | |
| 124 | Sữa trái cây cam 190ml (Trial) | |
| 125 | Thực phẩm bổ sung - thức uống dinh dưỡng sữa hạt năng lượng B'fast hương dưa lưới 110ml | |
| 126 | Thực phẩm bổ sung - thức uống dinh dưỡng sữa hạt năng lượng B'fast hương dưa lưới 180ml | |
| 127 | Thực phẩm bổ sung - thức uống dinh dưỡng sữa hạt năng lượng B'fast hương cam 110ml | |
| 128 | Thực phẩm bổ sung - thức uống dinh dưỡng sữa hạt năng lượng B'fast hương cam 180ml | |
| 129 | Nutrimed Medolac 110ml | |
| 130 | Nutrimed Special 110ml | |
| 131 | Sản phẩm dinh dưỡng DeliMax Pedia 110ml | |

| | | |
|-----|--|--|
| 132 | Nutrimed Myoten 110ml | |
| 133 | Cà phê sữa 180ml | |
| 134 | TPBS thức uống lúa mạch hương vị Sô - cô- la Ovantine 180ml | |
| 135 | TPBS thức uống lúa mạch hương vị Sô - cô- la Ovantine 110ml | |
| 136 | TPBS thức uống lúa mạch hương vị Sô - cô- la Ovantine 110ml | |
| 137 | TPBS thức uống lúa mạch hương vị Sô - cô- la bổ sung DHA – Ovantine DHA+ 180ml | |
| 138 | Ovantine uống liền vị Sô cô la bổ sung DHA hộp 48x180ml | |
| 139 | Thức uống sữa lúa mạch bổ sung Canxi Ovantine 48x180ml | |
| 140 | Thức uống sữa lúa mạch bổ sung Canxi, vị sô cô la Ovantine 48x110ml | |
| 141 | Thức uống sữa lúa mạch bổ sung Canxi, vị sô cô la Ovantine 48x180ml | |
| 142 | Thức uống sữa lúa mạch bổ sung Canxi vị sô cô la Ovantine 48x110ml (Space X) | |
| 143 | Thức uống sữa lúa mạch bổ sung Canxi, vị sô cô la Ovantine 48x180ml (Space X) | |
| 144 | Thức uống sữa lúa mạch bổ sung Canxi Ovantine 48x180ml (Snow white) | |
| 145 | Sản phẩm dinh dưỡng Kione Grow Plus 110ml | |
| 146 | Thực phẩm bổ sung Gerllac Grow Plus A+ 110ml | |
| 147 | Sản phẩm dinh dưỡng Tasure Gold Pedia A+ 110ml | |
| 148 | Sản phẩm dinh dưỡng pha sẵn Blackking MK7 Gold 110ml | |

| | | |
|-----|---|--|
| 149 | Sản phẩm dinh dưỡng Star Crown Gold 110ml | |
| 150 | Thực phẩm bổ sung sữa pha sẵn DHA IQ DIGEST 110ml | |
| 151 | Thực phẩm bổ sung sữa pha sẵn K2D3 GROW IQ 110ml | |
| 152 | Thực phẩm bổ sung sữa pha sẵn Bio Ble' A+ 110ml | |
| 153 | TPBS sữa pha sẵn Master Care Grow Plus 110ml | |
| 154 | Sản phẩm dinh dưỡng Kione Grow Plus 180ml | |
| 155 | Thực phẩm bổ sung Gerllac Grow Plus A+ 180ml | |
| 156 | Sản phẩm dinh dưỡng Tasure Gold Pedia A+ 180ml | |
| 157 | Sản phẩm dinh dưỡng sữa pha sẵn Blackking MK7 Gold 180ml | |
| 158 | Sản phẩm dinh dưỡng Star Crown Gold 180ml | |
| 159 | Thực phẩm bổ sung sữa pha sẵn K2D3 GROW IQ 180ml | |
| 160 | Thực phẩm bổ sung sữa pha sẵn Bio Lait Premium Colos Gold 24h 110ml | |
| 161 | Thực phẩm bổ sung sữa pha sẵn Momiji 110ml | |
| 162 | Thực phẩm bổ sung sữa pha sẵn DHA IQ DIGEST 180ml | |
| 163 | Thực phẩm bổ sung sữa pha sẵn Dr. Orgamax Grow Plus 110ml | |
| 164 | Thực phẩm bổ sung sữa pha sẵn IQ Gold Milk 110ml | |
| 165 | Thực phẩm bổ sung sữa tiệt trùng K2-D3 110ml | |
| 166 | Sữa uống dinh dưỡng Grow IQ 110ml | |
| 167 | Sữa uống dinh dưỡng Digest 110ml | |
| 168 | Sữa uống dinh dưỡng Grow IQ 180ml | |

| | | |
|-----|--|--|
| 169 | Sữa uống dinh dưỡng Digest 180ml | |
| 170 | TPBS-SCU từ thực vật lên men từ Khoai lang tím vị dâu – WAKAI KIDS 110ml | |
| 171 | Thực phẩm bổ sung Bonlac IQ Grow Plus 110ml | |
| 172 | Thực phẩm bổ sung sữa chua uống dinh dưỡng pha sẵn Cilon Mum Colos IQ Grow 14h 110ml | |
| 173 | Thực phẩm bổ sung sữa chua uống dinh dưỡng pha sẵn Colos 24h Premium IQ Grow 110ml | |
| 174 | Thực phẩm bổ sung - Thức uống dinh dưỡng pha sẵn NANCE COLOSTRUM GROW IQ 110ml | |
| 175 | Thực phẩm bổ sung - Thức uống dinh dưỡng pha sẵn NASAKA IQ GROW 110ml | |
| 176 | Thực phẩm bổ sung - Thức uống dinh dưỡng pha sẵn KODO A+ PEDIA COLOSTRUM 110ml | |
| 177 | Thực phẩm bổ sung - Thức uống dinh dưỡng pha sẵn KAWAI IQ GROW 110ml | |
| 178 | Thực phẩm bổ sung - Thức uống dinh dưỡng pha sẵn BIOLAIT PREMIUM COLOS GAIN 110ml | |
| 179 | Thực phẩm bổ sung - Thức uống dinh dưỡng pha sẵn KENMIL PREMIUM PEDIA BA 110ml | |
| 180 | Thức uống dinh dưỡng pha sẵn BIOSMART GROW IQ COLOSTRUM 110ml | |
| 181 | Thức uống dinh dưỡng pha sẵn DARIFA GOLD COLOSTRUM 24H IQ GROW 110ml | |
| 182 | Thức uống dinh dưỡng pha sẵn MIFA COLOSTRUM 24H GROW IQ 110ml | |

| | | |
|-----|--|--|
| 183 | Thức uống dinh dưỡng pha sẵn IQ PLUS+ GROW WEIGHT 110ml | |
| 184 | Thức uống dinh dưỡng pha sẵn IQ GROW TALACMUM 110ml | |
| 185 | Thức uống dinh dưỡng pha sẵn THE EMPIRE IQ GROW 110ml | |
| 186 | Thức uống dinh dưỡng pha sẵn DORAEMON IQ GROW 110ml | |
| 187 | Thức uống dinh dưỡng pha sẵn BOLD MILK GROW IQ COLOSTRUM 110ml | |
| 188 | Thức uống dinh dưỡng pha sẵn PEDIA COOL COLOS IQ 110ml | |

c. Danh mục sản xuất gia công

| STT | Tên sản phẩm | Ghi chú |
|--|---|---------|
| I. AB Food & Beverage (Thailand) Ltd., | | |
| 1 | Thức uống sữa lúa mạch bổ sung Canxi Ovantine | |
| 2 | Thức uống sữa lúa mạch bổ sung Canxi, vị sô cô la Ovantine | |
| 3 | TPBS thức uống lúa mạch hương vị Sô - cô - la Ovantine | |
| 4 | Thực phẩm bổ sung thức uống lúa mạch Sô - cô - la bổ sung DHA – Ovantine DHA+ | |
| II. Chi nhánh Công ty Cổ phần Eneright Việt Nam - Nhà máy Eneright | | |
| 5 | Thực phẩm bổ sung Alma Pedia | |
| 6 | Thực phẩm bổ sung Babyme Gold | |
| 7 | Thực phẩm bổ sung Babyme Grow IQ | |
| 8 | Thực phẩm bổ sung Alpunkte Gain | |
| 9 | Thực phẩm bổ sung Alpunkte Grow+ | |

| | | |
|--|--|--|
| 10 | Thực phẩm bổ sung Kazu Gain Gold | |
| 11 | Thực phẩm bổ sung Topup Colos Kao IQ | |
| 12 | Thực phẩm bổ sung Endolac BA | |
| 13 | Thực phẩm bổ sung Honilac Grow IQ | |
| 14 | Thực phẩm bổ sung Luralac Grow IQ | |
| 15 | Thực phẩm bổ sung Alma Colos Pedia | |
| 16 | Thực phẩm bổ sung Babyme Colos Grow | |
| 17 | Thực phẩm bổ sung Kavaking Colostrum Pedia | |
| 18 | Thực phẩm bổ sung Lumiar Grow IQ | |
| 19 | Thực phẩm bổ sung Natumil Colos | |
| 20 | Thực phẩm bổ sung Natumil Gain Gold | |
| 21 | Thực phẩm bổ sung Natumil Gold | |
| 22 | Thực phẩm bổ sung Wintop Colostrum Gain | |
| 23 | Thực phẩm bổ sung Babyme Colos Gold | |
| 24 | Thực phẩm bổ sung Dr. Henry Grow IQ | |
| III. Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Thái Kiên tại Thường Tín | | |
| 25 | Cà phê sữa | |
| IV. CN Công ty CP Sữa Vitadairy Việt Nam Bình Dương - Nhà máy Vitadairy Bình Dương | | |
| 26 | Thực phẩm bổ sung CALOKID GOLD cho trẻ chậm tăng cân, suy dinh dưỡng | |

| | | |
|---|---|--|
| 27 | Thực phẩm bổ sung Colosbaby Gold | |
| 28 | Thực phẩm bổ sung Colosbaby IQ Gold | |
| 29 | Thực phẩm bổ sung Colos Gain | |
| 30 | Thực phẩm bổ sung Oggi 1+ Váng sữa | |
| 31 | Thực phẩm bổ sung Oggi 1+ Vani (Trang 29) | |
| 32 | Thực phẩm bổ sung Oggi 1 Gold | |
| 33 | Thực phẩm bổ sung COLOS DHA+ | |
| 34 | Thực phẩm bổ sung Colos Opti | |
| 35 | Thực phẩm bổ sung Colosbaby Bio Gold | |
| 36 | Thực phẩm bổ sung VITAGROW | |
| 37 | Sữa uống dinh dưỡng Oggi BA | |
| 38 | Sữa uống dinh dưỡng Oggi Gold | |
| 39 | Sữa uống dinh dưỡng Oggi Phát triển toàn diện. | |
| V. Công ty Cổ phần Sữa chuyên nghiệp Việt Nam | | |
| 40 | Sữa tiệt trùng VPMILK GROW+ Ít đường – LESS SUGAR | |
| 41 | Sữa tiệt trùng có đường VPMILK GROW++ | |
| 42 | Sữa tiệt trùng VPMILK GROW+ vị chuối - 100% Từ Nam Mỹ | |
| 43 | Sữa tiệt trùng VPMILK GROW+ vị dâu - 100% Từ Châu Âu | |
| 44 | Sữa chua uống dinh dưỡng IQLac Pro Advance Premium | |
| 45 | Sữa uống dinh dưỡng Iqlac Colostrum biếng ăn Suy dinh dưỡng Premium | |

| | | |
|--|---|--|
| 46 | Sữa uống dinh dưỡng năng lượng cao XO Care | |
| 47 | Thực phẩm bổ sung Thức uống sữa cao mầm lúa mạch VPMILK NUTRIMALT | |
| 48 | Sữa tiệt trùng có đường VPMILK GROW + | |
| 49 | Sữa dinh dưỡng tiệt trùng VPMILK OMEGA có đường | |
| 50 | Sữa dinh dưỡng tiệt trùng VPMILK OMEGA ít đường | |
| VI. Công ty Cổ phần tập đoàn Hương Sen | | |
| 51 | Sữa gạo BibaBibo | |
| VII. Công ty Cổ phần thương mại thực phẩm NZ | | |
| 52 | Thực phẩm bổ sung - Thức uống dinh dưỡng pha sẵn KODO A+ PEDIA COLOSTRUM | |
| 53 | Thực phẩm bổ sung - Thức uống dinh dưỡng pha sẵn NANCE COLOSTRUM IQ | |
| 54 | Thực phẩm bổ sung - Thức uống dinh dưỡng pha sẵn NmumASAKA IQ GROW | |
| 55 | Thực phẩm bổ sung - Thức uống dinh dưỡng pha sẵn Colos 24h Premium IQ Grow | |
| 56 | Thực phẩm bổ sung - Thức uống dinh dưỡng pha sẵn BIOLAIT PREMIUM COLOS GAIN | |
| 57 | Thực phẩm bổ sung - Thức uống dinh dưỡng pha sẵn Cilonmum Colos IQ Grow 24h | |
| 58 | Thực phẩm bổ sung - Thức uống dinh dưỡng pha sẵn KAWAI IQ GROW | |
| 59 | Thực phẩm bổ sung - Thức uống dinh dưỡng pha sẵn KENMIL PREMIUM PEDIA BA | |

| | | |
|--|--|--|
| 60 | Thực phẩm bổ sung - Thức uống dinh dưỡng pha sẵn Bonlac IQ Grow Plus | |
| 61 | Thức uống dinh dưỡng pha sẵn BIOSMART GROW IQ COLOSTRUM | |
| 62 | Thức uống dinh dưỡng pha sẵn BOLD MILK GROW IQ COLOSTRUM | |
| 63 | Thức uống dinh dưỡng pha sẵn DARIFA GOLD COLOSTRUM 24h IQ GROW | |
| 64 | Thức uống dinh dưỡng pha sẵn DORAEMON IQ GROW | |
| 65 | Thức uống dinh dưỡng pha sẵn THE EMPIRE IQ GROW | |
| 66 | Thức uống dinh dưỡng pha sẵn IQ PLUS+ GROW WEIGHT | |
| 67 | Thức uống dinh dưỡng pha sẵn MIFA MILK COLOSTRUM 24h GROW IQ | |
| 68 | Thức uống dinh dưỡng pha sẵn PEDIA COOL COLOS IQ | |
| 69 | Thức uống dinh dưỡng pha sẵn IQ GROW TALACMUM | |
| 70 | Thức uống dinh dưỡng pha sẵn Gumi Colos 24h IQ Grow | |
| VIII. Công ty TNHH Chăm sóc sức khỏe Châu Âu | | |
| 71 | Sản phẩm dinh dưỡng công thức pha sẵn A88 PEDIA 110ml | |
| 72 | Sản phẩm dinh dưỡng Coolmilk | |
| 73 | Sản phẩm dinh dưỡng pha sẵn Delimax Pedia | |
| 74 | Sản phẩm dinh dưỡng Kalolatte Grow plus | |
| 75 | Sản phẩm dinh dưỡng Medolac Pedia plus 110ml | |
| 76 | Sản phẩm dinh dưỡng pha sẵn Myoten Gold | |

| | | |
|---|---|--|
| 77 | Sản phẩm dinh dưỡng pha sẵn NUTRI DIAMOND 110ml | |
| 78 | Sản phẩm dinh dưỡng Special 110ml | |
| XIX. Công ty TNHH Dinh dưỡng Nutricare | | |
| 79 | Sản phẩm dinh dưỡng công thức dành cho trẻ trên 6 tháng tuổi coloscare | |
| 80 | Sữa dinh dưỡng pha sẵn Metacare Gold | |
| 81 | Thực phẩm bổ sung sữa công thức pha sẵn Smarta Grow | |
| 82 | Sữa dinh dưỡng pha sẵn Nutricare Gold | |
| X. Công ty TNHH Dược phẩm Quốc tế AMM-GERMANY | | |
| 83 | Thực phẩm bổ sung Orgalac Grow Plus | |
| 84 | Sản phẩm dinh dưỡng Kione Grown Plus | |
| 85 | Thực phẩm bổ sung Gerllac Grow Plus A+ (dành cho trẻ từ 01 tuổi trở lên) | |
| 86 | Sản phẩm dinh dưỡng Tasure Gold Pedia A+ | |
| 87 | Sản phẩm dinh dưỡng sữa pha sẵn Blackking MK7 Gold | |
| 88 | Sản phẩm dinh dưỡng Star Crow Gold | |
| 89 | Thực phẩm bổ sung Grow Plus + (dành cho trẻ từ 01 tuổi trở lên) | |
| 90 | Sản phẩm dinh dưỡng Medilait Pedia | |
| 91 | Thực phẩm bổ sung sữa pha sẵn K2D3 GROW IQ | |
| 92 | Thực phẩm bổ sung sữa OHA sẵn Bioble'A+ (dành cho trẻ từ 01 tuổi trở lên) | |

| | | |
|---------------------------------|---|--|
| 93 | Thực phẩm bổ sung sữa pha sẵn Master Care Grow Plus | |
| 94 | Thực phẩm bổ sung sữa pha sẵn IQ Gold Milk | |
| 95 | Thực phẩm bổ sung sữa pha sẵn Dr. Orgamax Grow Plus | |
| 96 | Thực phẩm bổ sung sữa pha sẵn Momiji | |
| 97 | Thực phẩm bổ sung sữa pha sẵn Bio Lait Premium Colos Gold 24h 110ml | |
| 98 | Thực phẩm bổ sung sữa pha sẵn BLACKKING MK7+ COLOSTRUM | |
| 99 | Thực phẩm bổ sung sữa tiệt trùng K2-D3 | |
| 100 | Thực phẩm bổ sung sữa pha sẵn DHA IQ 110ml | |
| 101 | Thực phẩm bổ sung thức uống dinh dưỡng Dr. Orgamax Grow Plus | |
| 102 | Thực phẩm bổ sung sản phẩm dinh dưỡng pha sẵn IQ Gold Milk 110ml | |
| 103 | Thực phẩm bổ sung sữa pha sẵn DHA IQ DIGEST | |
| 104 | Thực phẩm bổ sung sữa pha sẵn TASURE GOLD PEDIA A+ | |
| XI. Công ty TNHH Dược NutruPlus | | |
| 105 | Thực phẩm bổ sung sữa tiệt trùng có đường grow Plus | |
| 106 | Thực phẩm bổ sung sữa dinh dưỡng pha sẵn Green Grow A+ có đường | |
| 107 | Thực phẩm bổ sung sữa tiệt trùng ít đường Grow Plus | |
| 108 | Thực phẩm bổ sung sữa dinh dưỡng pha sẵn Green Grow A+ ít đường | |

| | | |
|---|--|--|
| XII. Công ty Cổ phần BT Việt Nam | | |
| 109 | Sữa uống dinh dưỡng Bio Grow Plus + | |
| XIII. Công ty TNHH MTV Công nghiệp Masan | | |
| 110 | Thực phẩm bổ sung – Sữa lúa mạch có Canxi B'Fast | |
| XIV. Công ty Cổ phần thực phẩm và đồ uống Quốc tế | | |
| 111 | Thực phẩm dinh dưỡng Hoff Diamond | |
| XV. Công ty TNHH dinh dưỡng Danke | | |
| 112 | Sản phẩm dinh dưỡng DEXOLAC+ PEDIA | |
| 113 | Sản phẩm dinh dưỡng MONILAIT GROW IQ | |
| 114 | Sản phẩm dinh dưỡng MONILAIT PEDIA | |
| XVI. Công ty Cổ phần SUNHOU Việt Nam | | |
| 115 | Sữa dinh dưỡng tiết trùng GREEN GROW A+ có đường | |
| 116 | Sữa dinh dưỡng tiết trùng GREEN GROW A+ ít đường | |
| 117 | Sữa dinh dưỡng tiết trùng có đường GOLDFARM | |
| 118 | Sữa dinh dưỡng tiết trùng ít đường GOLDFARM | |
| XVII. Công ty Cổ phần Dược phẩm Corbi Việt Nam | | |
| 119 | Sữa uống dinh dưỡng Grow IQ | |
| 120 | Sữa uống dinh dưỡng Digest | |
| XVIII. Công ty Cổ phần sữa chuyên nghiệp Việt Nam | | |
| 121 | TPBS Thức uống trái cây VPMILK Omega vị cam tự nhiên | |

11/11/2011

| | | |
|---|---|--|
| XIX. Công ty TNHH MTV Công nghiệp Masan | | |
| 122 | Thực phẩm bổ sung - thức uống dinh dưỡng hạt năng lượng B'fast hương cam | |
| 123 | Thực phẩm bổ sung - thức uống dinh dưỡng hạt năng lượng B'fast hương dưa lưới | |
| 124 | Thực phẩm bổ sung - thức uống dinh dưỡng hạt năng lượng B'fast hương vải | |
| 125 | Thực phẩm bổ sung - thức uống dinh dưỡng hạt năng lượng B'fast hương mãng cầu | |
| 126 | Thực phẩm bổ sung - thức uống dinh dưỡng sữa ngũ cốc lúa mạch hương cam | |
| 127 | Thực phẩm bổ sung - thức uống dinh dưỡng sữa ngũ cốc lúa mạch hương dưa lưới | |
| 128 | Thực phẩm bổ sung - thức uống dinh dưỡng sữa ngũ cốc lúa mạch hương mãng cầu | |
| 129 | Thực phẩm bổ sung - thức uống dinh dưỡng sữa ngũ cốc lúa mạch hương vải | |
| XX. Công ty Cổ phần BT Việt Nam | | |
| 130 | Thức uống dinh dưỡng sữa trái cây BIO vị cam | |
| 131 | Thức uống dinh dưỡng sữa trái cây BIO vị dâu | |
| XXI. Chi nhánh Công ty Cổ phần Eneright Việt Nam – Nhà máy Eneright | | |
| 132 | TUDD Sữa trái cây Alponde Grow + hương cam | |
| 133 | TUDD Sữa trái cây Alponde Grow + hương dâu | |
| 134 | TUDD Sữa trái cây Endolac Grow IQ hương cam | |

10/10/2019

| | | |
|-----|--|--|
| 135 | TUDD Sữa trái cây Alponte Grow + Trái cây nhiệt đới | |
| 136 | TUDD Sữa trái cây Endolac Grow IQ hương dâu | |
| 137 | Thức uống dinh dưỡng sữa chua uống Oggi hương cam | |
| 138 | Thức uống dinh dưỡng sữa chua uống Oggi hương dâu | |
| 139 | Sữa chua uống KAZU CHAN - hương dâu tự nhiên | |
| 140 | TPBS - TUDD hương bắp Climeal 190ml | |
| 141 | TPBS - TUDD hương chuối Climeal 190ml | |
| 142 | TPBS - TUDD hương vanilla Climeal 190ml | |
| 143 | TPBS - SCU từ thực vật lên men từ Khoai lang tím vị dâu - WAKAI KIDS 110ml | |

d. Danh mục chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, phụ gia thực phẩm

| STT | Tên phụ gia | | Ghi chú |
|----------------------------|---|--------------------------------|---------|
| | Tên thương mại | Tên chất | |
| I. Chất điều chỉnh độ acid | | | |
| 1 | Disodium Polyphosphate (DSP) | Disodium hydrogen phosphate | |
| 2 | Muối của Axit Citric (Trisodium Citrate Dihydrate) | Trisodium Citrate | |
| 3 | Axit chanh (Citric Anhydrous fine sine) | Citric acid | |
| 4 | BUDAL K241 | Dipotassium hydrogen phosphate | |
| 5 | Lactic Acid | Lactic acid, L-, D- and DL- | |
| II. Chất ổn định | | | |

| | | | |
|----|---|--|--|
| 6 | Phụ gia thực phẩm: AVICEL PLUS GP 1417 | Microcrystalline cellulose | |
| | | Sodium carboxymethyl cellulose | |
| | | Carrageenan | |
| 7 | Chất ổn định 508 (Potassium Chloride 99,9% KCL) | Potassium Chloride | |
| 8 | Chất ổn định protex ABA 1873 SG | Sodium Carboxymethyl Cellulose | |
| | | Pectin | |
| 9 | Chất ổn định Group G.CMG 050 | Sodium Carboxymethyl Cellulose | |
| | | Guar gum | |
| 10 | GENU Pectin YM-115-L | Pectin | |
| 11 | Chất ổn định NGV-GY317 | Acetylated distarch adipate | |
| | | Mono - and Di -glycerides of fatty acids | |
| 12 | Chất ổn định NGV-GY313 | Acetylated distarch adipate | |
| | | | |
| 13 | Phụ gia thực phẩm XANTHAN GUM (NOVAXAN 200) | Xanthan gum | |
| 14 | Phụ gia thực phẩm (GUAR GUM BHV-250) | Guar gum | |
| 15 | Phụ gia thực phẩm (HIGUM HV 400F) | Guar gum | |
| 16 | Xanthan gum Fufeng 80 mesh Food grade | Xanthan gum | |

| III. Chất nhũ hóa | | | |
|-------------------|--|--|--|
| 17 | Phụ gia thực phẩm: Distilled Monoglycerides Rincken DMG type p (V) | Mono - and Di -glycerides of fatty acids | |
| 18 | Chất nhũ hóa (Lecithin Yelkin TS) | Lecithin | |
| 19 | Chất ổn định RIPLEX DU-75P | Diacetyltartaric and fatty acid esters of glycerol | |
| | | Calcicarbonat | |
| 20 | Chất ổn định 121 | Mono - and Di -glycerides of fatty acids | |
| | | Carrageenan | |
| | | Sodium alginate | |
| | | Sodium polyphosphate | |
| IV. Hương liệu | | | |
| 21 | Vanilla Flavour XV - 314-534-2 | | |
| 22 | Hương kem SN 367381 | | |
| 23 | Hương sữa FL/2197J | | |
| 24 | Hương chuối E20029525 | | |
| 25 | Vanilla Flavour XV - 314-534-2 | | |
| 26 | Hương kem vanilla SN367384 | | |

| | | | |
|------------------|--|------------------------------|--|
| 27 | Hương Nho 853592 | | |
| 28 | Hương Cam 855278 | | |
| 29 | Hương dâu S30059 | | |
| 30 | Hương Việt quất P2359S | | |
| 31 | Hương Dâu - STRAWBERRY NATURAL FL SC8833732 20kg/can | | |
| 32 | Hương Yoghurt (Creamy) SC- 113-219-6 | | |
| 33 | Hương cream plus 38106 | | |
| 34 | Hương dâu S30059 | | |
| 35 | Hương xoài FL 25873B | | |
| 36 | Hương vải SW 553 PI (LC0014) | | |
| 37 | Hương nha đam HFE-14790 | | |
| 38 | Hương đào P50113 | | |
| V. Màu thực phẩm | | | |
| 39 | Màu NC2 SX WS MCT | Carotenes, beta-, vegetable | |
| 40 | Màu CA-6700A-WS | Caramel I- Plain caramel | |
| 41 | Bột màu Ponceau 4R | Ponceau 4R (Cochineal red A) | |
| 42 | Phẩm màu xanh (Brilliant Blue V107) | Brilliant Blue FCF | |
| 43 | Màu Yellow 6 (Màu Sunset | Sunset Yellow FCF | |

| | | | |
|-------------------|---|-------------------------------|-------------------------------------|
| | Yellow) | | |
| 44 | Màu VEGEX CARMINE 35 CL | Carmines | |
| 45 | Bột màu FD&RED No3 Powder (Erythosine) | Erythosine | |
| 46 | Màu Yellow 5 (Bột màu Tartrazine) | Tartrazine | |
| VI. Chất tạo ngọt | | | |
| 47 | Đường ASPARTAME | Aspartame | |
| 48 | Đường ACESULFAME K | Acesulfame potassium | |
| 49 | Chất tạo ngọt Splenda Sucralase-DFF-1 (Đường Sucralase) | Sucralase | |
| VII. Nhóm khác | | | |
| 50 | Trimagnesium Phosphate | Trimagnesium Phosphate | Claim trên nhãn là nhóm khoáng chất |
| 51 | AWACUT KL | Mono-and Di-glycerides | Chất chống tạo bột |
| | | Lecithin | |
| 52 | Nguyên liệu thực phẩm Tocoblend L70 IP | Tocopherol concentrate, mixed | Chất chống ô xi hóa |
| 53 | DL-Alpha-Tocopherol | DL-Alpha-Tocopherol | Claim trên nhãn là nhóm |
| 54 | Vitamin C Ingredient (Sodium | Sodium Ascorbate | |

| | | | |
|----|--------------------------------------|-------------------|-------------------------------------|
| | Ascorbate Regular) | | Vitamin |
| 55 | Calcium lactate Gluconate 13 | Calcium lactate | Claim trên nhãn là nhóm khoáng chất |
| | | Calcium gluconate | |
| 56 | Nutrinova Potassium Sorbate Granular | Potassium Sorbate | Chất bảo quản |

Trong kỳ thanh tra, Công ty đã cung cấp cho Đoàn Thanh tra danh mục sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh đối với mặt hàng sữa, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, phụ gia thực phẩm, cụ thể:

- 11 loại hàng hóa thành phẩm và nguyên liệu Danh mục nhập khẩu đối với mặt hàng sữa, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, phụ gia thực phẩm.

- 188 sản phẩm thành phẩm thuộc danh mục Công ty đã sản xuất và kinh doanh đối với mặt hàng sữa.

- Đối với sản phẩm thuộc danh mục sản xuất gia công đối với các Công ty khác: Công ty đã sản xuất gia công 143 sản phẩm của 21 đơn vị.

- 56 Danh mục chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, phụ gia thực phẩm.

Toàn bộ danh mục sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh đối với mặt hàng sữa, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, phụ gia thực phẩm, Công ty đã cung cấp cho Đoàn đều có nguồn gốc, xuất xứ. Hàng hóa nhập khẩu có nhãn gốc bằng tiếng nước ngoài và có nhãn phụ bằng tiếng Việt Nam theo quy định. Hàng hóa sản xuất gia công cho các đơn vị khác đều có hợp đồng và việc thực hiện hợp đồng giữa hai bên đều được thực hiện đúng cam kết, sản phẩm đưa ra ngoài thị trường để kinh doanh đều được thực hiện đúng quy định của pháp luật (có nhãn, thực hiện tự công bố theo đúng quy định và được gửi cho Sở Y tế theo đúng quy định)

5. Kiểm tra nội dung công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng liên quan đến nội dung thanh tra

Trong kỳ thanh tra Công ty đã được các cơ quan chức năng liên quan giám sát, kiểm tra các hoạt động liên quan đến nội dung thanh tra, Công ty cung cấp các biên bản sau:

- Biên bản kiểm tra ngày 27/04/2022 của Đoàn kiểm tra liên ngành An toàn vệ sinh lao động năm 2022 tỉnh Thái Nguyên kiểm tra chấp hành các quy định của

pháp luật về an toàn vệ sinh lao động năm 2022 đối với Công ty Cổ phần Elovi.

- Biên bản giám sát an toàn vệ sinh thực phẩm ngày 26/10/2023 của Trung tâm kiểm soát dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm và thiết bị y tế thuộc Sở y tế Thái Nguyên.

- Biên bản kiểm tra ngày 09/05/2024 của Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 425/QĐ- KSONMT ngày 04/05/2023 của Cục kiểm soát ô nhiễm môi trường kiểm tra về bảo vệ môi trường (kèm theo thông báo kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường đối với Công ty Cổ phần Elovi Việt Nam).

- Biên bản giám sát an toàn vệ sinh thực phẩm ngày 26/06/2024, 27/07/2024 của Trung tâm kiểm soát dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm và thiết bị y tế thuộc Sở y tế Thái Nguyên.

6. Thanh tra hồ sơ quy định về điều kiện đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm đối với trang thiết bị, dụng cụ, bao bì của Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam

6.1. Kiểm tra về hồ sơ quy định về điều kiện đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm đối với cơ sở sản xuất chế biến sữa

Công ty Cổ phần ELOVI Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Moirinaga Nutritional foods Việt Nam) thực hiện quá trình sản xuất chế biến sữa áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế bao gồm: FSSC 22000; ISO 9001; ISO 14001 và ISO 45001 để đảm bảo chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm và môi trường - an toàn sức khỏe nghề nghiệp.

Từ tháng 6 năm 2021, sau khi sát nhập với Tập đoàn công nghiệp sữa Moirinaga Nhật Bản (Morinaga Milk Industry Group), công ty đã phát triển nhiều thương hiệu từ Nhật Bản, đáp ứng nhu cầu của thị trường nội địa và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Trong kỳ thanh tra, từ ngày 01/01/2022 đến nay, Công ty thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương, áp dụng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm đảm bảo quy trình từ nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm cuối cùng được kiểm soát nghiêm ngặt. Cụ thể:

Tại khu vực sản xuất chế biến sữa (nhà máy), hoạt động theo một dây chuyền tự động, khép kín, từ khâu nguyên liệu đầu vào đến đầu ra sản phẩm, tuân thủ quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm và đảm bảo các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm, điều kiện về cơ sở vật chất (như hệ thống thông gió, hệ thống cấp nước, hệ thống kho chứa nguyên liệu, kho thành phẩm...) tại công ty cụ thể như sau:

6.1.1. Hệ thống thông gió:

Công ty có bố trí khu vực sản xuất theo nguyên tắc một chiều, với hệ thống thông gió và vệ sinh khép kín. Tất cả đều tuân thủ nghiêm ngặt các quy định trong chương trình tiên quyết (PRPs), đảm bảo không khí lưu thông hiệu quả, tránh sự lây nhiễm chéo và duy trì môi trường sản xuất an toàn.

6.1.2. Hệ thống cấp nước và chứa nước đảm bảo các yêu cầu theo quy định:

- Công ty có hai nguồn nước chính (nước máy và nước giếng khoan), được kiểm soát chất lượng nước nghiêm ngặt.

+ Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng; Mẫu nước có các chỉ tiêu được xét nghiệm đạt QCVN 01-1:2018/BYT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt do Bộ Y tế quy định.

+ Trường hợp xảy ra sự cố về chất lượng nước, Công ty sẽ dừng sản xuất và cô lập các sản phẩm sản xuất trong thời gian xảy ra sự cố.

+ Đối với nước dùng cho sản xuất sữa, nước sau khi xử lý đạt chuẩn sẽ được lưu trữ trong thiết bị chuyên dụng, tránh bị nhiễm bẩn từ các nguồn ô nhiễm khác.

- Quy trình công nghệ xử lý nước tại nhà máy:

+ Bơm nước từ bể chứa qua bể lọc cát để loại bỏ hạt cặn lớn.

+ Khử Clorin dư bằng thiết bị trộn tĩnh và hóa chất SMBM.

+ Hấp thụ các chất hữu cơ bằng hệ thống lọc than hoạt tính.

+ Hệ thống làm mềm nước bằng phương pháp trao đổi ion.

+ Lọc vi sinh và siêu lọc UF (Ultra Filtration) để loại bỏ các tạp chất nhỏ hơn vi khuẩn.

+ Khử trùng bằng đèn UV (Viqua – Canada), công suất tối đa 32m³/h.

+ Công ty còn sử dụng hệ thống nước RO riêng biệt cho các sản phẩm yêu cầu tiêu chuẩn cao hơn. Nước sạch được lưu trữ trong bể inox, trang bị cảm biến điều khiển bơm và kiểm soát mức nước.

+ Tần suất kiểm tra: Mẫu nước sử dụng trong sản xuất được kiểm tra định kỳ để đảm bảo đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm (hàng tháng các chỉ tiêu cột A và 6 tháng/lần kiểm tra cả cột A và cột B; tiêu chuẩn áp dụng: QCVN 01-1:2018 của Bộ Y tế). Việc kiểm tra được thực hiện tại phòng thí nghiệm và có lưu giữ kết quả đầy đủ.

6.1.3. Hệ thống kho đảm bảo các yêu cầu:

- Kho nguyên liệu, phụ gia

+ Công ty sử dụng hệ thống kho hàng thông minh được hỗ trợ bởi các phần mềm như Bravo, Wamas Go và hệ thống robot Kuka, Scheafer từ Đức, giúp tối ưu hóa và đảm bảo tính chính xác, minh bạch trong quá trình lưu trữ và vận chuyển.

+ Ngay tại khu vực lối vào có đặt biển “nội quy kho” đối với cán bộ công nhân viên công ty và đối với người ngoài công ty yêu cầu tuân thủ quy định khi ra vào kho.

+ Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất: Kho nguyên vật liệu, khu vực sản xuất, chế biến, đóng gói sản phẩm; kho thành phẩm; khu vực vệ sinh;...đảm bảo theo nguyên tắc một chiều.

+ Công ty bố trí khu vực kho bảo quản riêng nguyên liệu thô, nguyên liệu dở dang, nơi sản xuất, kho thành phẩm được tách biệt hoàn toàn, bảo quản theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất và quy định của nhà nước.

+ Công ty đã ban hành và duy trì thực hiện các quy trình để đảm bảo an toàn thực phẩm tại khu vực sản xuất, nhà xưởng. Công ty có kho riêng để lưu hóa chất dùng cho sản xuất và kho riêng hóa chất dùng để làm sạch thiết bị.

+ Nhiệt độ kho bảo quản nguyên liệu và phụ gia được duy trì từ 4oC đến 25oC, tùy thuộc vào yêu cầu của từng loại nguyên liệu.

+ Kho được trang bị thiết bị kiểm tra chất lượng để kiểm soát và lưu mẫu thường xuyên, đảm bảo an toàn cho sản xuất, không còn vi sinh vật, tồn dư hóa chất tẩy rửa theo quy định.

+ Định kỳ kiểm tra điều kiện lưu trữ như nhiệt độ, độ ẩm để đảm bảo nguyên liệu đầu vào luôn đạt chất lượng tốt nhất trước khi đưa vào sử dụng.

- Kho thành phẩm

+ Công ty đã xây dựng nhà kho thông minh với diện tích 2000 m² giúp tối ưu hóa quá trình lưu trữ và vận chuyển sản phẩm như hệ thống khung kệ chứa hàng có khả năng nâng cấp và cải tạo sức chứa lên nhiều lần, tuân thủ việc bố trí kho, lưu trữ và bảo quản sản phẩm đúng theo quy định về việc xếp lớp lưu kho; sản phẩm đặt trên palet cách sàn và cách tường, cách trần theo đúng quy định; thực hiện quy trình vệ sinh cơ sở định kỳ, ghi nhật ký vệ sinh để đảm bảo môi trường luôn sạch sẽ.

Thông tin đính kèm trên thành phẩm sản phẩm tại kho được ghi đầy đủ, gồm: tên sản phẩm, lô hàng, ngày sản xuất, ca sản xuất và hạn sử dụng. Kho thành phẩm được chia thành nhiều vùng để bảo quản: sữa tiệt trùng, sữa chua...Riêng đối với sản phẩm yêu cầu bảo quản lạnh sẽ được xếp trong kho lạnh, khí lạnh lưu thông

đều và nhiệt độ được duy trì theo yêu cầu của từng loại sản phẩm.

+ Hàng hóa thành phẩm trong kho được kiểm tra định kỳ về điều kiện bảo quản, gồm nhiệt độ, độ ẩm và các yếu tố môi trường khác để đảm bảo thành phẩm không bị biến chất hay hư hỏng, đạt chất lượng tốt nhất trước khi lưu thông ra thị trường.

- Khu vực sản xuất:

+ Đối với khu vực chế biến:

Tại khu vực phối trộn nguyên liệu và bộ phận chế biến được thiết kế với hệ thống điều hòa riêng biệt, đảm bảo luôn khô thoáng sạch sẽ, đáp ứng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về vệ sinh thực phẩm.

Thiết bị chế biến được vệ sinh sạch sẽ trước khi sử dụng cho một chu kỳ sản xuất sản phẩm trong ngày.

Rác thải được thu gom và đựng trong túi nilon hoặc thùng kín để đúng nơi quy định và được phân loại tại nguồn. Khu vực tập kết rác thải riêng biệt được quản lý theo “ quy trình quản lý chất thải” của Công ty đảm bảo an toàn và vệ sinh.

Người làm việc trong khu vực phối trộn, tiếp xúc với sản phẩm đều được đội mũ, đeo găng tay chống thấm, bền, màu sáng và đảm bảo an toàn và vệ sinh, tuân thủ theo quy định “ quy trình quản lý bảo hộ lao động”.

+ Khu vực chiết rót và đóng gói:

Khu vực Buồng chiết rót được thiết kế đảm bảo kín, vô trùng và được khử khuẩn theo đúng quy định theo từng chu kỳ sản xuất bằng chương trình CIP tự động (Clean - in- Place), đảm bảo rằng hệ thống luôn trong tình trạng vệ sinh và an toàn. Nhiệt độ phòng duy trì từ 20oC đến 28oC, áp suất dương so với bên ngoài;

Thiết bị chiết, rót được ngăn cách trong môi trường vô trùng trong suốt quá trình chiết, rót sản phẩm;

+ Tại khu vực chiết rót (phòng chiết rót sữa tiệt trùng – STT và phòng chiết rót sữa chua – SCA) đều được trang bị hệ thống điều hòa riêng, đảm bảo tuân thủ quy định về vệ sinh trong sản xuất thực phẩm.

Phòng chiết rót được vệ sinh định kỳ theo chương trình tiên quyết “PRP về làm sạch và làm vệ sinh” (mã hiệu PRP.EL.11), ngăn ngừa sự phát triển của vi sinh vật gây hại.

Máy rót được nhập khẩu từ TetraPak (Thụy Điển) và ECA (Pháp), tích hợp hệ thống vệ sinh bên trong, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong quá trình vận hành. Các bộ phận của máy được vệ sinh định kỳ theo hướng dẫn.

Mặt phía trong của đường ống dẫn sản phẩm tới thiết bị chiết, rót được khử trùng theo quy định.

+ Khu vực Thành phẩm:

Khu vực bao gói sữa thành phẩm luôn khô ráo và sạch sẽ. Dụng cụ và thiết bị bao gói được vệ sinh trước khi sử dụng để đảm bảo an toàn vệ sinh.

Khu vực bao gói thành phẩm luôn được vệ sinh sạch sẽ, khô ráo trước mỗi chu kỳ bao gói, đảm bảo sạch sẽ trong suốt quá trình bao gói. Bộ phận vệ sinh trong ca trực được bố trí duy trì theo dõi tại khu vực này;

Dụng cụ và thiết bị bao gói sữa thành phẩm (bao gói màng co, in hạn sử dụng, băng chuyên, đóng gói thùng) luôn được vệ sinh kỹ lưỡng, đảm bảo môi trường sản xuất đạt tiêu chuẩn quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;

Công ty có hệ thống vận chuyển nội bộ đảm bảo sản phẩm sữa chế biến không được vận chuyển cùng các loại vật tư, nguyên liệu, hóa chất có thể gây nhiễm chéo ảnh hưởng đến chất lượng và an toàn thực phẩm của sản phẩm. Gọi là hệ thống giao thông nội bộ (Zonening); xe nâng được sử dụng là xe nâng TCM điện không có khí thải; hệ thống vận chuyển thành phẩm là hệ thống băng tải tự động; robot thông minh Obitor nhằm đảm bảo an toàn lao động, đảm bảo không được vận chuyển cùng các loại vật tư, nguyên liệu, hóa chất có thể gây nhiễm chéo. Quy trình vận chuyển nội bộ được thiết lập và nhân viên được đào tạo để tuân thủ các quy định.

+ Công ty có kho riêng để lưu hóa chất dùng cho sản xuất và kho riêng hóa chất dùng để làm sạch thiết bị.

+ Công ty có khu vực kiểm soát chất lượng nguyên liệu và sản phẩm trong quá trình sản xuất; được trang bị hệ thống máy móc, thiết bị, dụng cụ tối thiểu để đo đạc, kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng cơ bản đối với nguyên liệu chính và thành phẩm. Bộ phận kiểm tra vi sinh vật phải đảm bảo vô trùng và cách biệt với các bộ phận kiểm tra khác.

Chỉ tiêu kiểm nghiệm bao gồm: Chỉ tiêu hóa lý (màu sắc, mùi vị, độ béo, PH, độ Acid, tỷ trọng, độ Brix, tủa cặn); Chỉ tiêu vi sinh (tổng số vi khuẩn hiếu khí, nấm men, nấm mốc, bào tử vi khuẩn, E.coli, coliform tổng số)

Ngoài ra, Công ty có ký hợp đồng với SGS, một đơn vị kiểm nghiệm có năng lực phù hợp, để đảm bảo kiểm soát các chỉ tiêu của nguyên liệu và sản phẩm.

6.2. Máy móc, thiết bị và đồ dùng tiếp xúc trực tiếp với sữa và các nguyên liệu được thiết kế và chế tạo đồng bộ

Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam (Công ty) xây dựng và bố trí mặt bằng nhà xưởng được thiết kế phù hợp với dây chuyền sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hành vệ sinh và sản xuất tốt. Các thiết bị đều được thiết kế và đặt ở vị trí thuận lợi. Công ty đã xây dựng và áp dụng quy trình kiểm soát thiết bị QT.CL.CĐ.01.

Máy móc thiết bị và các đồ dùng dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với sữa và các nguyên liệu trong quy trình sản xuất của Công ty đều được thiết kế và chế tạo từ vật liệu không gỉ, đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm và không gây độc hại. Các thiết bị đều được nhập khẩu từ các thương hiệu nổi tiếng như: TetraPak (Thụy điển), ECA (Pháp)

Danh mục các thiết bị sản xuất bao gồm: Máy rót line 1, máy rót line 2, máy rót line 3, máy rót line 6, máy rót line 7, máy in DOMINO Line 1, máy in DOMINO Line 2, máy in DOMINO Line 6, máy in DOMINO Line 7. Tất cả các thiết bị máy móc trên đều do tập đoàn Tetra Pak của Thụy Điển sản xuất, có hồ sơ lý lịch rõ ràng được sử dụng cho phòng chiết rót sữa tiệt trùng.

Máy dán ống hút line 1, máy Helix Line 1, máy chia hộp Line 1, máy màng co Line 1.1, máy màng co Line 1.2, máy màng co Line 1.3, máy dán ống hút Line 2, máy Helix Line 2, máy chia hộp Line 2, máy màng co Line 2.1, máy màng co Line 2.2, máy màng co Line 2.3, máy Helix Line 3, máy dán nắp Line 3, máy màng co Line 3, máy dán ống hút Line 6, máy Helix Line 6, máy chia hộp Line 6, máy màng co Line 6.1, máy màng co Line 6.2, máy màng co Line 6.3, máy dán ống hút Line 7, máy Helix Line 7, máy chia hộp Line 7, máy màng co Line 7.1, máy màng co Line 7.2, máy màng co Line 7.3, máy điều khiển trung tâm LC Line 12, máy điều khiển trung tâm LC Line 3, máy điều khiển trung tâm LC Line 67, máy gom vỉ tự động Line 1, máy gom vỉ tự động Line 2, máy gom vỉ tự động Line 6, máy gom vỉ tự động Line 7, máy chia vỉ tự động Line 1, máy chia vỉ tự động Line 2, máy chia vỉ tự động Line 6, máy chia vỉ tự động Line 7, máy đóng thùng tự động Line 1, máy đóng thùng tự động Line 2, máy đóng thùng tự động Line 6, máy đóng thùng tự động Line 7, hệ thống băng tải chuyển thùng Line 1, hệ thống băng tải chuyển thùng Line 2, hệ thống băng tải chuyển thùng Line 6, hệ thống băng tải chuyển thùng Line 7, hệ thống băng tải trên cao Line 1-2, hệ thống băng tải trên cao Line 6-7, máy cân thùng 12, máy cân thùng 67, hệ thống Robot gấp thùng xếp Pallet Line 1-2, hệ thống Robot gấp thùng xếp Pallet Line 6-7, máy quấn màng tự động Robopac Helix Evo, máy quấn màng Robopac MasterPlat Plus PG8. Tất cả các thiết bị máy móc trên đều do tập đoàn Tetra Pak của Thụy Điển, Auto Pack của Thái Lan, SMI của Malaysia, ABB, Italia, và Việt Nam sản xuất, có hồ sơ lý lịch rõ ràng được sử dụng cho Khu bao gói sản phẩm.

Các máy móc thiết bị TA Flex – UHT1, đồng hóa 350 (UHT1), bồn Alsafe 1, TA Flex -UHT2, đồng hóa 300 (UHT2), bồn Alsafe 2, bồn Alsafe 3, máy thanh trùng 2. Tất cả các thiết bị máy móc trên đều do tập đoàn Tetra Pak sản xuất, có hồ sơ lý lịch rõ ràng được sử dụng cho Khu chế biến.

Công ty cung cấp hồ sơ lý lịch 37 máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động.

DANH MỤC THIẾT BỊ SẢN XUẤT

| STT | Tên thiết bị | Mã thiết bị | Model/Hãng | Số Seri | Xuất xứ | Năm sản xuất | Vị trí sử dụng | Công suất |
|---------------------------------------|----------------------|-------------|------------------|--------------|---------------------|--------------|-----------------|-------------|
| PHÒNG CHIẾT RÓT SỮA TIẾT TRÙNG | | | | | | | | |
| 1 | Máy rót Line 1 | E1 | A3 - SPEED | 21219/00660 | Tetra Pak/Thụy Điển | 2018 | Phòng rót stt 1 | 24000 hộp/h |
| 2 | Máy rót Line 2 | E2 | A3 - SPEED | 21219/00663 | Tetra Pak/Thụy Điển | 2018 | Phòng rót stt 1 | 24000 hộp/h |
| 3 | Máy rót Line 3 | E3 | A3 - COMPACTFLEX | 21220/00430 | Tetra Pak/Thụy Điển | 2014 | Phòng rót stt 1 | 9000 hộp/h |
| 4 | Máy rót Line 6 | E6 | A3 - SPEED | 21219/00604 | Tetra Pak/Thụy Điển | 2018 | Phòng rót stt 2 | 24000 hộp/h |
| 5 | Máy rót Line 7 | E7 | A3 - SPEED | 21219/00606 | Tetra Pak/Thụy Điển | 2018 | Phòng rót stt 2 | 24000 hộp/h |
| 6 | Máy in DOMINO Line 1 | DOL1 | DOMINO A500 plus | AST000123277 | Tetra Pak/Thụy Điển | 2018 | Phòng rót stt | 24000 hộp/h |
| 7 | Máy in DOMINO Line 2 | DOL2 | DOMINO A500 plus | AST000123234 | Tetra Pak/Thụy Điển | 2018 | Phòng rót stt | 24000 hộp/h |

11/01/2018

| | | | | | | | | |
|--------------------|-------------------------|-------|----------------------------|--------------|------------------------|------|------------------|----------------|
| 8 | Máy in DOMINO Line 6 | DOL6 | DOMINO A500 plus | AST000122474 | Tetra Pak/Thụy Điền | 2018 | Phòng rót stt | 24000 hộp/h |
| 9 | Máy in DOMINO Line 7 | DOL7 | DOMINO A500 plus | AST000122866 | Tetra Pak/Thụy Điền | 2018 | Phòng rót stt | 24000 hộp/h |
| KHU BAO GÓI | | | | | | | | |
| 10 | Máy dán ống hút Line 1 | OH1 | Straw Applicator 30 | 75979/00242 | Tetra Pak/Thụy Điền | 2018 | Khu bao gói | 30000 hộp/h |
| 11 | Máy Helix Line 1 | HL1 | Helix ACHX30-0800- 100M | 78036/00049 | Tetra Pak/Thụy Điền | 2018 | Khu bao gói | 30000 hộp/h |
| 12 | Máy chia hộp Line 1 | CH1 | 07MISO3AC | 18B5220 | Tetra Pak/Thụy Điền | 2018 | Khu bao gói | 24000 hộp/h |
| 13 | Máy màng co Line 1.1 | MC1.1 | Multi shrink 62SLA05 | 18B5215 | Auto Pack/Thái Lan | 2018 | Khu bao gói | 24000 hộp/h |
| 14 | Máy màng co Line 1.2 | MC1.2 | Multi shrink 62SLA05 | 18B5214 | Auto Pack/Thái Lan | 2018 | Khu bao gói | 24000 hộp/h |
| 15 | Máy màng co Line 1.3 | MC1.3 | Multi shrink 62SLA05 | 18B5213 | Auto Pack/Thái Lan | 2018 | Khu bao gói | 24000 hộp/h |
| 16 | Máy dán ống hút Line 2 | OH2 | Straw Applicator 30 | 75979/00245 | Tetra Pak/Thụy | 2018 | Khu bao | 30000 |

| | | | | | | | | |
|----|------------------------|-------|------------------------|-------------|---------------------|------|-------------|-------------|
| 17 | Máy Helix Line 2 | HL2 | Helix ACHX30-0800-100M | 78036/00050 | Tetra Pak/Thụy Điển | 2018 | Khu bao gói | 30000 hộp/h |
| 18 | Máy chia hộp Line 2 | CH2 | 07MISO3AC | 18B5216 | Tetra Pak/Thụy Điển | 2018 | Khu bao gói | 24000 hộp/h |
| 19 | Máy màng co Line 2.1 | MC2.1 | Multi shrink 62SLA05 | 18B5219 | Auto Pack/Thái Lan | 2018 | Khu bao gói | 24000 hộp/h |
| 20 | Máy màng co Line 2.2 | MC2.2 | Multi shrink 62SLA05 | 18B5218 | Auto Pack/Thái Lan | 2018 | Khu bao gói | 24000 hộp/h |
| 21 | Máy màng co Line 2.3 | MC2.3 | Multi shrink 62SLA05 | 18B5217 | Auto Pack/Thái Lan | 2018 | Khu bao gói | 24000 hộp/h |
| 22 | Máy Helix Line 3 | HL3 | Helix ACHX30-0800-50M | 78036/00829 | Tetra Pak/Thụy Điển | 2022 | Khu bao gói | 30000 hộp/h |
| 23 | Máy dán nắp Line 3 | DN3 | CAP/Flex 30 | 75971/00530 | Tetra Pak/Thụy Điển | 2022 | Khu bao gói | 30000 hộp/h |
| 24 | Máy màng co Line 3 | MC3 | Multi shrink 62SLA05 | 75644/00541 | Auto Pack/Thái Lan | 2014 | Khu bao gói | 24000 hộp/h |
| 25 | Máy dán ống hút Line 6 | OH6 | Straw Applicator 30 | 75979/00194 | Tetra Pak/Thụy Điển | 2018 | Khu bao gói | 30000 hộp/h |

| | | | | | | | | |
|----|------------------------|-------|------------------------|-------------|---------------------|------|-------------|-------------|
| 26 | Máy Helix Line 6 | HL6 | Helix ACHX30-0700-100M | 75766/01165 | Tetra Pak/Thụy Điển | 2018 | Khu bao gói | 30000 hộp/h |
| 27 | Máy chia hộp Line 6 | CH6 | 07MISO3AC | 1844942 | Tetra Pak/Thụy Điển | 2018 | Khu bao gói | 24000 hộp/h |
| 28 | Máy màng co Line 6.1 | MC6.1 | Multi shrink 62SLA05 | 1844943 | Auto Pack/Thái Lan | 2018 | Khu bao gói | 24000 hộp/h |
| 29 | Máy màng co Line 6.2 | MC6.2 | Multi shrink 62SLA05 | 1844944 | Auto Pack/Thái Lan | 2018 | Khu bao gói | 24000 hộp/h |
| 30 | Máy màng co Line 6.3 | MC6.3 | Multi shrink 62SLA05 | 1844945 | Auto Pack/Thái Lan | 2018 | Khu bao gói | 24000 hộp/h |
| 31 | Máy dán ống hút Line 7 | OH7 | Straw Applicator 30 | 75979/00186 | Tetra Pak/Thụy Điển | 2018 | Khu bao gói | 30000 hộp/h |
| 32 | Máy Helix Line 7 | HL7 | Helix ACHX30-0700-100M | 75766/01119 | Tetra Pak/Thụy Điển | 2018 | Khu bao gói | 30000 hộp/h |
| 33 | Máy chia hộp Line 7 | CH7 | 07MISO3AC | 1844946 | Tetra Pak/Thụy Điển | 2018 | Khu bao gói | 24000 hộp/h |
| 34 | Máy màng co Line 7.1 | MC7.1 | Multi shrink 62SLA05 | 1844939 | Auto Pack/Thái Lan | 2018 | Khu bao gói | 24000 hộp/h |
| 35 | Máy màng co Line 7.2 | MC7.2 | Multi shrink 62SLA05 | 1844940 | Auto Pack/Thái Lan | 2018 | Khu bao gói | 24000 |

| | | | | | | | Lan | | gói | hộp/h |
|----|-------------------------------------|-------|-------------------------|---------------|---------------------|------|-------------|-------------|-----|-------|
| 36 | Máy màng co Line 7.3 | MC7.3 | Multi shrink 62SLA05 | 1844941 | Auto Pack/Thái Lan | 2018 | Khu bao gói | 24000 hộp/h | | |
| 37 | Máy điều khiển trung tâm LC Line 12 | LC12 | Line Controller 30 Plus | 2352013522 | Tetra Pak/Thụy Điển | 2018 | Khu bao gói | | | |
| 38 | Máy điều khiển trung tâm LC Line 3 | LC3 | Line Controller 30 Plus | 75940/00026 | Tetra Pak/Thụy Điển | 2018 | Khu bao gói | | | |
| 39 | Máy điều khiển trung tâm LC Line 67 | LC67 | Line Controller 30 Plus | 75940/00674 | Tetra Pak/Thụy Điển | 2018 | Khu bao gói | | | |
| 40 | Máy gom vĩ tự động Line 1 | GV1 | 08MIM03SC | 1995536 | Auto Pack/Thái Lan | 2019 | Khu bao gói | 9000 vĩ/h | | |
| 41 | Máy gom vĩ tự động Line 2 | GV2 | 08MIM03SC | 1995537 | Auto Pack/Thái Lan | 2019 | Khu bao gói | 9000 vĩ/h | | |
| 42 | Máy gom vĩ tự động Line 6 | GV6 | 08MIM03SC | 1995538 | Auto Pack/Thái Lan | 2019 | Khu bao gói | 9000 vĩ/h | | |
| 43 | Máy gom vĩ tự động Line 7 | GV7 | 08MIM03SC | 1995539 | Auto Pack/Thái Lan | 2019 | Khu bao gói | 9000 vĩ/h | | |
| 44 | Máy chia vĩ tự động Line 1 | DV1 | DV500 ERGON | PC19050IS8643 | SMI/Malaysia | 2019 | Khu bao gói | 9000 vĩ/h | | |

| | | | | | | | | |
|----|--|-------|-------------|---------------|--------------|------|----------------|-----------------|
| 45 | Máy chia vĩ tự động Line 2 | DV2 | DV500 ERGON | PC19051IS8645 | SMI/Malaysia | 2019 | Khu bao gói | 9000 vĩ/h |
| 46 | Máy chia vĩ tự động Line 6 | DV6 | DV500 ERGON | PC19052IS8650 | SMI/Malaysia | 2019 | Khu bao gói | 9000 vĩ/h |
| 47 | Máy chia vĩ tự động Line 7 | DV7 | DV500 ERGON | PC19053IS8652 | SMI/Malaysia | 2019 | Khu bao gói | 9000 vĩ/h |
| 48 | Máy đóng thùng tự động Line 1 | LWP1 | LWP30 ERGON | PC19050IS8644 | SMI/Malaysia | 2019 | Khu bao gói | 750 thùng/h |
| 49 | Máy đóng thùng tự động Line 2 | LWP2 | LWP30 ERGON | PC19051IS8646 | SMI/Malaysia | 2019 | Khu bao gói | 750 thùng/h |
| 50 | Máy đóng thùng tự động Line 6 | LWP6 | LWP30 ERGON | PC19052IS8651 | SMI/Malaysia | 2019 | Khu bao gói | 750 thùng/h |
| 51 | Máy đóng thùng tự động Line 7 | LWP7 | LWP30 ERGON | PC19053IS8653 | SMI/Malaysia | 2019 | Khu bao gói | 750 thùng/h |
| 52 | Hệ thống băng tải chuyển thùng Line 1 | BTCT1 | Hợp Long | N/a | Việt Nam | 2019 | Khu bao gói | 1000 thùng/h |
| 53 | Hệ thống băng tải chuyển thùng Line 2 | BTCT2 | Hợp Long | N/a | Việt Nam | 2019 | Khu bao gói | 1000 thùng/h |
| 54 | Hệ thống băng tải | BTCT6 | Tân Phát | N/a | Việt Nam | 2018 | Khu bao | 1000 |

| | | | | | | | | | | | | | |
|----|--|--------|----------|------------|----------|------|----------------|--------------|--|--|--|--|--|
| | chuyển thùng Line 6 | | | | | | | | | | | | |
| 55 | Hệ thống băng tải chuyển thùng Line 7 | BTCT7 | Tân Phát | N/a | Việt Nam | 2018 | Khu bao gói | 1000 thùng/h | | | | | |
| 56 | Hệ thống băng tải trên cao Line 1-2 | BTTC12 | Hợp Long | N/a | Việt Nam | 2019 | Khu bao gói | 1000 thùng/h | | | | | |
| 57 | Hệ thống băng tải trên cao Line 6-7 | BTTC67 | TPLink | N/a | Việt Nam | 2018 | Khu bao gói | 1000 thùng/h | | | | | |
| 58 | Máy cân thùng 12 | MCT12 | Hợp Long | N/a | Việt Nam | 2023 | Kho thành phẩm | 1000 thùng/h | | | | | |
| 59 | Máy cân thùng 67 | MCT67 | Hợp Long | N/a | Việt Nam | 2022 | Kho thành phẩm | 1000 thùng/h | | | | | |
| 60 | Hệ thống Robot gấp thùng xếp Pallet Line 1-2 | RB1 | N/a | N/a | ABB | 2019 | Kho thành phẩm | 1000 thùng/h | | | | | |
| 61 | Hệ thống Robot gấp thùng xếp Pallet Line 6-7 | RB2 | N/a | N/a | ABB | 2018 | Kho thành phẩm | 1000 thùng/h | | | | | |
| 62 | Máy quản màng tự động Robopac Helix Evo | MQM1 | ROBOPAC | 2A23040178 | Italia | 2024 | Bao gói | | | | | | |

| 63 | Máy quản màng Robopac MasterPlat Plus PG8 | MQM2 | ROBOPAC | 30189519 | Italia | 2019 | Bao gói | |
|---------------------|---|------|----------------------------|-------------|------------------------|------|-------------------|----------|
| KHU CHẾ BIẾN | | | | | | | | |
| 64 | TA Flex - UHT1 | UHT1 | UHT 16000 | T5845498024 | Tetra Pak/Thụy Điển | 2022 | Khu Chế biến 1 | 16000L/h |
| 65 | Đồng hóa 350 (UHT1) | UHT1 | Alex 350 | 5871021394 | Tetra Pak/Thụy Điển | 2022 | Khu Chế biến 1 | 16000L/h |
| 66 | Bồn Alsafé 1 | AT1 | Tetra Alsafé | T5844610480 | Tetra Pak/Thụy Điển | 2002 | Khu Chế biến 1 | 20 000L |
| 67 | TA Flex - UHT2 | UHT2 | UHT 12000 | T5844151392 | Tetra Pak/Thụy Điển | 2018 | Khu Chế biến 1 | 12000L/h |
| 68 | Đồng hóa 300 (UHT2) | UHT2 | Alex 300 | 5870917291 | Tetra Pak/Thụy Điển | 2018 | Khu Chế biến 1 | 12000L/h |
| 69 | Bồn Alsafé 2 | AT2 | Tetra Alsafé | T5844611623 | Tetra Pak/Thụy Điển | 2018 | Khu Chế biến 1 | 20 000L |
| 70 | Bồn Alsafé 3 | AT3 | Aseptic tank VD - OE078 | T5844618064 | Tetra Pak/Ấn Độ | 2022 | Khu Chế biến 1 | 30 000L |
| 71 | Máy thanh trùng 2 | LAC2 | Tetra Therm Lacta | 5845140292 | Tetra Pak/Thụy | 2016 | Khu Chế | 8000L/h |

| | | | | | | | | | | | | | |
|----|------------------------|---------|-----------------|-----------------|---------------------|------|----------------|----------|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | | | | | |
| 72 | Đồng hóa 25 (Lacta 2) | LAC2 | Alex 25 | 5870616101 | Tetra Pak/Thụy Điển | 2016 | Khu Chế biến 2 | 8000L/h | | | | | |
| 73 | Máy thanh trùng 1 | LAC1 | Tetra MiniLacta | N/A | Tetra Pak/Việt Nam | 2022 | Khu Chế biến 1 | 7500 L/h | | | | | |
| 74 | Đồng hóa 300 (Lacta 1) | LAC1 | Alex 300 | 5870921304 | Tetra Pak/Thụy Điển | 2022 | Khu Chế biến 2 | 7501 L/h | | | | | |
| 75 | Trạm vệ sinh 1 | CIP1 | AICIP 10 | T5845630307 | Tetra Pak/Thụy Điển | 2002 | Khu Chế biến 2 | | | | | | |
| 76 | Trạm vệ sinh 2 | CIP2 | AICIP 12 | N/A | Tetra Pak/Thụy Điển | 2015 | Khu Chế biến 2 | | | | | | |
| 77 | Trạm vệ sinh 3 | CIP3 | CIP STATION | TPVN-161013_143 | Tetra Pak/Thụy Điển | 2016 | Khu Chế biến 1 | | | | | | |
| 78 | Trạm vệ sinh 4 | CIP4 | CIP STATION | TPVN-161013_144 | Tetra Pak/Thụy Điển | 2016 | Khu Chế biến 1 | | | | | | |
| 79 | Cụm trộn 1 | MIXING1 | Almix 12 | T5845701684 | Tetra Pak/Thụy Điển | 2015 | Khu Chế biến 1 | | | | | | |
| 80 | Cụm trộn 2 | MIXING2 | Almix 10 | T5845730156 | Tetra Pak/Thụy Điển | 2003 | Khu Chế biến 1 | | | | | | |

| | | | | | | | | |
|------------------------------------|--------------------------------|---------|----------------------|-------------|---------------------|------|----------------|-------------|
| 81 | Cụm trộn 3 | MIXING3 | Almix B200-800 | T5845706550 | Tetra Pak/Thụy Điển | 2018 | Khu Chế biến 1 | |
| 82 | Cụm trộn 4 | MIXING4 | Fristam Powder Mixer | 555600016 | Fristam/Germany | 2020 | Khu Chế biến 1 | |
| 83 | Cụm trộn CaCao | MIXING5 | Fristam Powder Mixer | 555600017 | Fristam/Germany | 2020 | Khu Chế biến 1 | |
| 84 | Hệ thống bồn và đường ống STT1 | STT1 | N/a | N/a | Việt Nam/Thụy Điển | 2003 | Khu Chế biến 1 | |
| 85 | Hệ thống bồn và đường ống STT2 | STT2 | N/a | N/a | Việt Nam/Thụy Điển | 2018 | Khu Chế biến 1 | |
| 86 | Hệ thống bồn và đường ống SCA | SCA | N/a | N/a | Việt Nam/Thụy Điển | 2017 | Khu Chế biến 2 | |
| PHÒNG CHIẾT RÓT SỮA CHUA ĂN | | | | | | | | |
| 87 | Máy rót sữa chua ăn Line 1 | M1 | Erca MF21 | 29618 | France | 2019 | Phòng rót sữa | 21600 hộp/h |
| 88 | Máy rót sữa chua ăn Line 2 | M2 | Erca EF270 | 18205 | France | 2006 | Phòng rót sữa | 7200 hộp/h |

DANH MỤC THIẾT BỊ CỐ YẾU CẦU NGHIỆM NGẶT VỀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

| STT | Tên đối tượng | Kí hiệu | Mã số | Nơi sản xuất | Năm sản xuất | Vị trí sử dụng |
|-----|---------------------------------------|---------|------------------|--------------|--------------|------------------|
| 1 | Xe nâng điện số 1 TCM FD25-8 | XN1 | 7P 430727 | Nhật Bản | 2014 | Sử dụng lưu động |
| 2 | Xe nâng điện số 2 TCM FD25-8 | XN2 | 7P 441163 | Nhật Bản | 2018 | Sử dụng lưu động |
| 3 | Xe nâng điện số 3 TCM FD25-8 | XN3 | 7P 442405 | Nhật Bản | 2019 | Sử dụng lưu động |
| 4 | Xe nâng điện số 4 TCM FD25-8 | XN4 | 7P 442412 | Nhật Bản | 2019 | Sử dụng lưu động |
| 5 | Xe nâng điện số 5 TCM J-FRFB25-9F | XN5 | 141E02547 | Nhật Bản | 2019 | Sử dụng lưu động |
| 6 | Xe nâng điện số 6 TCM FD25-8 | XN6 | 7P 441164 | Nhật Bản | 2018 | Sử dụng lưu động |
| 7 | Xe nâng điện số 7 TCM FD25-8 | XN7 | 7P 443552 | Nhật Bản | 2020 | Sử dụng lưu động |
| 8 | Xe nâng điện số 8 Toyota BT-RRRE180H | XN8 | 6912495 | Thụy Điển | 2022 | Kho TP |
| 9 | Xe nâng điện số 9 Toyota BT-RRRE180H | XN9 | 6912196 | Thụy Điển | 2022 | Kho TP |
| 10 | Xe nâng điện số 10 Toyota BT-RRRE180H | XN10 | 6912750 | Thụy Điển | 2022 | Kho TP |
| 11 | Xe nâng điện số 11 Raymond 752-DR32TT | XN11 | 752-23-BD0097660 | Hoa Kỳ | 2023 | Kho NVL |
| 12 | Xe nâng điện số 12 Raymond 752- | XN12 | 752-23-BD0097655 | Hoa Kỳ | 2023 | Kho NVL |

| | | | | | | | | | |
|--------|---|------------|-----------------------|-----------|------|------------------|--|--|--|
| DR32TT | | | | | | | | | |
| 13 | Xe nâng người Z4525 | XNN | z452504-23422 | Hoa Kỳ | 2004 | Sử dụng lưu động | | | |
| 14 | Bình chứa khí nén 2m ³ khí sạch Alsafe 1 | BKN1 | 64970 | Thụy Điển | 2000 | Chế biến | | | |
| 15 | Bình chứa khí nén ATLAS CoPC 11m ³ | BKN2 | 6077607 | Liên Xô | 1983 | Phụ trợ | | | |
| 16 | Bình chứa khí nén AL-HN10/10 10m ³ | BKN3 | 2345 | Việt Nam | 2013 | Phụ trợ | | | |
| 17 | Bình chứa khí nén 2m ³ khí sạch Alsafe 2 | BKN5 | 170057 | Thụy Điển | 2018 | Chế biến | | | |
| 18 | Hệ thống lạnh 1 | HTL1 | 1094300696/1094300697 | Đức | 2018 | Phụ trợ | | | |
| 19 | Hệ thống lạnh 2 | HTL2 | 1098101520/1098101521 | Đức | 2020 | Phụ trợ | | | |
| 20 | Hệ thống lạnh 3 | HTL3 | 1094300731 | Đức | 2018 | Phụ trợ | | | |
| 21 | Hệ thống đường ống dẫn hơi | HTĐO-HN | | Việt Nam | 2010 | Chế biến | | | |
| 22 | Hệ thống đường ống dẫn khí nén | HTĐO-KN | | Việt Nam | 2018 | Chế biến | | | |
| 23 | Hệ thống đường ống Nito | HTĐON2-ELO | | Việt Nam | 2021 | Phòng rót | | | |
| 24 | Nồi hấp TOMY 1 | NH1 | 53135051 | Nhật Bản | 2018 | Phòng QA | | | |
| 25 | Nồi hấp TOMY 2 | NH2 | 53135053 | Nhật Bản | 2018 | Phòng QA | | | |
| 26 | Nồi hấp TOMY 3 | NH3 | 38103249 | Nhật Bản | 2003 | Phòng R&D | | | |

| | | | | | | |
|----|---|------|-------------|------------|------|----------------|
| 27 | Pa lăng điện 1000 Kg | PL | 200301705 | Trung Quốc | 2020 | Chế biến |
| 28 | Vận thăng 250 Kg | VT | 19L9775006 | Việt Nam | 2020 | Chế biến |
| 29 | Cầu trục dầm đơn | DL | 202/2022 | Việt Nam | 2022 | Lò hơi biomass |
| 30 | Bình tách dầu máy nén khí GA37 số 1 | NK1 | 27031 | Bi | 2008 | Phụ trợ |
| 31 | Bình tách dầu máy nén khí GA55 số 2 | NK2 | 9219 | Trung Quốc | 2008 | Phụ trợ |
| 32 | Bình tách dầu máy nén khí GA55 VSD số 3 | NK3 | V22-32927 | Trung Quốc | 2022 | Phụ trợ |
| 33 | Bình tách dầu máy nén khí GA55 VSD số 4 | NK4 | V22-32920 | Trung Quốc | 2022 | Phụ trợ |
| 34 | Bình chứa khí nén máy nén khí Fusheng TA-65 | NK5 | 5160443 | Trung Quốc | 2016 | Nước thải |
| 35 | Xe nâng tay điện số 1 | NTD1 | 080157F2271 | Trung Quốc | 2018 | Bao gói |
| 36 | Xe nâng tay điện số 2 | NTD2 | 080157F2280 | Trung Quốc | 2018 | Bao gói |
| 37 | Xe nâng tay điện số 3 | NTD3 | 080157F2284 | Trung Quốc | 2018 | Chế biến |

Công ty cung cấp đầy đủ các giấy chứng nhận kiểm định đối với các máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động. Các giấy chứng nhận kiểm định đều có hiệu lực nối tiếp trong thời kỳ thanh tra. Quyết định về việc công nhận kết quả khóa huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động số 6723/QĐ-ĐNA ngày 29/6/2022 của Công ty cổ phần đào tạo nhân lực ASEAN cấp cho 41 học viên Công ty cổ phần ELOVI Việt Nam, số 6725/QĐ-ĐNA ngày 29/6/2022 của Công ty cổ phần đào tạo nhân lực

ASEAN cấp cho 02 học viên Công ty cổ phần ELOVI Việt Nam, và các bằng tốt nghiệp các chuyên ngành chuyên môn của nhân viên Công ty, Quyết định của giám đốc khối sản xuất Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam số 351/QĐ-MNFV ngày 14/8/2024 về việc phân công nhiệm vụ vận hành máy móc thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động.

DANH SÁCH HỆ THỐNG BỒN KHU VỰC CHẾ BIẾN

| STT | Tên bồn | Mã số/kí hiệu | Hãng sản xuất | Vật liệu | Công suất | Chức năng | Công suất động cơ cánh khuấy | Tốc độ cánh khuấy | Ghi chú |
|-----|---------------------------|---------------|---------------|-----------|-----------|--|------------------------------|-------------------|----------|
| 1 | Bồn ALSAFE AT1 | AT1 | Tetra Pak | Inox 316L | 20 000L | Chứa sữa đã được tiệt trùng sau khi tiệt trùng | | | |
| 2 | Bồn ALSAFE AT2 | AT2 | Tetra Pak | Inox 316L | 20 000L | Chứa sữa đã được tiệt trùng sau khi tiệt trùng | 0.75kW | 30 Vòng/Phút | |
| | Bồn ALSAFE AT3 | AT3 | Tetra Pak | Inox 316L | 30 000L | Chứa sữa đã được tiệt trùng sau khi tiệt trùng | 0.75kW | 0 - 30 Vòng/Phút | Biến tần |
| 3 | Bồn đệm sữa tiệt trùng 01 | ĐT01 | Đức Việt | Inox 316L | 16 000L | Chứa đệm sữa trước khi đi tiệt trùng | 4kW | 0 - 40 Vòng/Phút | Biến tần |
| 4 | Bồn đệm sữa tiệt trùng 02 | ĐT02 | Đức Việt | Inox 316L | 16 000L | Chứa đệm sữa trước khi đi tiệt trùng | 4kW | 0 - 40 Vòng/Phút | Biến tần |
| 5 | Bồn đệm sữa tiệt trùng 03 | ĐT03 | Đức Việt | Inox | 16 000L | Chứa đệm sữa trước khi | 4kW | 0 - 40 | Biến tần |

| | | | | | | | | | | | | | |
|----|---------------------------|------|-----------|-----------|---------|--------------------------------------|--------------------------------------|-------|-------------------|----------|--|--|--|
| | | | | 316L | | | đi tiệt trùng | | | | | | |
| 6 | Bồn đệm sữa tiệt trùng 04 | ĐT04 | Đức Việt | Inox 316L | 20 000L | Chứa đệm sữa trước khi đi tiệt trùng | Chứa đệm sữa trước khi đi tiệt trùng | 4kW | 0 - 40 Vòng/Phút | Biến tần | | | |
| 7 | Bồn đệm sữa tiệt trùng 05 | ĐT05 | Đức Việt | Inox 316L | 20 000L | Chứa đệm sữa trước khi đi tiệt trùng | Chứa đệm sữa trước khi đi tiệt trùng | 4kW | 0 - 40 Vòng/Phút | Biến tần | | | |
| 8 | Bồn đệm sữa tiệt trùng 06 | ĐT06 | Đức Việt | Inox 316L | 20 000L | Chứa đệm sữa trước khi đi tiệt trùng | Chứa đệm sữa trước khi đi tiệt trùng | 4kW | 0 - 40 Vòng/Phút | Biến tần | | | |
| 9 | Bồn đệm sữa tiệt trùng 07 | ĐT07 | Đức Việt | Inox 316L | 30 000L | Chứa đệm sữa trước khi đi tiệt trùng | Chứa đệm sữa trước khi đi tiệt trùng | 5.5kW | 0 - 58 Vòng/Phút | Biến tần | | | |
| 10 | Bồn đệm sữa tiệt trùng 08 | ĐT08 | Đức Việt | Inox 316L | 30 000L | Chứa đệm sữa trước khi đi tiệt trùng | Chứa đệm sữa trước khi đi tiệt trùng | 5.5kW | 0 - 58 Vòng/Phút | Biến tần | | | |
| 11 | Bồn đệm sữa tiệt trùng 09 | ĐT09 | Đức Việt | Inox 316L | 30 000L | Chứa đệm sữa trước khi đi tiệt trùng | Chứa đệm sữa trước khi đi tiệt trùng | 5.5kW | 0 - 58 Vòng/Phút | Biến tần | | | |
| 12 | Bồn trộn T01 | T01 | Tetra Pak | Inox 316L | 12 000L | Tuần hoàn trộn sữa từ cụm trộn | Tuần hoàn trộn sữa từ cụm trộn | 1kW | 0 - 430 Vòng/Phút | Biến tần | | | |
| 13 | Bồn trộn T02 | T02 | Tetra Pak | Inox 316L | 12 000L | Tuần hoàn trộn sữa từ cụm trộn | Tuần hoàn trộn sữa từ cụm trộn | 1kW | 0 - 430 Vòng/Phút | Biến tần | | | |
| 14 | Bồn trộn T03 | T03 | Đức Việt | Inox 316L | 10 000L | Tuần hoàn trộn sữa từ cụm trộn | Tuần hoàn trộn sữa từ cụm trộn | 3kW | 0 - 421 Vòng/Phút | Biến tần | | | |

| | | | | | | | | | |
|----|-------------------------|------|-----------|-----------|---------|--------------------------------|-----------|-------------------|----------|
| 15 | Bồn trộn T04 | T04 | Đức Việt | Inox 316L | 10 000L | Tuần hoàn trộn sữa từ cụm trộn | 3kW | 0 - 421 Vòng/Phút | Biến tần |
| 16 | Bồn trộn T05 | T05 | Tetra Pak | Inox 316L | 12 000L | Tuần hoàn trộn sữa từ cụm trộn | 1.5/1.9kW | 25/50 Vòng/Phút | |
| 17 | Bồn trộn T06 | T06 | Tetra Pak | Inox 316L | 12 000L | Tuần hoàn trộn sữa từ cụm trộn | 1.5/1.9kW | 25/50 Vòng/Phút | |
| 18 | Bồn trộn T07 | T07 | Tetra Pak | Inox 316L | 25 000L | Tuần hoàn trộn sữa từ cụm trộn | 5.5kW | 434 Vòng/Phút | |
| 19 | Bồn trộn T08 | T08 | Tetra Pak | Inox 316L | 25 000L | Tuần hoàn trộn sữa từ cụm trộn | 5.5kW | 434 Vòng/Phút | |
| 20 | Bồn lên men sữa chua 01 | LM01 | Tetra Pak | Inox 316L | 4000L | Lên men sữa chua | 2/2.4kW | 47/96 Vòng/Phút | |
| 21 | Bồn lên men sữa chua 02 | LM02 | Tetra Pak | Inox 316L | 4000L | Lên men sữa chua | 2/2.4kW | 47/96 Vòng/Phút | |
| 22 | Bồn lên men sữa chua 03 | LM03 | Đức Việt | Inox 316L | 10 000L | Lên men sữa chua | 4kW | 40 Vòng/Phút | |
| 23 | Bồn lên men sữa chua 04 | LM04 | Đức Việt | Inox 316L | 10 000L | Lên men sữa chua | 4kW | 40 Vòng/Phút | |
| 24 | Bồn lên men sữa chua 05 | LM05 | Đức Việt | Inox | 10 000L | Lên men sữa chua | 4kW | 40 | |

| | | | | | | | | | |
|----|---------------------------|------|-----------|-----------|---------|--|-----|--------------|--|
| 25 | Bồn lên men sữa chua 06 | LM06 | Đức Việt | 316L | 10 000L | Lên men sữa chua | 4kW | 40 Vòng/Phút | |
| 26 | Bồn lên men sữa chua 07 | LM07 | Đức Việt | Inox 316L | 10 000L | Lên men sữa chua | 4kW | 40 Vòng/Phút | |
| 27 | Bồn lên men sữa chua 08 | LM08 | Đức Việt | Inox 316L | 10 000L | Lên men sữa chua | 4kW | 40 Vòng/Phút | |
| 28 | Bồn lên men sữa chua 09 | LM09 | Đức Việt | Inox 316L | 10 000L | Lên men sữa chua | 4kW | 40 Vòng/Phút | |
| 29 | Bồn đệm sữa chua 01 | ĐC01 | Tetra Pak | Inox 316L | 10 000L | Bồn đệm sữa chua thành phẩm trước khi đi rót | 4kW | 40 Vòng/Phút | |
| 30 | Bồn đệm sữa chua 02 | ĐC02 | Đức Việt | Inox 316L | 10 000L | Bồn đệm sữa chua thành phẩm trước khi đi rót | 4kW | 40 Vòng/Phút | |
| 31 | Bồn đệm sữa chua 03 | ĐC03 | Đức Việt | Inox 316L | 10 000L | Bồn đệm sữa chua thành phẩm trước khi đi rót | 4kW | 40 Vòng/Phút | |
| 32 | Bồn đệm sữa chua 04 | ĐC23 | Đức Việt | Inox 316L | 10 000L | Bồn đệm sữa chua thành phẩm trước khi đi rót | 4kW | 40 Vòng/Phút | |
| 33 | Bồn tiếp nhận sữa tươi 01 | ST01 | Tetra Pak | Inox 316L | 15 000L | Tiếp nhận sữa tươi từ xe bồn | | | |

| | | | | | | | | | |
|----|--|------|-----------|-----------|---------|--|------------|-------------------|--|
| 34 | Bồn tiếp nhận sữa tươi 02 | ST02 | Tetra Pak | Inox 316L | 15 000L | Tiếp nhận sữa tươi từ xe bồn | | | |
| 35 | Bồn nhân giống men, nấu ca cao, Socola | B1 | Tetra Pak | Inox 316L | 1000L | Nhân giống men sản xuất sữa chua. Nấu ca cao sản xuất các loại sữa có thành phần là ca cao | 0.7/0.85kW | 76/161 Vòng/Phút | |
| 36 | Bồn trộn, nấu Cacao, socola 1 | CC01 | Đức Việt | Inox 316L | 2000L | Trộn, nấu Cacao, socola | 1.5/1.9kW | 133/268 Vòng/phút | |
| 37 | Bồn trộn, nấu Cacao, socola 2 | CC02 | Đức Việt | Inox 316L | 2000L | Trộn, nấu Cacao, socola | 1.5/1.9kW | 133/268 Vòng/phút | |
| 38 | Bồn rửa thạch | RT | Ba Vi | Inox 316L | 2000L | Rửa thạch thô trước khi đưa vào nấu | | | |
| 39 | Bồn nấu thạch NT1 | NT1 | Đức Việt | Inox 316L | 1200L | Sử dụng đường hơi để nấu thạch | | 40 Vòng/Phút | |
| 40 | Bồn nấu thạch NT2 | NT2 | Đức Việt | Inox 316L | 1200L | Sử dụng đường hơi để nấu thạch | | 40 Vòng/Phút | |
| 41 | Bồn thành phẩm thạch 1 | AT1 | Tetra Pak | Inox 316L | 20 000L | Chứa sữa đã được tiệt trùng sau khi tiệt trùng | | | |
| 42 | Bồn thành phẩm thạch 2 | AT2 | Tetra Pak | Inox 316L | 20 000L | Chứa sữa đã được tiệt trùng sau khi tiệt trùng | 0.75kW | 30 Vòng/Phút | |

Công ty cung cấp đầy đủ hồ sơ lý lịch 02 nồi hơi đốt dầu:

- Mã hiệu LD 2,5/10WH, số chế tạo N0 10090 do Công ty cổ phần nồi hơi Việt Nam Đông Anh Hà Nội sản xuất ngày 24/5/2010 đã được kiểm định lần đầu ngày 12/7/2010 bởi Trung tâm kiểm định KTAT - KV1 thuộc Bộ Lao động thương binh và Xã hội kiểm định đạt yêu cầu, các kỳ kiểm định trong thời kỳ thanh tra là ngày 02/10/2021, 22/9/2023 bởi Công ty cổ phần kiểm định Việt kiểm định đạt yêu cầu.

- Mã hiệu LD 2,5/10WH, số chế tạo N0 16024 do Công ty cổ phần nồi hơi Việt Nam Đông Anh Hà Nội sản xuất ngày 03/5/2016 đã được kiểm định lần đầu ngày 06/6/2016 bởi Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn và TVXD thuộc Xây dựng kiểm định đạt yêu cầu, các kỳ kiểm định trong thời kỳ thanh tra là ngày 03/8/2020, 02/8/2022 bởi Trung tâm kiểm định công nghiệp I và Công ty cổ phần kiểm định Việt kiểm định đạt yêu cầu Công ty có ký hợp đồng vận hành và cung cấp hơi nước sử dụng nhiên liệu sinh khối Công ty TNHH Gia Vinh theo hợp đồng số 1307/2022/M&E/BIOMASS/ELOVI-GV Ngày 13/7/2022, phụ lục D đơn giá hơi nước ngày 13/7/2022. Sử dụng lò hơi đốt BIOMAS mã hiệu LB3,5/1,0T2 số chế tạo N0 22029 do Công ty cổ phần nồi hơi Việt Nam thị trấn Đông Anh Hà Nội chế tạo tháng 8/2022 kiểm định lần đầu theo QTKĐ 01-2016/BLĐTBXH đạt yêu cầu ngày 16/5/2023 thời hạn đến 11/5/2025. Lò hơi đốt BIOMAS mã hiệu LB3,5/1,0T1 số chế tạo N0 22030 do Công ty cổ phần nồi hơi Việt Nam thị trấn Đông Anh Hà Nội chế tạo tháng 9/2022 kiểm định lần đầu đạt yêu cầu ngày 16/5/2023 thời hạn đến 11/5/2025.

- Hồ sơ năng lực của Công ty TNHH Gia Vinh, chứng chỉ vận hành nồi hơi lò hơi do trường cao đẳng cơ giới xây dựng cấp cho Đinh Xuân Phương, Nguyễn Triệu Khánh, Đinh Quang Triệu, Kiều Quyết Chiến, Nguyễn Tuấn Khanh, Nguyễn Đức Đình, Nguyễn Mạnh Đông. Tất cả là các công nhân vận hành nồi hơi của Công ty.

6.3. Thiết bị dùng để xử lý nhiệt, làm nguội, làm lạnh và giữ lạnh sữa

Hệ thống làm lạnh được cung cấp đồng bộ từ Đức, sử dụng môi chất Glycol an toàn cho thực phẩm. Các thiết bị xử lý nhiệt, làm nguội, làm lạnh, và giữ lạnh sữa đều được thiết kế để đạt nhiệt độ yêu cầu nhanh chóng và hiệu quả. Các thiết bị này cũng tích hợp hệ thống kiểm soát nhiệt độ chặt chẽ, giúp giám sát và duy trì nhiệt độ theo đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo chất lượng sản phẩm. Các hệ thống này tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn thực phẩm và vệ sinh công nghiệp.

Nước lạnh được sử dụng để làm lạnh các sản phẩm không tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm. Hệ thống nén lạnh được bảo dưỡng định kỳ theo kế hoạch bảo dưỡng từ phòng cơ điện “BM.04/QT.CL.CĐ.01 Kế hoạch sửa chữa bảo dưỡng thiết bị”.

Hệ thống nén lạnh được bộ phận phụ trợ vận hành theo: “HD.18/QT.CL.CĐ.01 Hướng dẫn vận hành máy nén lạnh và được ghi nhận vào nhật ký vận hành: “BM.12/QT.CL.CĐ.01 nhật ký vận hành hệ thống máy nén lạnh

- nén khí”.

Hệ thống lạnh của Công ty mã hiệu BITZER - R2W - CHS8583 - 160 do Đức chế tạo năm 2018 được kiểm định định kỳ bởi Công ty cổ phần kiểm định Việt kiểm định đạt yêu cầu ngày 05/10/2021 hiệu lực đến 03/10/2023 và đạt yêu cầu ngày 22/9/2023 hiệu lực đến 22/9/2025.

6.4. Khí thổi trực tiếp vào sản phẩm

Hệ thống tạo khí thổi trực tiếp vào sản phẩm trong quy trình sản xuất được cung cấp đồng bộ từ Alascopco Free Oil và được vô trùng bằng hệ thống hơi quá nhiệt. Hệ thống này đạt tiêu chuẩn về độ sạch và đảm bảo không gây ô nhiễm hoặc ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất.

Công ty cổ phần Morinaga Nutritionals Foods Việt Nam cung cấp cho Đoàn thanh tra đầy đủ hồ sơ mua bán khí Nitơ với Công ty cổ phần Cryotech Việt Nam, địa chỉ K9A tập thể quân khu thủ đô tổ 44 cụm 4 phường Vĩnh Phúc quận Ba Đình thành phố Hà Nội (Hồ sơ năng lực của Công ty, phiếu kết quả thử nghiệm, tiêu chuẩn sản phẩm cung cấp, hợp đồng, phụ lục hợp đồng, đơn đặt hàng, hóa đơn GTGT).

Khí nén được sử dụng để vận hành các thiết bị trong sản xuất của Công ty được lắp đặt và bảo trì để ngăn ngừa nhiễm bẩn. Hệ thống khí nén được bảo dưỡng, thay thế định kỳ theo kế hoạch bảo dưỡng từ phòng cơ điện “BM.04/QT.CL.CĐ.01 Kế hoạch sửa chữa bảo dưỡng thiết bị”. Hệ thống khí nén được bộ phận phụ trợ vận hành theo: “HD.19/QT.CL.CĐ.01 Hướng dẫn vận hành máy nén khí” và được ghi nhận vào nhật ký vận hành: “BM.12/QT.CL.CD.01 Nhật ký vận hành hệ thống máy nén lạnh - nén khí”

Khí tiếp xúc sản phẩm trực tiếp từ nguồn được phê duyệt để sử dụng tiếp xúc với thực phẩm, được lọc để loại bụi bẩn dầu và nước.

Khí sử dụng tạo áp dương bồn Alsafe: Hệ thống khí nén cấp vào Alsafe được tạo từ hệ thống Free-Oil và được lọc qua hệ thống lọc vi sinh, được định kỳ thay thế sau 50 lần tiệt trùng, Fill lọc được bộ phận sản xuất và nhân viên QC theo dõi định kỳ theo nhật ký (BM.CB.05/QT.CL.SX.08 nhật ký vận hành bồn Alsafe 1, BM.CB.28/QT.CL.SX.08 nhật ký vận hành bồn Alsafe 2, BM.CB.41/QT.CL.SX.08 nhật ký vận hành bồn Alsafe3)

Khí nén sử dụng cho máy rót sữa chua ăn: Hệ thống khí nén dùng cho máy rót sữa chua, trước khi sử dụng được lọc qua hệ thống lọc dầu và nước, ngoài ra với khí nén sử dụng để tạo hình cốc sữa chua hay tạo áp dương cho bồn cân bằng được lọc qua hệ thống lọc vi sinh, được định kỳ thay thế theo kế hoạch bảo dưỡng của phòng

Cơ điện. Biểu mẫu sử dụng: “BM.04/QT.CL.CĐ.01 Kế hoạch sửa chữa bảo dưỡng thiết bị”.

Khí Nitơ được nhập từ nhà cung cấp Công ty cổ phần Cryotech Việt Nam. Khí Nitơ được kiểm tra chất lượng thông qua COA từ nhà cung cấp, bình chứa khí Nitơ lỏng được kiểm định định kỳ bởi trung tâm đăng kiểm đủ năng lực. Khí Nitơ khi sử dụng được tiết trùng ở nhiệt độ $\geq 301^{\circ}\text{C}$ và được ghi nhận trong nhật ký vận hành thiết bị: “BN.10/QT.CL.01 Nhật ký vận hành máy rót A3S” và “BM.CR.09/QT.CL.SX.08 Nhật ký vận hành máy rót A3 Flex”. Giấy chứng nhận kiểm định hệ thống đường ống dẫn khí Nitơ đã được kiểm định đạt yêu cầu tại biên bản kiểm định số 06924/KĐV ngày 28/9/2022 có thời hạn đến 28/9/2024 và biên bản kiểm định số 10914/KĐV ngày 15/9/2024 có thời hạn đến 15/9/2025 của Công ty cổ phần kiểm định Việt.

6.5. Hệ thống kiểm soát báo động

Công ty đã trang bị hệ thống kiểm soát báo động hiện đại để theo dõi các thông số quan trọng như nhiệt độ và áp suất trong quá trình chế biến. Hệ thống này có chức năng phát ra cảnh báo hoặc tự động dừng sản xuất nếu các thông số vượt quá giới hạn quy định. Quy trình này giúp duy trì sản xuất ổn định và đảm bảo an toàn, các báo cáo hoạt động này kích hoạt quy trình khẩn cấp (Cut out), đảm bảo rằng các điểm kiểm soát tới hạn CCP được xử lý kịp thời chính xác.

6.6. Thanh tra việc sửa chữa và bảo dưỡng dụng cụ, thiết bị, máy móc

Công ty đã xây dựng và áp dụng quy trình kiểm soát thiết bị QT.CL.CĐ.01 nhằm quy định thống nhất trong việc quản lý máy móc thiết bị, dụng cụ đo và thiết bị an toàn nhằm duy trì hoạt động liên tục trong quá trình sản xuất, phòng ngừa các sự cố, hạn chế thiệt hại ở mức tối thiểu khi có sự cố có thể xảy ra, đảm bảo độ tin cậy của các thiết bị đo và thiết bị an toàn. Có lưu đồ thực hiện việc sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị định kỳ hàng năm, định kỳ hàng năm phòng Cơ-Điện, phòng QA, đơn vị quản lý sử dụng thiết bị lập danh mục thiết bị nhà máy, thiết bị áp lực và danh mục thiết bị, dụng cụ đo lường theo biểu mẫu BM.01/QT.CL.CĐ.01, BM.02/QT.CL.CĐ.01, BM.03/QT.CL.CĐ.01. Vào cuối Quý 4 hàng năm làm kế hoạch bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn cho năm tiếp theo, đối với các sự cố đột xuất người trực tiếp vận hành báo ngay tổ trưởng, trưởng ca để kiểm tra và xử lý sự cố.

Năm 2022 Công ty có kế hoạch sửa chữa bảo dưỡng thiết bị ngày 01/01/2022 đối với 56 thiết bị của phòng chiết rót sữa tiết trùng, khu bao gói, khu chế biến, phòng chiết rót sữa chua ăn. Các thiết bị được kiểm tra bảo dưỡng dựa vào thời gian số giờ, tháng đã hoạt động.

Năm 2023 Công ty có kế hoạch sửa chữa bảo dưỡng thiết bị ngày 01/01/2023 đối với 69 thiết bị của phòng chiết rót sữa tiệt trùng, khu bao gói, khu chế biến, phòng chiết rót sữa chua ăn. Các thiết bị được kiểm tra bảo dưỡng dựa vào thời gian số giờ, tháng đã hoạt động.

Năm 2024 Công ty có kế hoạch sửa chữa bảo dưỡng thiết bị ngày 03/01/2024 đối với 69 thiết bị của phòng chiết rót sữa tiệt trùng, khu bao gói, khu chế biến, phòng chiết rót sữa chua ăn. Các thiết bị được kiểm tra bảo dưỡng dựa vào thời gian số giờ, tháng đã hoạt động.

Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị đối tác TETRA PAKR PLANT CARE AGREEMENT for Tetra PakR Services Hợp đồng chăm sóc tài sản TETRA PAKR liên quan đến dịch vụ của Tetra Pak. Công ty cổ phần Tetra Pak Việt Nam địa chỉ trụ sở tại Lầu 14, 235 Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Hợp đồng TPVN_21_0074 ngày 01/10/2021.

Công ty cung cấp cho đoàn thanh tra một số hồ sơ kế hoạch sửa chữa bảo dưỡng như: ngày 30/01/2023 bảo dưỡng máy nén khí GA37, ngày 19/6/2023 máy nén lạnh CHILLER 160HP(Phòng rót), ngày 01/10/2023 máy nén khí số 2 GA55, ngày 05/12/2023 máy nén khí số 3 GA55 VSD+, ngày 05/12/2023 máy nén khí số 4 GA55 VSD+, ngày 23/02/2024 máy nén lạnh CHILLER 320 HP, ngày 23/02/2024 máy nén lạnh CHILLER 320 HP cụm 02, ngày 09/4/2024 xe nâng số 02, ngày 13/4/2024 xe nâng điện số 01; xe nâng điện số 06, ngày 15/4/2024 xe nâng điện số 07, ngày 27/5/2024 xe nâng người, ngày 16/7/2024 xe nâng điện số 04, ngày 24/7/2024 xe nâng điện số 03 ngày 08/8/2024 xe nâng điện số 8, ngày 08/8/2024 xe nâng điện số 9, ngày 09/8/2024 xe nâng điện số 10, ngày 25/9/2024 xe nâng điện số 05.

Nhật ký kiểm tra thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động các thiết bị như: Bình khí nén máy nén khí TA-65, bình tách dầu 27061, bình tách dầu V22-32920, bình tách dầu V22-32927, bình tách dầu 09219, bình chứa khí nén 2345, bình chứa khí nén 6077607, bình chứa khí nén 170057, bình chứa khí nén 64970, hệ thống đường ống dẫn khí nén, hệ thống đường ống dẫn hơi bão hòa, cầu trục DL, Palang điện 1 tấn, hệ thống đường ống dẫn khí Nitơ, vận thăng 250kg, nồi hấp Tommy SS-325, nồi hấp Tommy ES-315

Công ty xây dựng và ban hành quy định Cip thiết bị QĐ.03/QT.CL.CĐ.01 ngày 17/12/2021. Là chương trình làm sạch ướt tự động của một dây chuyền hoặc một thiết bị riêng lẻ trong một chu trình kín mà không cần phải tháo dỡ. Có Cip toàn phần, Cip trung gian và AIC là quá trình vệ sinh trung gian trong điều kiện tiệt trùng, được tiến hành trong điều kiện sản xuất như nhiệt độ tiệt trùng, lưu lượng và áp suất được duy trì trong quá trình AIC

7. Thanh tra hồ sơ thực hiện quy định về ghi nhãn sản phẩm, quảng cáo, tổ chức chương trình khuyến mại và truy xuất nguồn gốc thực phẩm

7.1. Các hợp đồng mua bán nguyên liệu, phụ gia, sản phẩm thực phẩm (đầu vào)

Trong kỳ thanh tra, Công ty đã thực hiện ký kết hợp đồng với các đơn vị cung cấp nguyên liệu, phụ gia, sản phẩm thực phẩm kèm theo bản tự công bố chất lượng của các loại nguyên liệu, phụ gia, chất hỗ trợ và vật liệu bao gói (thuộc đối tượng phải thực hiện công bố sản phẩm) được sử dụng để sản xuất, chế biến sản phẩm của Công ty và sản phẩm gia công. Trên hợp đồng đều được thực hiện dựa trên các điều khoản rõ ràng, chi tiết, tuân thủ các quy định pháp lý. Trên hợp đồng có ghi nhận các thông tin liên quan đến thông tin về nguồn gốc nguyên liệu, phụ gia, sản phẩm kèm theo bản công bố sản phẩm; chất lượng; điều kiện bảo quản và vận chuyển; ngoài ra trong hợp đồng cũng thể hiện rõ quyền và trách nhiệm của các bên liên quan trong việc đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm theo quy định. Cụ thể như sau:

- Năm 2022, Công ty có ký hợp đồng mua nguyên liệu, phụ gia với Công ty Kim Hải Châu, địa chỉ: Số 17, ngách 583/29 phố Kim Ngưu, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; Công ty Cổ phần hóa chất Á Châu. Địa chỉ: Lô K4B, KCN Lê Minh Xuân, đường số 4, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh đối với nguyên liệu thực phẩm sữa non Colostrum 6000i; nguyên liệu thực phẩm Men sữa chua (YO-MIX YO -MIX 495 LYO 500 DCU); nguyên liệu thực phẩm Vitamin K2 dạng MK7 (Vitamin K2 AS MK7 Powder (2000ppm)- W); sản phẩm phụ gia thực phẩm Potassium Chloride 99,9% KCL; Công ty TNHH NUMECO. Địa chỉ: Số 6, Ngõ 289, đường Hoàng Mai, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội về sản phẩm phụ gia thực phẩm đường Acesulfame K; Công ty TNHH Quốc tế G&M, địa chỉ: số 15-17, ngõ 231/51 Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội về việc cung cấp các mặt hàng nguyên liệu thực phẩm hương dâu, hương vải, nước ép dâu, nước ép cam, nước ép táo, nước ép Việt quất và các hàng hóa khác trong khả năng đáp ứng của nhà cung cấp; Công ty TNHH thương mại Vạn Huy, địa chỉ: 49A Trần Hưng Đạo B, phường 6, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam về việc cung cấp mặt hàng màu thực phẩm dùng cho thực phẩm

- Năm 2023, Công ty có ký hợp đồng mua nguyên liệu, phụ gia với Công ty TNHH Nitta Gelatin Việt Nam, địa chỉ: Lô S1- đường số 7, khu công nghiệp Long Hậu mở rộng, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, Việt Nam về việc cung cấp mặt hàng phụ gia thực phẩm NGV-GY313; Công ty Cổ phần Đại Tân Việt, địa chỉ: 145 Tôn Thất Đạm, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Minh, Việt Nam về việc cung cấp nguyên liệu thực phẩm chất béo sữa dạng khan (chất béo khan của bơ).

- Năm 2024, Công ty có ký hợp đồng mua nguyên liệu, phụ gia với Công ty Morinaga Milk Industry Co.,Ltd, địa chỉ: 5-2, HigashiShimbashi1-Chome, Minato-ku, Tokyo 105-7122, Japan, kèm tờ khai hàng hóa nhập khẩu là chế phẩm vi sinh Lactibacillus Paracasei MCC1849, nguyên liệu dùng trong sản xuất sữa chua; Công ty Morinaga Milk Industry Co.,Ltd, địa chỉ: 33-1, Shiba 5-Chome, Minato-ku, Tokyo 108-8384, Japan, kèm tờ khai hàng hóa nhập khẩu là chế phẩm hóa chất Awacut KL dạng lỏng, dùng làm chất phá bọt trong sản xuất thực phẩm; Công ty Milei, địa chỉ: Kemptener Strasse 91 88299 Leutkirch im Allgaeu, Germany, kèm theo tờ khai hàng hóa nhập khẩu là đạm sữa bò đã cô đặc sấy khô Milei MC 80 (nguyên liệu thực phẩm) trọng lượng 20kg/bao; Công ty Fonterra (Japan) Limited, địa chỉ: Taiyo Seimei Shinagawa Bldg 25F2-16-2-KonanMinato-ku, Tokyo 108-0075, Japan kèm theo tờ khai hàng hóa nhập khẩu là bột sữa bò nguyên liệu (nguyên liệu thực phẩm) trọng lượng 25kg/bao; Công ty Fonterra (Japan) Limited, địa chỉ: Taiyo Seimei Shinagawa Bldg 25F2-16-2-KonanMinato-ku, Tokyo 108-0075, Japan kèm theo tờ khai hàng hóa nhập khẩu là bột sữa bò nguyên liệu loại Whole milk (bột béo), Skim Milk (nguyên liệu thực phẩm) trọng lượng 25kg/bao; Công ty AB food&Beverages (Thailand) Ltd, địa chỉ: 11th Floor, 2535 Sukhumvit Road, Prakhanong, Bangkok 10260, Thailand, kèm theo tờ khai hàng hóa nhập khẩu là hỗn hợp nguyên liệu để sản xuất Socola lúa mạch dạng bột, thành phần có giá trị dinh dưỡng: Bột kem không sữa, khoáng chất và các thành phần khác chất ổn định, trọng lượng 25kg/bao; Ovaltine hỗn hợp nguyên liệu để sản xuất Socola lúa mạch, trọng lượng 550kg/bao; Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu hóa chất và thiết bị Kim Nguu, địa chỉ: Số 85, phố Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam về việc phụ gia, hóa chất; Công ty TNHH Develing Quốc tế (Việt Nam), địa chỉ: Tòa nhà Citilght số 45 đường Võ Thị Sáu, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, với nguyên liệu thực phẩm Colostrum Powder 2060 thành phần sữa non bò; Chi nhánh Công ty TNHH Kinh Lâm Bắc Ninh, địa chỉ: số 5, đường 3, khu công nghiệp đô thị và dịch vụ VSIP Bắc Ninh, phường Phù Chấn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam, đối với sản phẩm Xi-rô ngô (Fructose- Glucose Syrup); Công ty TNHH CHORI Việt Nam, địa chỉ: P.1705-1706, TNSROC, 2A-4A Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Q1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam, đối với các sản phẩm cung cấp là chất ổn định Protex và Axit lactic.

7.2. Việc ghi nhãn thực phẩm theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa đối với thực phẩm sản xuất, thực phẩm gia công, thực phẩm nhập khẩu, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm

Trong kỳ thanh tra, Công ty đã cung cấp cho Đoàn thanh tra danh mục sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh đối với mặt hàng sữa, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến. Cụ thể như sau:

7.2.1. Việc ghi nhãn đối với phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến:

Công ty nhập và sử dụng các nhóm nguyên liệu dùng để sản xuất, gia công sữa gồm: 56 loại phụ gia, chất hỗ trợ chế biến, hương liệu, màu thực phẩm. Qua đối chiếu với thực tế tại kho chứa các loại phụ gia, chất hỗ trợ chế biến đang có sẵn của công ty, nội dung thể hiện trên nhãn của sản phẩm đều có các thông tin như sau:

- Tên và chức năng
- Danh sách thành phần
- Thông tin an toàn
- Chứng nhận và tiêu chuẩn
- Hướng dẫn sử dụng
- Ngày sản xuất và hạn sử dụng
- Xuất xứ
- Tên, địa chỉ thương nhân sản xuất
- Tên, địa chỉ thương nhân nhập khẩu (đối với nhập khẩu)

7.2.2. Đối với việc ghi nhãn thực phẩm theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa đối với thực phẩm sản xuất, thực phẩm gia công, thực phẩm nhập khẩu

- Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam tiền thân là Công ty ELOVI Việt Nam, sau khi Công ty thực hiện thay đổi tên và logo Công ty kể từ ngày 25/3/2024, Công ty đã có văn bản Thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước, nhà cung cấp, đối tác và khách hàng. Theo đó các thông tin ghi trên nhãn sản phẩm công ty sản xuất và phân phối về tên Thương nhân và logo gắn trên sản phẩm thay đổi, thông tin trên nhãn phù hợp tại hồ sơ tự công bố sản phẩm; nhãn thực phẩm gia công đóng gói đều phù hợp với hồ sơ tự công bố.

+ Đối với sản phẩm do Công ty sản xuất: gồm 188 loại sản phẩm theo từng nhóm nhóm nhãn hiệu là ELOVI (sữa chua ăn); ZINZIN (thức uống dinh dưỡng); CLIMEAL (thức uống dinh dưỡng); MORINAGA (sữa chua uống); MONU (nước uống collagen Monu) trong các năm 2022, năm 2023 và năm 2024. Việc thực hiện ghi nhãn cho sản phẩm đang sản xuất phù hợp với nhãn trong hồ sơ tự công bố, đúng quy định. Qua đối chiếu với sản phẩm thực tế đang sản xuất, nội dung thể hiện trên nhãn của sản phẩm đều có các thông tin:

- Tên sản phẩm
- Thông tin nhà sản xuất
- Xuất xứ
- Thành phần

CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA

- Định lượng
- Ngày sản xuất và Hạn sử dụng
- Hướng dẫn sử dụng và bảo quản
- Thông tin cảnh báo
- Mã số mã vạch

+ Đối với sản phẩm gia công: Trong kỳ thanh tra, Công ty thực hiện gia công đóng gói 143 loại sản phẩm thuộc nhóm sữa tiệt trùng, sữa trái cây, sữa chua uống cho 21 đơn vị thuê gia công. Việc ghi nhãn đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật và theo điều khoản hợp đồng; mẫu nhãn trong hồ sơ công bố của Đơn vị thuê gia công (có hợp đồng và bản tự công bố sản phẩm trong đó có thông tin về nhãn phụ đính trên sản phẩm) thực hiện theo đúng quy định. Qua đối chiếu với sản phẩm thực tế đang gia công, nội dung thể hiện trên nhãn của sản phẩm có các thông tin sau:

- Tên sản phẩm
- Thông tin tên, địa chỉ nhà sản xuất
- Thông tin tên, địa chỉ Thương nhân chịu trách nhiệm sản phẩm
- Xuất xứ
- Thành phần
- Định lượng
- Ngày sản xuất và Hạn sử dụng
- Hướng dẫn sử dụng và bảo quản
- Thông tin cảnh báo
- Mã số mã vạch

+ Đối với các loại sản phẩm nhập khẩu: Trong năm 2023 và năm 2024, Công ty mới thực hiện nhập khẩu 11 loại hàng hóa thành phẩm (*trong đó có Thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, Thực phẩm bảo vệ sức khỏe có đầy đủ hợp đồng và bản tự công bố sản phẩm trong đó có thông tin về nhãn phụ đính trên sản phẩm*), các chất hỗ trợ chế biến, phụ gia thực phẩm theo đúng quy định. Nội dung ghi trên nhãn phụ là nội dung dịch nguyên ra tiếng Việt tương ứng với các nội dung bắt buộc và bổ sung các nội dung bắt buộc khác còn thiếu theo tính chất hàng hóa. Qua đối chiếu với sản phẩm thực tế được Công ty phân phối, nội dung thể hiện trên nhãn phụ của sản phẩm có các thông tin sau :

- Tên sản phẩm
- Thông tin tên, địa chỉ nhà sản xuất và nhà phân phối
- Xuất xứ
- Thành phần
- Định lượng
- Ngày sản xuất và Hạn sử dụng
- Hướng dẫn sử dụng và bảo quản
- Thông tin cảnh báo

Trường hợp có thay đổi đối với sản phẩm nhập khẩu (thuộc loại phải thông báo theo quy định), Công ty thực hiện thông báo bằng văn bản với cơ quan quản lý nhà nước và thực hiện ghi nhãn phụ theo đúng nội dung, thông tin đã báo cáo,

Cụ thể:

- Thông báo số 99/2024/TB-MNFV ngày 05/4/2024 của Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional food Việt Nam gửi Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên về việc thay đổi tên của Thương nhân nhập khẩu, phân phối kèm theo thông tin về nhãn phụ đính kèm trên sản phẩm “ Thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt (Thực phẩm dành cho người rối loạn ruột) Tsururinko Quickly”

- Thông báo số 68379/2024 ngày 09/4/2024 của Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional food Việt Nam gửi Cục an toàn thực phẩm- Bộ Y tế về việc thay đổi tên của Thương nhân nhập khẩu, phân phối chịu trách nhiệm về hàng hóa kèm theo thông tin về nhãn phụ đính kèm trên sản phẩm: Thực phẩm bảo vệ sức khỏe BB536 Probiotics (30 capsules) (tên tiếng anh: Supplyment, BB536 Probiotics (30 capsules)).

- Thông báo số 69915/2024 ngày 03/5/2024 của Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional food Việt Nam gửi Cục an toàn thực phẩm- Bộ Y tế về việc thay đổi thông tin về nhãn phụ đính kèm trên sản phẩm: Thực phẩm bảo vệ sức khỏe Bột men vi sinh BB536 (tên tiếng anh: Supplyment, BB536 Probiotics Power).

- Thông báo số 75734/2024 ngày 02/8/2024 của Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional food Việt Nam gửi Cục an toàn thực phẩm- Bộ Y tế về việc thay đổi tên của Thương nhân xuất khẩu kèm theo thông tin về nhãn phụ đính kèm trên sản phẩm: Thực phẩm bảo vệ sức khỏe BB536 Probiotics (30 capsules) (tên tiếng anh: Supplyment, BB536 Probiotics (30 capsules)).

- Thông báo số 77395/2024 ngày 29/8/2024 của Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional food Việt Nam gửi Cục an toàn thực phẩm- Bộ Y tế về việc đính chính thông tin trên nhãn phụ do lỗi kỹ thuật trình bày kèm theo thông tin về nhãn phụ đính kèm trên sản phẩm: Thực phẩm bảo vệ sức khỏe BB536 Probiotics (30 capsules) (tên tiếng anh: Supplyment, BB536 Probiotics (30 capsules)).

7.3. Việc thực hiện quy định về quảng cáo (đăng ký website, giấy xác nhận quảng cáo)

7.3.1. Về đăng ký Website

- Qua kiểm tra thực tế, Công ty ELOVI (nay là Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam) đang sử dụng 04 trang Website như sau:

+ <http://Morinaga-nf.com.vn>

+ <http://climeal.vn>

+ <http://suachuaMorinaga.vn>

+ <http://suachuadinhduongMorinaga.vn>

- Tên đăng ký của Thương nhân sở hữu Website: Công ty Cổ phần ELOVI (nay là Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam); địa chỉ: KCN Nam Phổ Yên, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Các Website này Công ty chỉ dùng để giới thiệu và quảng bá Công ty với các sản phẩm, hàng hóa của Công ty, không có chức năng đặt hàng trực tuyến và không có phát sinh đơn hàng.

- Công ty đã cung cấp Hợp đồng ký kết giữa Công ty Cổ phần ELOVI (nay là Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam) với Chi nhánh Công ty Cổ phần Mất Bảo về việc cung cấp dịch vụ tên miền để lập Website có tên miền Việt Nam để giới thiệu về Công ty và sản phẩm của Công ty. Cụ thể:

+ Hợp đồng số 100920/Dsi-ELOVI, ký ngày 10/9/2020;

+ Hợp đồng số 126055/2022-MBDH, ký ngày 05/12/2022;

+ Hợp đồng số 067090-MBDH, ký ngày 07/7/2023;

+ Hợp đồng số 115799/2023-MBDH, ký ngày 07/11/2023.

Các hợp đồng vẫn đang duy trì hiệu lực cho đến nay, các Website của Công ty vẫn đang hoạt động bình thường.

7.3.2. Việc thực hiện quy định về quảng cáo

- Qua tài liệu Công ty cung cấp, Công ty đều có sơ đồ kế hoạch truyền thông áp dụng hàng năm, ký hợp đồng truyền thông với các Công ty quảng cáo truyền thông để thực hiện quảng cáo giới thiệu sản phẩm đến khách hàng.

- Công ty đã cung cấp cho Đoàn thanh tra các Giấy xác nhận nội dung quảng cáo đối với các sản phẩm của Công ty (thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt) được nhập khẩu trực tiếp từ Nhật Bản về Việt Nam đối với các sản phẩm thuộc diện phải xác nhận với cơ quan quản lý nhà nước. Cụ thể:

+ Giấy xác nhận nội dung quảng cáo số 01/XNQC-ATTP ngày 22/10/2022 do Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên cấp cho thực phẩm dinh dưỡng y học (Thực phẩm dùng cho người rối loạn nước): Tsururinko Quickly.

+ Giấy xác nhận nội dung quảng cáo số 1156/XNQC-ATTP ngày 18/6/2023 do Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên cấp cho sản phẩm cho sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe: Bột men vi sinh BB536, tên tiếng anh: Supplyment, BB536 Probiotics.

+ Giấy xác nhận nội dung quảng cáo số 1984/XNQC-ATTP ngày 18/10/2024 do Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên cấp cho sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe: BB536 Probiotics (30 capsules).

- Trong kỳ báo cáo, Công ty đã ký kết hợp đồng dịch vụ quảng cáo với các đơn vị cung ứng dịch vụ quảng cáo truyền thông như sau:

+ Hợp đồng dịch vụ số 001/10012022/HDDV/LA-ELOVI ngày 10/01/2022 ký giữa Công ty Cổ phần ELOVI Việt Nam (Bên A) với Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Linh Anh (Bên B), địa chỉ: Số 13, đường Tả Thanh Oai, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội về thực hiện dịch vụ quảng cáo và truyền thông thương hiệu sữa ZIN ZIN. Thời gian thực hiện từ tháng 1/2022 đến hết tháng 12/2022 và có thể được gia hạn theo yêu cầu của Bên A.

+ Hợp đồng dịch vụ số 151022/MKT/ ELOVI-KT-ZEROPAT ngày 15/10/2022 ký giữa Công ty Cổ phần ELOVI Việt Nam (Bên A) với Công ty TNHH Kim chỉ Việt Nam (Bên B), địa chỉ: Ngõ 1, đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội về thực hiện dịch vụ “ Dự án giới thiệu sản phẩm sữa chua Zero fat” kể từ ngày 15/10/2022 đến ngày 28/02/2023 kèm theo phụ lục hợp đồng.

+ Phụ lục Hợp đồng đính kèm Hợp đồng dịch vụ số 151022/MKT/ ELOVI-KT-ZEROPAT ngày 15/10/2022 ký giữa Công ty Cổ phần ELOVI Việt Nam (Bên A) với Công ty TNHH Kim chỉ Việt Nam (Bên B) ký ngày 28/12/2022 về thực hiện dịch vụ “ Dự án giới thiệu sản phẩm sữa chua Zero fat” kể từ ngày 15/10/2022 đến ngày 28/02/2023 về điều chỉnh giá trị hợp đồng.

+ Phụ lục Hợp đồng số 01 đính kèm Hợp đồng dịch vụ số 151022/MKT/ ELOVI-KT-ZEROPAT ngày 15/10/2022 ký giữa Công ty Cổ phần ELOVI Việt Nam (Bên A) với Công ty TNHH Kim chỉ Việt Nam (Bên B) ký ngày 27/2/2023 về thực hiện dịch vụ “ Dự án giới thiệu sản phẩm sữa chua Zero fat” kể từ ngày 15/10/2022 đến ngày 28/02/2023 về điều chỉnh giá trị hợp đồng.

+ Hợp đồng dịch vụ số 01/2023/FOCUS-ELOVI ngày 05/4/2023 ký giữa Công ty Cổ phần ELOVI Việt Nam (Bên A) với Công ty Cổ phần Châu Á Tiêu Điểm (Bên B), địa chỉ: Số 9, Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện dự án “MORINAGA-Sales Support Campaign 2023”. Thời gian thực hiện trong vòng 3 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng đính kèm theo Phụ lục 1 về báo giá chi tiết thực hiện dịch vụ.

+ Hợp đồng dịch vụ số 1623/HDDV/MAXGROUP-ELOVI ngày 05/7/2023 ký giữa Công ty Cổ phần ELOVI Việt Nam (Bên A) với Công ty Cổ phần MAXGROUP (Bên B), địa chỉ: Số nhà 22, đường Xuân La, phường Xuân La, quận

Tây Hồ, Hà Nội về việc thực hiện chiến dịch truyền thông quảng bá thương hiệu Zin Zin kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/12/2023 kèm theo phụ lục bảng giá dịch vụ.

+ Hợp đồng dịch vụ số 002/ELOVI-BRISE ngày 26/7/2023 ký giữa Công ty Cổ phần ELOVI Việt Nam (Bên A) với Công ty TNHH Thương mại B-RISE, địa chỉ: KDC Trung Sơn, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện chiến dịch truyền thông kể từ ngày ký hợp đồng từ ngày 26/7/2023, hết hiệu lực khi hai bên thanh lý hợp đồng. Hợp đồng có kèm theo phụ lục số 01 về bảng giá dịch vụ.

+ Hợp đồng cung cấp dịch vụ số HD160954/MNFV_NOVAON ngày 08/7/2024 ký giữa Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam (Bên A) với Công ty Cổ phần NOVAON DIGITAL (Bên B), địa chỉ: Số 88, đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội về việc tối ưu hóa kết quả tìm kiếm trên Google, thời gian thực hiện 9 tháng kể từ ngày ký kèm theo phụ lục số 01 liên quan đến nội dung cụ thể của dự án.

+ Hợp đồng cung cấp dịch vụ số 2024/2024/HDDV/MKT/MNFV-CLEVER GROUP ngày 20/4/2024 ký giữa Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam (Bên A) với Công ty Cổ phần CLEVER GROUP (Bên B), địa chỉ: Số 2, phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, Hà Nội về việc thực hiện chiến dịch truyền thông cho bên A, nội dung được thể hiện tại phụ lục 1 đính kèm Hợp đồng. Thời gian thực hiện kể từ ngày 20/4/2024 đến hết ngày 19/01/2025.

+ Hợp đồng cung cấp dịch vụ số QC1080524/HDDV/MKT/MNFV-VCCORP ngày 07/5/2024 ký giữa Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam (Bên A) với Công ty Cổ phần VCCORP (Bên B), địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Huy Tưởng, quận Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội về việc thực hiện chiến dịch truyền thông cho bên A, nội dung dịch vụ chi tiết được thể hiện tại phụ lục 1 đính kèm Hợp đồng. Thời gian thực hiện kể từ ngày 07/5/2024 đến hết ngày 31/12/2024.

7.4. Việc thực hiện các chương trình khuyến mại

Trong kỳ thanh tra, song song với các chương trình Quảng cáo, Công ty đã tổ chức triển khai các chương trình khuyến mại thúc đẩy quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dành cho khách hàng những lợi ích nhất định. Cụ thể:

- **Năm 2022:** Thực hiện 115 chương trình khuyến mại với Tổng giá trị hàng hóa dùng để khuyến mại là 39.730.989.843 đồng.

- **Năm 2023:** Thực hiện 222 chương trình khuyến mại với Tổng giá trị hàng hóa dùng để khuyến mại là 58.304.642.684 đồng.

- **Năm 2024:** Thực hiện 300 chương trình khuyến mại với Tổng giá trị hàng hóa dùng để khuyến mại là 66.714.293.855 đồng

a. Đối với các chương trình khuyến mại bằng hình thức giảm giá và tặng hàng mẫu:

- Công ty đã thực hiện thủ tục hành chính thông báo hoạt động khuyến mại đến Sở Công Thương (địa bàn thực hiện hoạt động khuyến mại) trước khi thực hiện chương trình khuyến mại theo quy định.

- Các chương trình khuyến mại đều do Công ty Cổ phần ELOVI (nay là Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam) xây dựng và chỉ đạo điều hành thực hiện và thông báo các chương trình đến Sở Công Thương nơi tổ chức để triển khai. Kết quả cụ thể như sau:

+ **Năm 2022:** Thực hiện 38 chương trình khuyến mại với Tổng giá trị hàng hóa dùng để khuyến mại là 684.721.838 đồng.

+ **Năm 2023:** Thực hiện 122 chương trình khuyến mại với Tổng giá trị hàng hóa dùng để khuyến mại là 6.015.217.279 đồng.

+ **Năm 2024:** Thực hiện 135 chương trình khuyến mại với Tổng giá trị hàng hóa dùng để khuyến mại là 6.323.861.417 đồng

b. Đối với các chương trình khuyến mại tặng hàng hóa khác:

- **Năm 2022:** Thực hiện 76 chương trình khuyến mại với Tổng giá trị hàng hóa dùng để khuyến mại là 36.443.477.205 đồng.

- **Năm 2023:** Thực hiện 97 chương trình khuyến mại với Tổng giá trị hàng hóa dùng để khuyến mại là 47.797.136.917 đồng.

- **Năm 2024:** Thực hiện 165 chương trình khuyến mại với Tổng giá trị hàng hóa dùng để khuyến mại là 60.390.432.438 đồng.

c. Đối với các Chương trình khuyến mại mang tính may rủi

- Công ty đã thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động khuyến mại với Cục Xúc tiến Thương mại và được Cục Xúc tiến Thương mại xác nhận trước khi thực hiện chương trình khuyến mại mang tính may rủi theo quy định.

- Việc xác định trúng thưởng trong chương trình khuyến mại mang tính may rủi được Công ty tổ chức công khai, theo thể lệ đã công bố, có sự chứng kiến của khách hàng và được lập thành biên bản; các chương trình đều có người trúng

thưởng; Thực hiện báo cáo kết quả thực hiện chương trình khuyến mại mang tính may rủi đến Cục Xúc tiến Thương mại và nộp 50% giá trị giải thưởng không có người trúng thưởng của chương trình khuyến mại vào ngân sách nhà nước (đối với Chương trình khuyến mại không có người trúng thưởng) theo quy định.

- Trong kỳ thanh tra, Công ty có thực hiện các Chương trình khuyến mại mang tính may rủi như sau:

+ **Năm 2022:** Thực hiện 01 chương trình khuyến mại có tên: “Vui cùng Tsubasa - Giấc mơ sân cỏ” với Tổng giá trị giải thưởng đã công bố là 2.602.790.800 đồng, trong đó: Giá trị giải thưởng đã trao là: 1.078.178.700 đồng; Tổng giá trị giải thưởng không có người trúng thưởng là: 1.524.612.100 đồng; số tiền nộp 50% Tổng giá trị giải thưởng không có người trúng thưởng vào ngân sách nhà nước là: 762.306.050 đồng.

+ **Năm 2023:** Thực hiện 04 chương trình khuyến mại gồm “ Uống Zin Zin trúng vàng”; “ Uống Zin Zin Grow 100 - lớn nhanh như thổi”; “Cào liền tay Zinh ngay sức khỏe”; “Zin Zin năng lượng cao lớn, cào trúng thưởng” với Tổng giá trị giải thưởng đã công bố là 4.692.568.488 đồng, trong đó: Tổng giá trị giải thưởng đã trao là: 3.204.148.920 đồng; Tổng giá trị giải thưởng không có người trúng thưởng là: 1.488.419.568 đồng; số tiền nộp 50% giá trị giải thưởng không có người trúng thưởng vào ngân sách nhà nước là: 744.209.784 đồng; Công ty tiếp tục gia hạn 01 chương trình khuyến mại may rủi năm 2023 (Tên chương trình: “Zin Zin năng lượng cao lớn, cào trúng thưởng” gia hạn từ ngày 30/11/2023 đến ngày 20/01/2024). Công ty đã gửi hồ sơ đến Cục Xúc tiến thương mại và được Cục Xúc tiến thương mại xác nhận việc đăng ký thực hiện tại văn bản số 4566/XTTM-QLXT ngày 29/11/2023.

+ **Năm 2024:** Thực hiện gia hạn chương trình may rủi “Zin Zin năng lượng cao lớn, cào trúng thưởng” với Tổng giá trị giải thưởng đã công bố là 1.502.765.445 đồng, trong đó: Tổng giá trị giải thưởng đã trao là: 1.447.765.445 đồng; Tổng giá trị giải thưởng không có người trúng thưởng là: 55.000.000 đồng; số tiền nộp 50% giá trị giải thưởng không có người trúng thưởng vào ngân sách nhà nước là: 27.500.000 đồng. Ngoài ra Công ty không thực hiện chương trình may rủi mới nào năm 2024.

7.5. Việc thực hiện quy định về truy xuất nguồn gốc thực phẩm

Công ty cung cấp cho Đoàn thanh tra các Giấy chứng nhận quyền sử dụng mã vạch trong kỳ thanh tra như sau:

- Giấy chứng nhận B002086 cho Công ty Cổ phần ELOVI Việt Nam được quyền sử dụng mã số 893600979 do Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng cấp ngày 05/11/2015, có hiệu lực kể từ ngày cấp.

- Giấy chứng nhận số B002086 cho Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam (sau khi Công ty ELOVI có Quyết định đổi tên từ ELOVI thành Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam) được quyền sử dụng mã số theo mã doanh nghiệp GS1 893600979 do Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng cấp ngày 22/4/2024, ngày hết hiệu lực là ngày 22/4/2027.

- Cung cấp 01 Hợp đồng số BRAVO-ELOVI/MBN1/20200104 về việc cung cấp phần mềm BRAVO, ký ngày 16/01/2020 giữa Công ty Cổ phần ELOVI Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam) (BÊN A) với Công ty Cổ phần phần mềm BRAVO (Bên B) cung cấp các tính năng phục vụ cho BÊN A trong đó có hệ thống truy suất nguồn gốc theo tiêu chuẩn quốc tế, được tích hợp trên phần mềm, đảm bảo thông tin minh bạch, an toàn trong toàn bộ quy trình sản xuất và phân phối sản phẩm sữa chế biến. Hệ thống này cho phép truy vết tất cả các bước trong chuỗi cung ứng, từ khâu nhập nguyên liệu cho đến khi sản phẩm được giao đến nhà phân phối. Cụ thể:

+ Truy xuất nguyên liệu đầu vào, bao gồm sữa nguyên liệu, phụ gia và các thành phần khác, đều được kiểm soát từ nguồn gốc. Mỗi lô hàng nguyên liệu đều có mã số riêng, giúp theo dõi quá trình vận chuyển, lưu kho và sử dụng trong quá trình sản xuất.

+ Truy xuất trong quá trình sản xuất: Tất cả các giai đoạn của quá trình sản xuất đều được ghi chép và lưu trữ thông qua hệ thống quản lý chất lượng, có thể kiểm tra lại khi cần.

+ Truy suất sản phẩm cuối cùng: Mỗi sản phẩm hoàn thiện đều có dán nhãn với mã số lô hàng và mã vạch, cho phép truy xuất thông tin về nguyên liệu, quy trình sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng.

Ngoài ra Công ty đã triển khai các kênh phản hồi và hỗ trợ khách hàng (số đường dây hotline: 1800-888-602) để cung cấp thông tin chi tiết về nguồn gốc, quy trình sản xuất và sản phẩm.

8. Kiểm tra về hồ sơ mua, bán nguyên liệu phụ gia thực phẩm

8.1. Hợp đồng mua, bán, hóa đơn, chứng từ, sổ sách các giấy tờ liên quan chứng minh nguồn gốc nguyên liệu phụ gia thực phẩm

8.1.1. Đối với hoạt động sản xuất, gia công của Công ty

Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam sản xuất các sản phẩm sữa chua uống, thức uống dinh dưỡng.

Nguyên liệu sản xuất: Công ty sử dụng các nhóm nguyên liệu dùng để sản xuất, gia công sữa gồm: Nguyên liệu nhập khẩu và các nhóm nguyên liệu chính,

nhóm chất ổn định, nhóm dầu bơ, nhóm đường, nhóm hương liệu, nhóm màu thực phẩm, nhóm men vi sinh, nhóm mút, thạch dừa, nhóm Vitamin và khoáng chất. Công ty cung cấp các hồ sơ nhập khẩu, hợp đồng mua bán, hóa đơn chứng từ chứng minh nguồn gốc của sản phẩm như sau:

- Năm 2022:

+ Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 25122022/MUAHANG/ELOVI-KIMHAICHAU ngày 25/12/2022 với Công ty Kim Hải Châu, địa chỉ: Số 17, ngách 583/29 phố Kim Ngưu, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, hợp đồng có hiệu 02 năm kể từ ngày ký (25/12/2024).

+ Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 25122022/ MUAHANG/ELOVI-ACHAU ngày 25/12/2022 với Công ty Cổ phần hóa chất Á Châu. Địa chỉ: Lô K4B, KCN Lê Minh Xuân, đường số 4, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, hiệu lực hợp đồng 02 năm kể từ ngày ký (25/12/2024).

+ Bản tự công bố sản phẩm số 118/ACC/2022 ngày 08/06/2022 của Công ty Cổ phần hóa chất Á Châu đối với nguyên liệu thực phẩm sữa non Colostrum 6000i.

+ Bản tự công bố sản phẩm số 157/ACC/2019 ngày 07/08/2019 của Cổ phần hóa chất Á Châu đối với nguyên liệu thực phẩm Men sữa chua (YO-MIX YO -MIX 495 LYO 500 DCU).

+ Bản tự công bố sản phẩm số 298/ACC/2021 ngày 31/12/2021 của Cổ phần hóa chất Á Châu đối với nguyên liệu thực phẩm Vitamin K2 dạng MK7 (Vitamin K2 AS MK7 Powder (2000ppm)- W).

+ Bản tự công bố sản phẩm số 171/ACC/2020 ngày 12/08/2020 của Công ty Cổ phần hóa chất Á Châu đối với sản phẩm phụ gia thực phẩm Potassium Chloride 99,9% KCL.

+ Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 25122023/ MUAHANG/ELOVI- NUMECO ngày 25/12/2022 với Công ty TNHH NUMECO. Địa chỉ: Số 6, Ngõ 289, đường Hoàng Mai, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội, hiệu lực hợp đồng 02 năm kể từ ngày ký (25/12/2024).

- Bản tự công bố sản phẩm số 16/NUMECO/2018 ngày 25/12/2018 của Công ty TNHH NUMECO đối với sản phẩm phụ gia thực phẩm đường Acesulfame K kèm theo phiếu kết quả thử nghiệm.

+ Bản tự công bố sản phẩm số 01/NUMECO/2020 ngày 06/04/2020 của Công ty TNHH NUMECO đối với sản phẩm phụ gia thực phẩm đường Aspartame kèm theo phiếu kết quả thử nghiệm.

+ Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 25122022/MUAHANG/ELOVI-GM ngày 25/12/2022 với Công ty TNHH Quốc tế G&M, địa chỉ: số 15-17, ngõ 231/51 Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội về việc cung cấp các mặt hàng nguyên liệu thực phẩm hương dâu, hương vải, nước ép dâu, nước ép cam, nước ép táo, nước ép Việt quất và các hàng hóa khác trong khả năng đáp ứng của nhà cung cấp (Có bản tự công bố sản phẩm kèm theo), đối với hàng hóa do Công ty cung cấp xuất bán có hóa đơn chứng từ kèm theo.

+ Hợp đồng nguyên tắc số 08102022/MUAHANG/ELOVI-VANHUY ngày 08/10/2022 với Công ty TNHH thương mại Vạn Huy, địa chỉ: 49A Trần Hưng Đạo B, phường 6, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam về việc cung cấp mặt hàng màu thực phẩm dùng cho thực phẩm, hợp đồng có hiệu lực 02 năm kể từ ngày ký (08/10/2024).

+ Bản tự công bố sản phẩm số 11/VANHUY/2020 ngày 12/11/2020 của Công ty TNHH thương mại Vạn Huy đối với sản phẩm màu thực phẩm FD&C Red No.3 Powder dùng cho thực phẩm.

+ Bản tự công bố sản phẩm số 12/VANHUY/2020 ngày 12/11/2020 của Công ty TNHH thương mại Vạn Huy đối với sản phẩm màu thực phẩm EUROCERT PONCEAU 4R Powder dùng cho thực phẩm.

+ Bản tự công bố sản phẩm số 13/VANHUY/2020 ngày 12/11/2020 của Công ty TNHH thương mại Vạn Huy đối với sản phẩm màu thực phẩm FD&C Yellow No.6 Powder dùng cho thực phẩm.

+ Bản tự công bố sản phẩm số 15/VANHUY/2020 ngày 12/11/2020 của Công ty TNHH thương mại Vạn Huy đối với sản phẩm màu thực phẩm FD&C Yellow No.5 Powder dùng cho thực phẩm.

- Năm 2023

+ Hợp đồng nguyên tắc số 16082022/MUAHANG/ELOVI-NITTA ngày 16/08/2022 với Công ty TNHH Nitta Gelatin Việt Nam, địa chỉ: Lô S1- đường số 7, khu công nghiệp Long Hậu mở rộng, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, Việt Nam về việc cung cấp mặt hàng phụ gia thực phẩm NGV-GY313, hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 16/08/2024.

+ Bản công bố sản phẩm số 1/2028/1101681815-DKCB ngày 15/10/2018 của Công ty TNHH Nitta Gelatin Việt Nam, phiếu kết quả thử nghiệm số 21120647/KQ ngày 24/12/2021 đối với phụ gia thực phẩm NGV-GY313 do Công ty Cổ phần DV khoa học công nghệ Chấn Nam giám định.

+ Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 3112/2023/HĐNT/PROCUREMENT/ELOVI-ĐTV ngày 31/12/2023 với Công ty Cổ phần Đại Tân Việt, địa chỉ: 145 Tôn Thất Đạm, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam về việc cung cấp nguyên liệu thực phẩm chất béo sữa dạng khan (chất béo khan của bơ), hợp đồng có hiệu lực đến ngày 31/12/2024.

+ Bản tự công bố sản phẩm số 65/ĐTV/2021 ngày 08/7/2021 của Công ty Cổ phần Đại Tân Việt, đối với nguyên liệu thực phẩm chất béo sữa dạng khan (chất béo khan của bơ).

- Năm 2024

+ Hồ sơ nhập khẩu số PO05/24-027 ngày 08/05/2024 của Công ty Morinaga Milk Industry Co.,Ltd, địa chỉ: 5-2, HigashiShimbashi1-Chome, Minato-ku, Tokyo 105-7122, Japan, kèm tờ khai hàng hóa nhập khẩu là chế phẩm vi sinh Lactibacillus Paracasei MCC1849, nguyên liệu dùng trong sản xuất sữa chua.

+ Hồ sơ nhập khẩu số PO02/24-027 ngày 15/02/2024 Công ty Morinaga Milk Industry Co.,Ltd, địa chỉ: 33-1, Shiba 5-Chome, Minato-ku, Tokyo 108-8384, Japan, kèm tờ khai hàng hóa nhập khẩu là chế phẩm hóa chất Awacut KL dạng lỏng, dùng làm chất phá bọt trong sản xuất thực phẩm.

+ Hồ sơ nhập khẩu số PO11/23-002 ngày 01/11/2023 của Công ty Milei, địa chỉ: Kemptener Strasse 91 88299 Leutkirch im Allgaeu, Germany, kèm theo tờ khai hàng hóa nhập khẩu là đậm sữa bò đã cô đặc sấy khô Milei MC 80 (nguyên liệu thực phẩm) trọng lượng 20kg/bao.

+ Hồ sơ nhập khẩu số PO05/24-107 ngày 23/05/2024 của Công ty Fonterra (Japan) Limited, địa chỉ: Taiyo Seimei Shinagawa Bldg 25F2-16-2-KonanMinato-ku, Tokyo 108-0075, Japan kèm theo tờ khai hàng hóa nhập khẩu là bột sữa bò nguyên liệu (nguyên liệu thực phẩm) trọng lượng 25kg/bao.

+ Hồ sơ nhập khẩu số PO05/24-107 ngày 23/05/2024 của Công ty Fonterra (Japan) Limited, địa chỉ: Taiyo Seimei Shinagawa Bldg 25F2-16-2-KonanMinato-ku, Tokyo 108-0075, Japan kèm theo tờ khai hàng hóa nhập khẩu là bột sữa bò nguyên liệu loại Whole milk (bột béo), Skim Milk (nguyên liệu thực phẩm) trọng lượng 25kg/bao.

+ Bản tự công bố sản phẩm số 152/ĐVT/2021 ngày 20/10/2021 đối với nguyên liệu thực phẩm sữa bột gầy Fonterra của Công ty Cổ phần Đại Tân Việt kèm theo bản công bố là thông tin của sản phẩm và kết quả thử nghiệm các chỉ tiêu của sản phẩm.

+ Bản tự công bố sản phẩm số 41/ĐVT/2021 ngày 27/04/2021 đối với nguyên liệu thực phẩm sữa bột béo Fonterra của Công ty Cổ phần Đại Tân Việt kèm theo bản công bố là thông tin của sản phẩm và kết quả thử nghiệm các chỉ tiêu của sản phẩm.

+ Hồ sơ nhập khẩu số PO07/24-055 ngày 18/07/2024 của Công ty AB food&Beverages (Thailand) Ltd, địa chỉ: 11th Floor, 2535 Sukhumvit Road, Prakhonong, Bangkok 10260, Thailand, kèm theo tờ khai hàng hóa nhập khẩu là hỗn hợp nguyên liệu để sản xuất Socola lúa mạch dạng bột, thành phần có giá trị dinh dưỡng: Bột kem không sữa, khoáng chất và các thành phần khác chất ổn định, trọng lượng 25kg/bao.

+ Hồ sơ nhập khẩu số PO07/24-055 ngày 18/07/2024 của Công ty AB food&Beverages (Thailand) Ltd, địa chỉ: 11th Floor, 2535 Sukhumvit Road, Prakhonong, Bangkok 10260, Thailand, kèm theo tờ khai hàng hóa nhập khẩu là hỗn hợp nguyên liệu để sản xuất Socola lúa mạch dạng bột, thành phần có giá trị dinh dưỡng: Bột kem không sữa, khoáng chất và các thành phần khác chất ổn định, trọng lượng 25kg/bao; Ovaltine hỗn hợp nguyên liệu để sản xuất Socola lúa mạch, trọng lượng 550kg/bao.

+ Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 25122023/MUAHANG/ELOVI-KIMNGUU ngày 25/12/2023 ký với Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu hóa chất và thiết bị Kim Nguru, địa chỉ: Số 85, phố Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam về việc phụ gia, hóa chất, hợp đồng có hiệu lực 02 năm kể từ ngày ký 25/12/2025.

+ Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 1406/HĐNTMBHH/PRC/MNFV-DEVELING ngày 14/06/2024 ký với Công ty TNHH Develing Quốc tế (Việt Nam), địa chỉ: Tòa nhà Citilght số 45 đường Võ Thị Sáu, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026.

+ Bản tự công bố sản phẩm số 21/ DEVELING/2019 ngày 26/12/2019 của Công ty Công ty TNHH Develing Quốc tế (Việt Nam) đối với nguyên liệu thực phẩm Colostrum Powder 2060 thành phần sữa non bò.

+ Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 03022024/KINHLAM-ELOVI ngày 03/02/2024 với Chi nhánh Công ty TNHH Kinh Lâm Bắc Ninh, địa chỉ: số 5, đường 3, khu công nghiệp đô thị và dịch vụ VSIP Bắc Ninh, phường Phù Chẩn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam, hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2024.

+ Bản tự công bố sản phẩm số 04/KINHLAM/2021 ngày 14/05/2021 đối với sản phẩm Xi-rô ngô (Fructose- Glucose Syrup).

+ Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 0201/2024/HĐNTMBHH/PROCUREMENT/ELOVI-CHORI ngày 02/01/2024 với Công ty TNHH CHORI Việt Nam, địa chỉ: P.1705-1706, TNSROC, 2A-4A Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Q1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam, đối với các sản phẩm cung cấp là chất ổn định Protex và Axit lactic.

+ Bản tự công bố sản phẩm số 02/CHORIVIETNAM/2023 ngày 25/04/2023 đối với sản phẩm phụ gia thực phẩm Protex ABA 1873 SG; số 04/CHORIVIETNAM/2023 đối với sản phẩm phụ gia thực phẩm Lactic Acid 88%.

8.1.2. Đối với hoạt động nhập khẩu các sản phẩm sữa thành phẩm

Từ năm 2023 đến nay Công ty nhập khẩu các sản phẩm sữa bột nguyên hộp, kem, hình thức nhập khẩu trực tiếp từ Công ty Morinaga Milk Industry Co.,Ltd, địa chỉ 33-1, Shiba 5 Chome, Minato-Ku, Tokyo 108-8384, Japan. Công ty cung cấp hồ sơ nhập khẩu và công bố sản phẩm cụ thể như sau:

(1) - Hồ sơ nhập khẩu sản phẩm thực phẩm bổ sung Nutritional Milk Powder 200g, 300g số PO02/24-054 ngày 19/02/2024 của Công ty Morinaga Milk Industry Co.,Ltd, địa chỉ 33-1, Shiba 5 Chome, Minato-Ku, Tokyo 108-8384, Japan kèm tờ khai hàng hóa nhập khẩu, loại hộp thiếc: 12kg/1 thùng.

Bản tự công bố sản phẩm số 24/MORINAGA/2024 ngày 27/06/2024 của Công ty Morinaga Nutritional foods Việt Nam, địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Phổ Yên, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam đối với sản phẩm thực phẩm bổ sung Nutritional Milk Powder.

Bản tự công bố sản phẩm số 09/ELOVI/2023 ngày 13/10/2023 của Công ty Cổ phần Elovi Việt Nam, địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Phổ Yên, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam đối với sản phẩm thực phẩm bổ sung Nutritional Milk Powder 300g.

(2) - Hồ sơ nhập khẩu sản phẩm thực phẩm bổ sung Nutritional Milk Powder 200g số PO02/24-055 ngày 19/02/2024 của Công ty Morinaga Milk Industry Co.,Ltd, địa chỉ 33-1, Shiba 5 Chome, Minato-Ku, Tokyo 108-8384, Japan kèm tờ khai hàng hóa nhập khẩu, loại hộp thiếc: 12kg/1 thùng.

Bản tự công bố sản phẩm số 10/ELOVI/2023 ngày 13/10/2023 của Công ty Cổ phần Elovi Việt Nam, địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Phổ Yên, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam đối với sản phẩm thực phẩm bổ sung Nutritional Milk Powder 200g (20g x 10 gói).

(3) - Hồ sơ nhập khẩu số PO08/24-016 ngày 06/08/2024 của Công ty Morinaga Milk Industry Co.,Ltd, địa chỉ 5-2, HigashiShimbashi1- Chome, Minato-Ku, Tokyo 105-7122, Japan kèm tờ khai hàng hóa nhập khẩu, sản phẩm theo hồ sơ gồm sản phẩm thực phẩm dành cho chế độ ăn đặc biệt, đóng gói 300g/túi; thực phẩm bảo vệ sức khỏe BB536 Probiotics dạng viên, quy cách đóng gói 30 viên/1 túi nhôm; thực phẩm bảo vệ sức khỏe bột men vi sinh BB536, quy cách đóng gói 1,5g/1 gói; 30 gói/1 hộp 45g.

Bản tự công bố sản phẩm số 03/ELOVI/2023 ngày 15/06/2022 của Công ty Cổ phần Elovi Việt Nam, địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Phổ Yên, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam đối với sản phẩm thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt.

(4) - Hồ sơ nhập khẩu sản phẩm kem Pino Vanilla Morinaga số PO09/24-064 ngày 19/09/2024 Công ty Morinaga Milk Industry Co.,Ltd, địa chỉ 5-2, HigashiShimbashi1- Chome, Minato-Ku, Tokyo 105-7122, Japan kèm tờ khai hàng hóa nhập khẩu, loại 24 hộp/1 thùng.

Bản tự công bố sản phẩm số 28/Morinaga/2024 ngày 28/08/2024 của Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam, địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Phổ Yên, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đối với sản phẩm Kem Mow Vanilla Moriinaga.

Bản tự công bố sản phẩm số 29/Morinaga/2024 ngày 28/08/2024 của Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam, địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Phổ Yên, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đối với sản phẩm Kem Pino Vanilla Moriinaga.

Bản tự công bố sản phẩm số 31/Morinaga/2024 ngày 23/10/2024 của Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam, địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Phổ Yên, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đối với sản phẩm Kem Parm Chocolate Moriinaga.

Bản tự công bố sản phẩm số 32/Morinaga/2024 ngày 23/10/2024 của Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam, địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Phổ Yên, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đối với sản phẩm Kem Parm Matcha Moriinaga.

Bản tự công bố sản phẩm số 33/Morinaga/2024 ngày 23/10/2024 của Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam, địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Phổ Yên, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đối với sản phẩm Kem Mow Matcha Moriinaga.

8.2. Việc sử dụng loại chất hỗ trợ chế biến, phụ gia thực phẩm, lượng sử dụng, nguồn gốc phụ gia và việc đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quản lý và yêu cầu kỹ thuật đối với chất hỗ trợ chế biến, phụ gia thực phẩm

- Sử dụng loại chất hỗ trợ chế biến, phụ gia thực phẩm được phép sử dụng trong sản xuất kinh doanh thực phẩm theo danh mục của Bộ y tế quy định; có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, còn thời hạn sử dụng, tuân thủ quy định về giới hạn, lượng sử dụng đối với từng sản phẩm, đồng thời thực phẩm phải đáp ứng các tiêu chuẩn về hàm lượng theo quy định, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quản lý và yêu cầu kỹ thuật đối với chất hỗ trợ chế biến, phụ gia thực phẩm.

8.3. Hoạt động mua, bán (hóa đơn, chứng từ, sổ sách các giấy tờ liên quan chứng minh nguồn gốc nguyên liệu phụ gia thực phẩm) và sản phẩm của Công ty

Công ty thực hiện mua các nguyên vật liệu để phục vụ cho hoạt động sản xuất và hoạt động gia công của các nhà cung cấp có hợp đồng nguyên tắc và bản tự công bố sản phẩm đối với các nguyên liệu, phụ gia thực phẩm, các nhóm nguyên vật liệu, phụ gia thực phẩm gồm:

- Nguyên vật liệu chính gồm: Sữa bột gầy, sữa bột béo, sữa bột nguyên kem, nguyên liệu thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm Maltodextrin (De 10-12); hỗn hợp mạch nha và bột ca cao.....

- Nguyên liệu nhóm chất ổn định: Chất ổn định DMG 009; chất ổn định 12; Chất ổn định NGV- GY317; chất ổn định protex ABA 1873 SG...

- Nhóm sữa bột: Bột kem không sữa Premium Creamer-171; Sữa bột gầy Skim Milk Powder; đạm Whey Isolate 90%; Bột Whey Tillamook;...

- Nhóm dầu bơ: Dầu bơ khan- Anhydrous Milk Fat; dầu Olein tinh luyện (Palm oil Olein)

- Nhóm đường: Đường tinh luyện RE KTM; đường kính trắng RS Sơn La; đường kính trắng Việt Đài; chất tạo ngọt Splenda Sucralase; Xi-rô Ngô..

- Nhóm hương liệu: Hương cam, hương vải, hương lựu, hương gạo, hương việt quất, hương xoài, hương nha đam, hương nho, hương dâu, hương chuối, Vanilla Flavour XV; milk Flavor PFE- 20111..

- Nhóm màu thực phẩm: Phẩm màu xanh, bột màu FD&Red No3 Powder, bột màu Tartrazine, màu Yellow, bột màu Ponceau 4R.

- Nhóm men vi sinh: Men YC- 350; Men YF- DVS YF-L904; Men YO-MIX 495 (250u/gói, 500u/gói).

- Nhóm mút thạch dừa: Lô hội nước đường (thạch nha đam), thạch nước dừa đường.

- Nhóm nước quả: Nước dế cam, nước ép dàu, nước ép táo, nước ép việt quất.
- Nhóm vitamin và khoáng chất: Hỗn hợp hóa học dùng trong chế biến thực phẩm (VANA-SANA DHA 11A IF); nguyên liệu thực phẩm bổ sung sắt; Amino axit L-Lysine HCL, Vitamin A Palmitat 1.0 Mio, Vitamin D3; nguyên liệu thực phẩm Tocoblend L70 IP; nguyên liệu thực phẩm Mineral Premix 14592; Taurine.
- Nhóm NVL chính khác: Axit chanh, axit lactic (Lactic Acid); Calcium lactate Gluconate 13; sữa non (Colostrum 6000i), chất xơ Fibruline XL.
- Đoàn thanh tra ghi nhận số lượng nguyên liệu trong kỳ thanh tra được tổng hợp theo biểu từng năm được Công ty cung cấp như sau:

**BẢNG TỔNG HỢP NHẬP- XUẤT- TỒN
NĂM 2022**

| TT | Nhóm hàng hóa | ĐVT | Tồn đầu kỳ | Số lượng nhập trong kỳ | Số lượng xuất trong kỳ | Tồn cuối kỳ |
|----|--------------------|-----|-------------|------------------------|------------------------|---------------|
| 1 | Nhóm NVL chính | Kg | 5.169.4908 | 244.115.4062 | 169.793.6415 | 79.491.2555 |
| 2 | Nhóm sữa bột | Kg | 68.518.960 | 2.598.362.480 | 2.448.648.880 | 218.232.560 |
| 3 | Nhóm chất ổn định | Kg | 127.475.140 | 5.238.072.360 | 2.520.760.560 | 144.786.940 |
| 4 | Nhóm dầu bơ | Kg | 73.118.000 | 2.779.696.800 | 2.740.197.800 | 112.617.000 |
| 5 | Nhóm đường | Kg | 806.220.400 | 41.408.378.610 | 40.483.633.018 | 1.730.965.992 |
| 6 | Nhóm hương liệu | Kg | 11.558.800 | 193.062.300 | 170.411.020 | 34.210.080 |
| 7 | Nhóm màu thực phẩm | Kg | 275.016 | 3.127.680 | 2.864.719 | 537.977 |
| 8 | Nhóm men vi sinh | U | 550.000 | 2.595.000 | 2.813.000 | 332.000 |
| 9 | Nhóm mứt thạch dừa | Kg | 3.496.450 | 114.960.000 | 103.205.270 | 15.251.180 |

11.11.2022

| | | | | | | |
|----|-----------------------------|----|------------|-------------|-------------|------------|
| 10 | Nhóm nước quả | Kg | 29.019.200 | 244.435.600 | 249.644.500 | 23.810.300 |
| 11 | Nhóm Vitamin và khoáng chất | Kg | 236.529 | 6.560.807 | 6.291.746,4 | 505.589,6 |
| 12 | Nhóm NVL chính khác | Kg | 4.521.310 | 61.424.2590 | 59.876.4990 | 6.069.0700 |

**BẢNG TỔNG HỢP NHẬP- XUẤT- TỒN
NĂM 2023**

| TT | Nhóm hàng hóa | ĐVT | Tồn đầu kỳ | Số lượng nhập trong kỳ | Số lượng xuất trong kỳ | Tồn cuối kỳ |
|----|--------------------|-----|--------------|------------------------|------------------------|--------------|
| 1 | Nhóm NVL chính | Kg | 79.491.2555 | 258.303,4590 | 249.014,7597 | 88.779,9548 |
| 2 | Nhóm sữa bột | Kg | 218.232.560 | 2.198.610,8600 | 2.112.411,2200 | 304.432,2000 |
| 3 | Nhóm chất ổn định | Kg | 14.478,6940 | 228.444,6600 | 220.563,4040 | 22.359,9500 |
| 4 | Nhóm dầu bơ | Kg | 11.261,7000 | 188.914,4400 | 187.231,3400 | 12.944,8000 |
| 5 | Nhóm đường | Kg | 173.096,5992 | 3.315.257,7250 | 3.371.275,1440 | 117.079,1802 |
| 6 | Nhóm hương liệu | Kg | 3.421,0080 | 15.153,5720 | 15.189,3200 | 3.385,2600 |
| 7 | Nhóm màu thực phẩm | Kg | 53,7977 | 285,5270 | 260,3058 | 79,0189 |
| 8 | Nhóm men vi sinh | U | 332.000,0000 | 2.974.000,0000 | 2.845.500,0000 | 460.500,0000 |
| 9 | Nhóm mứt | Kg | 15.251,1800 | 84.360,0000 | 88.091,1800 | 11.520,0000 |

| | | | | | | |
|----|-----------------------------|----|-------------|--------------|--------------|-------------|
| | thạch dừa | | | | | |
| 10 | Nhóm nước quả | Kg | 23.810,3000 | 243.984,7000 | 238.226,5000 | 29.568,5000 |
| 11 | Nhóm Vitamin và khoáng chất | Kg | 505.5896 | 4.160,1450 | 4.323,1204 | 342,6142 |
| 12 | Nhóm NVL chính khác | Kg | 6.069,0700 | 82.814,1880 | 77.187,2260 | 11.696,0320 |

**BẢNG TỔNG HỢP NHẬP- XUẤT- TỒN
NĂM 2024**

(Từ Quý I đến Quý III năm 2024)

| TT | Nhóm hàng hóa | ĐVT | Tồn đầu kỳ | Số lượng nhập trong kỳ | Số lượng xuất trong kỳ | Tồn cuối kỳ |
|----|--------------------|-----|--------------|------------------------|------------------------|--------------|
| 1 | Nhóm NVL chính | Kg | 88.779,9548 | 21.910,0000 | 51.878,0879 | 58.811,8669 |
| 2 | Nhóm sữa bột | Kg | 304.432,2000 | 1.157.907,0000 | 1.258.860,6300 | 203.478,5700 |
| 3 | Nhóm chất ổn định | Kg | 22.359,9500 | 135.156,0000 | 132.213,4100 | 25.302,5400 |
| 4 | Nhóm dầu bơ | Kg | 12.944,8000 | 126.524,5000 | 129.263,3600 | 10.205,9400 |
| 5 | Nhóm đường | Kg | 117.079,1802 | 2.182.373,8000 | 2.087.707,9344 | 211.745,0458 |
| 6 | Nhóm hương liệu | Kg | 3.385,2600 | 8.224,0000 | 9.765,2650 | 1.843,9950 |
| 7 | Nhóm màu thực phẩm | Kg | 79,0189 | 110,8500 | 120,9371 | 68,9318 |
| 8 | Nhóm men vi sinh | U | 460.500,0000 | 1.757.000,0000 | 1.745.000,0000 | 472.500,0000 |
| 9 | Nhóm mứt thạch dừa | Kg | 11.520,0000 | 84.040,0000 | 77.360,0000 | 18.200,0000 |

| | | | | | | |
|----|-----------------------------|----|-------------|--------------|--------------|-------------|
| 10 | Nhóm nước quả | Kg | 29.568,5000 | 118.540,0000 | 116.055,6000 | 32.052,9000 |
| 11 | Nhóm Vitamin và khoáng chất | Kg | 342,6142 | 6.290,0471 | 5.814,9318 | 817,7295 |
| 12 | Nhóm NVL chính khác | Kg | 11.696,0320 | 78.978,5000 | 64.334.4990 | 26.340,0330 |

Do Công ty hoạt động nhiều mô hình, nguồn nguyên liệu, phụ gia thực phẩm lớn, nhiều loại nên đoàn thanh tra tiến hành kiểm tra xác xuất một số nguyên liệu, phụ gia thực phẩm.

Năm 2022

Kiểm tra xác xuất hàng hóa số lượng nguyên liệu thực phẩm sữa non (Colusstrum 6000i) nhập trong kỳ là 20kg; Calcium lactate Gluconate 13 nhập trong kỳ là 5.400kg, Vitamin Premix type 7 nhập trong kỳ là 300kg theo bảng kê Công ty cung cấp phù hợp với hóa đơn giá trị gia tăng số 00036233 ngày 20/09/2023 và hóa đơn GTGT số 00036235 ngày 20/9/2023 của Công ty Cổ phần hóa chất Á Châu xuất bán.

Kiểm tra xác xuất hàng hóa số lượng phụ gia thực phẩm men sữa chua YO-MIX 495 (500u/gói) nhập trong kỳ là 550 gói theo bảng kê Công ty cung cấp phù hợp với hóa đơn giá trị gia tăng số 00029436 ngày 16/07/2024 của Công ty Cổ phần hóa chất Á Châu xuất bán.

Kiểm tra xác xuất hàng hóa số lượng phụ gia thực phẩm đường Acesulfame K nhập trong kỳ là 50kg; số lượng phụ gia thực phẩm đường Aspartame nhập trong kỳ là 100kg theo bảng kê Công ty cung cấp phù hợp với hóa đơn số 00000596 ngày 19/12/2024 của Công ty TNHH TNHH NUMECO xuất bán.

Năm 2023:

- Kiểm tra xác xuất hàng hóa màu thực phẩm FD&C Red No.3 Powder dùng cho thực phẩm số lượng 2kg theo bảng kê Công ty cung cấp phù hợp với hóa đơn giá trị gia tăng số 285 ngày 07/06/2023; màu thực phẩm Yellow 6 số lượng 20kg, màu ponceau 4R 25kg theo bảng kê Công ty cung cấp phù hợp với hóa đơn giá trị gia tăng số 162 ngày 07/03/2024 của Công ty TNHH Thương mại Vạn Huy.

- Kiểm tra xác xuất hàng hóa số lượng chất béo sữa dạng khan nhập trong kỳ là 3.150kg theo bảng kê Công ty cung cấp phù hợp với hóa đơn số 15339 ngày 20/08/2024 của Công ty Cổ phần Đại Tân Việt.

Năm 2024:

- Kiểm tra xác xuất hàng hóa là nguyên liệu thực phẩm Colostrum Powder 2060 nhập trong kỳ số lượng là 20kg theo bảng kê Công ty cung cấp phù hợp với hóa đơn số 00000954 ngày 22/07/2024 do Công ty TNHH Develing Quốc tế (Việt Nam) xuất bán cho Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam.

- Kiểm tra xác xuất hàng hóa là hóa chất Citric Acid $C_6H_8O_7$ nhập trong kỳ là 2.000kg theo bảng kê Công ty cung cấp phù hợp với hóa đơn giá trị gia tăng số 6258 ngày 25/06/2024 do Công ty Cổ phần hóa chất và thiết bị Kim Nguu xuất bán; hóa chất Sodium hydroxide-NaOH 32% nhập trong kỳ là 5.000kg theo bảng kê Công ty cung cấp phù hợp với hóa đơn giá trị gia tăng số 6257 ngày 25/06/2024 do Công ty Cổ phần hóa chất và thiết bị Kim Nguu xuất bán.

- Kiểm tra xác xuất hàng hóa là Siro ngô nhập trong kỳ là 23.200kg theo bảng kê Công ty cung cấp phù hợp với hóa đơn số 00000147 ngày 13/09/2024 do Chi nhánh Công ty TNHH Kinh Lâm Bắc Ninh xuất bán cho Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam.

- Kiểm tra xác xuất hàng hóa là phụ gia thực phẩm Lactic Acid 88% số lượng là 2.000kg, phụ gia thực phẩm chất ổn định Protex ABA 1873SG số lượng là 2.975kg theo bảng kê Công ty cung cấp phù hợp với hóa đơn GTGT số 00001917 ngày 24/08/2024 do Công ty TNHH CHORI Việt Nam xuất bán.

9. Hồ sơ theo dõi về chất lượng sản phẩm**9.1. Nguồn nước, sữa nguyên liệu dùng cho chế biến thực phẩm****9.1.1. Về nguồn nước**

Công ty sử dụng nguồn nước chính dùng trong sinh hoạt, sản xuất và chế biến sữa là nguồn nước máy, nước ngầm giếng khoan (nước thô) qua hệ thống lọc theo quy chuẩn QC01-1/1018 sau đó qua các công đoạn xử lý đảm bảo đưa vào sản xuất, Công ty thực hiện kiểm nghiệm định kỳ theo quy định.

Công ty cung cấp hợp đồng dịch vụ cấp nước số 486A/HDDVCN:MKH2790N12-CS1 ngày 25/12/2018 ký với Công ty Cổ phần nước sạch Thái Nguyên, do có sự thay đổi tên Công ty và người đại diện pháp luật của Công ty theo từng thời kỳ nên hợp đồng được ký lại vào các ngày 30/01/2024; 28/03/2024. Hàng năm Công ty tự đánh giá và gửi các mẫu nước đến cơ quan chức năng thẩm định để phân tích các chỉ tiêu kiểm nghiệm nước máy đạt yêu cầu, đảm bảo phù hợp với quy định về chất lượng vệ sinh và đủ điều kiện nước sạch để dùng

trong sản xuất. Trong thời kỳ thanh tra Công ty cung cấp đầy đủ phiếu kiểm nghiệm các chỉ tiêu về mẫu nước, cụ thể như sau:

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM MẪU NƯỚC MÁY
NĂM 2022**

| TT | Số phiếu | Mã số | Phương diện kiểm nghiệm | Ngày gửi mẫu | Ngày trả kết quả | Kết quả kiểm nghiệm |
|----|----------------|-------|-------------------------|--------------|------------------|---------------------|
| 1 | 143/TTKSBT-PKN | N0010 | Vi sinh vật | 18/01/2022 | 24/01/2022 | Không phát hiện |
| 2 | 144/TTKSBT-PKN | N0009 | Vi sinh vật | 18/01/2022 | 24/01/2022 | Không phát hiện |
| 3 | 149/TTKSBT-PKN | N0009 | Hóa lý | 18/01/2022 | 24/01/2022 | Không phát hiện |
| 4 | 150/TTKSBT-PKN | N0010 | Hóa lý | 18/01/2022 | 25/01/2022 | Không phát hiện |
| 5 | 213/TTKSBT-PKN | N0050 | Vi sinh vật | 16/02/2022 | 21/02/2022 | Không phát hiện |
| 6 | 212/TTKSBT-PKN | N0051 | Vi sinh vật | 16/02/2022 | 21/02/2022 | Không phát hiện |
| 7 | 180/TTKSBT-PKN | N0051 | Hóa lý | 16/02/2022 | 22/02/2022 | Không phát hiện |
| 8 | 211/TTKSBT-PKN | N0052 | Vi sinh vật | 16/02/2022 | 21/02/2022 | Không phát hiện |
| 9 | 270/TTKSBT-PKN | N0105 | Vi sinh vật | 02/03/2022 | 07/03/2022 | Không phát hiện |
| 10 | 271/TTKSBT-PKN | N0106 | Vi sinh vật | 02/03/2022 | 07/03/2022 | Không phát hiện |
| 11 | 272/TTKSBT-PKN | N0107 | Vi sinh vật | 02/03/2022 | 07/03/2022 | Không phát hiện |

| | | | | | | |
|----|----------------|-------|-------------|------------|------------|-----------------|
| 12 | 239/TTKSBT-PTN | N0105 | Hóa lý | 02/03/2022 | 08/03/2022 | Không phát hiện |
| 13 | 240/TTKSBT-PTN | N0106 | Hóa lý | 02/03/2022 | 08/03/2022 | Không phát hiện |
| 14 | 241/TTKSBT-PTN | N0107 | Hóa lý | 02/03/2022 | 08/03/2022 | Không phát hiện |
| 15 | 337/TTKSBT-PKN | N0149 | Vi sinh vật | 04/04/2022 | 12/04/2022 | Không phát hiện |
| 16 | 296/TTKSBT-PTN | N0149 | Hóa lý | 04/04/2022 | 12/04/2022 | Không phát hiện |
| 17 | 338/TTKSBT-PKN | N0150 | Vi sinh vật | 04/04/2022 | 12/04/2022 | Không phát hiện |
| 18 | 297/TTKSBT-PTN | N0150 | Hóa lý | 04/04/2022 | 12/04/2022 | Không phát hiện |
| 19 | 339/TTKSBT-PKN | N0151 | Vi sinh vật | 04/04/2022 | 12/04/2022 | Không phát hiện |
| 20 | 298/TTKSBT-PKN | N0151 | Hóa lý | 04/04/2022 | 12/04/2022 | Không phát hiện |
| 21 | 464/TTKSBT-PKN | N0228 | Vi sinh vật | 11/05/2022 | 17/05/2022 | Không phát hiện |
| 22 | 465/TTKSBT-PKN | N0029 | Vi sinh vật | 11/05/2022 | 17/05/2022 | Không phát hiện |
| 23 | 463/TTKSBT-PKN | N0227 | Vi sinh vật | 11/05/2022 | 17/05/2022 | Không phát hiện |
| 24 | 412/TTKSBT-PKN | N0227 | Hóa lý | 11/05/2022 | 16/05/2022 | Không phát hiện |
| 25 | 545/TTKSBT-PKN | N0278 | Vi sinh vật | 07/06/2022 | 10/06/2022 | Không phát hiện |
| 26 | 471/TTKSBT-PKN | N0278 | Hóa lý | 07/06/2022 | 13/06/2022 | Không phát hiện |

| | | | | | | |
|----|-----------------|-------|-------------|------------|------------|-----------------|
| 27 | 556/TTKSBT-PKN | N0279 | Vi sinh vật | 07/06/2022 | 10/06/2022 | Không phát hiện |
| 28 | 483/TTKSBT-PKN | N0279 | Hóa lý | 07/06/2022 | 13/06/2022 | Không phát hiện |
| 29 | 544/TTKSBT-PKN | N0280 | Vi sinh vật | 07/06/2022 | 10/06/2022 | Không phát hiện |
| 30 | 470/TTKSBT-PKN | N0280 | Hóa lý | 07/06/2022 | 13/06/2022 | Không phát hiện |
| 31 | 718/TTKSBT-PKN | N0370 | Vi sinh vật | 19/07/2022 | 22/07/2022 | Không phát hiện |
| 32 | 603/TTKSBT-PTN | N0370 | Hóa lý | 19/07/2022 | 25/07/2022 | Không phát hiện |
| 33 | 719/TTKSBT-PKN | N0371 | Vi sinh vật | 19/07/2022 | 22/07/2022 | Không phát hiện |
| 34 | 602/TTKSBT-PTN | N0371 | Hóa lý | 19/07/2022 | 25/07/2022 | Không phát hiện |
| 35 | 760/TTKSBT-PKN | N0404 | Vi sinh vật | 03/08/2022 | 08/08/2022 | Không phát hiện |
| 36 | 637/TTKSBT-PTN | N0404 | Hóa lý | 03/08/2022 | 08/08/2022 | Không phát hiện |
| 37 | 733/TTKSBT-PTN | N0465 | Hóa lý | 18/10/2022 | 25/10/2022 | Không phát hiện |
| 38 | 881/TTKSBT-PKN | N0465 | Vi sinh vật | 18/10/2022 | 24/10/2022 | Không phát hiện |
| 39 | 734/TTKSBT-PTN | N0464 | Hóa lý | 18/10/2022 | 25/10/2022 | Không phát hiện |
| 40 | 880/TTKSBT-PKN | N0464 | Vi sinh vật | 18/10/2022 | 24/10/2022 | Không phát hiện |
| 41 | 1059/TTKSBT-PKN | N0612 | Vi sinh vật | 15/11/2022 | 21/11/2022 | Không phát hiện |

| | | | | | | |
|----|-----------------|-------|-------------|------------|------------|-----------------|
| 42 | 898/TTKSBT-PTN | N0612 | Hóa lý | 15/11/2022 | 17/11/2022 | Không phát hiện |
| 43 | 1057/TTKSBT-PKN | N0614 | Vi sinh vật | 15/11/2022 | 21/11/2022 | Không phát hiện |
| 44 | 896/TTKSBT-PTN | N0614 | Hóa lý | 15/11/2022 | 17/11/2022 | Không phát hiện |
| 45 | 1146/TTKSBT-PKN | N0667 | Vi sinh vật | 06/12/2022 | 12/12/2022 | Không phát hiện |
| 46 | 1163/TTKSBT-PTN | N0667 | Hóa lý | 06/12/2022 | 12/12/2022 | Không phát hiện |
| 47 | 1145/TTKSBT-PKN | N0668 | Vi sinh vật | 06/12/2022 | 12/12/2022 | Không phát hiện |
| 48 | 1164/TTKSBT-PTN | N0668 | Hóa lý | 06/12/2022 | 12/12/2022 | Không phát hiện |
| 49 | 1144/TTKSBT-PKN | N0669 | Vi sinh vật | 06/12/2022 | 12/12/2022 | Không phát hiện |
| 50 | 1165/TTKSBT-PTN | N0669 | Hóa lý | 06/12/2022 | 12/12/2022 | Không phát hiện |

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM MẪU NƯỚC MÁY
NĂM 2023**

| TT | Số phiếu | Mã số | Phương diện kiểm nghiệm | Ngày gửi mẫu | Ngày trả kết quả | Kết quả kiểm nghiệm |
|----|---------------|-----------|-------------------------|--------------|------------------|---------------------|
| 1 | 25/TTKSBT-PTN | N002 2 | Hóa lý | 11/01/2023 | 16/01/2023 | Không phát hiện |
| 2 | 80/TTKSBT-PKN | N002 2 | Vi sinh vật | 11/01/2023 | 16/01/2023 | Không phát hiện |
| 3 | 26/TTKSBT-PTN | N002 1 | Hóa lý | 11/01/2023 | 16/01/2023 | Không phát hiện |

| | | | | | | |
|----|----------------|-----------|-------------|------------|------------|--------------------|
| 4 | 81/TTKSBT-PKN | N002 1 | Vi sinh vật | 11/01/2023 | 16/01/2023 | Không phát hiện |
| 5 | 27/TTKSBT-PTN | N002 0 | Hóa lý | 11/01/2023 | 16/01/2023 | Không phát hiện |
| 6 | 82/TTKSBT-PKN | N002 0 | Vi sinh vật | 11/01/2023 | 16/01/2023 | Không phát hiện |
| 7 | 134/TTKSBT-PKN | N004 6 | Vi sinh vật | 08/02/2023 | 13/02/2023 | Không phát hiện |
| 8 | 72/TTKSBT-PTN | N004 6 | Hóa lý | 08/02/2023 | 13/02/2023 | Không phát hiện |
| 9 | 133/TTKSBT-PKN | N004 7 | Vi sinh vật | 08/02/2023 | 13/02/2023 | Không phát hiện |
| 10 | 70/TTKSBT-PTN | N004 8 | Hóa lý | 08/02/2023 | 13/02/2023 | Không phát hiện |
| 11 | 71/TTKSBT-PTN | N004 7 | Hóa lý | 08/02/2023 | 13/02/2023 | Không phát hiện |
| 12 | 132/TTKSBT-PKN | N004 8 | Vi sinh vật | 08/02/2023 | 13/02/2023 | Không phát hiện |
| 13 | 219/TTKSBT-PKN | N012 4 | Vi sinh vật | 07/03/2023 | 10/03/2023 | Không phát hiện |
| 14 | 153/TTKSBT-PTN | N012 4 | Hóa lý | 07/03/2023 | 09/03/2023 | Không phát hiện |
| 15 | 220/TTKSBT-PKN | N012 5 | Vi sinh vật | 07/03/2023 | 10/03/2023 | Không phát hiện |
| 16 | 154/TTKSBT-PTN | N012 5 | Hóa lý | 07/03/2023 | 09/03/2023 | Không phát hiện |
| 17 | 221/TTKSBT-PKN | N012 6 | Vi sinh vật | 07/03/2023 | 10/03/2023 | Không phát hiện |
| 18 | 155/TTKSBT-PTN | N012 6 | Hóa lý | 07/03/2023 | 09/03/2023 | Không phát hiện |

| | | | | | | |
|----|----------------|-------|-------------|------------|------------|-----------------|
| 19 | 289/TTKSBT-PKN | N0180 | Vi sinh vật | 04/04/2023 | 10/04/2023 | Không phát hiện |
| 20 | 227/TTKSBT-PTN | N0180 | Hóa lý | 04/04/2023 | 10/04/2023 | Không phát hiện |
| 21 | 426/TTKSBT-PKN | N0285 | Vi sinh vật | 17/05/2023 | 22/05/2023 | Không phát hiện |
| 22 | 322/TTKSBT-PTN | N0285 | Hóa lý | 17/05/2023 | 18/05/2023 | Không phát hiện |
| 23 | 387/TTKSBT-PTN | N0332 | Hóa lý | 05/06/2023 | 12/06/2023 | Không phát hiện |
| 24 | 508/TTKSBT-PKN | N0332 | Vi sinh vật | 05/06/2023 | 09/06/2023 | Không phát hiện |
| 25 | 480/TTKSBT-PTN | N0149 | Hóa lý | 04/07/2023 | 06/07/2023 | Không phát hiện |
| 26 | 620/TTKSBT-PKN | N0149 | Vi sinh vật | 04/07/2023 | 10/07/2023 | Không phát hiện |
| 27 | 478/TTKSBT-PTN | N0421 | Hóa lý | 04/07/2023 | 06/07/2023 | Không phát hiện |
| 28 | 622/TTKSBT-PKN | N0421 | Vi sinh vật | 04/07/2023 | 10/07/2023 | Không phát hiện |
| 29 | 769/TTKSBT-PKN | N0502 | Vi sinh vật | 08/08/2023 | 14/08/2023 | Không phát hiện |
| 30 | 590/TTKSBT-PTN | N0502 | Hóa lý | 04/07/2023 | 06/07/2023 | Không phát hiện |
| 31 | 922/TTKSBT-PKN | N0579 | Vi sinh vật | 13/09/2023 | 18/09/2023 | Không phát hiện |
| 32 | 682/TTKSBT-PTN | N0579 | Hóa lý | 13/09/2023 | 18/09/2023 | Không phát hiện |
| 33 | 815/TTKSBT-PKN | N0646 | Vi sinh vật | 11/10/2023 | 16/10/2023 | Không phát hiện |

| | | | | | | |
|----|-----------------|-----------|-------------|------------|------------|-----------------|
| 34 | 814/TTKSBT-PTN | N064 6 | Hóa lý | 11/10/2023 | 17/10/2023 | Không phát hiện |
| 35 | 1113/TTKSBT-PKN | N073 5 | Vi sinh vật | 09/11/2023 | 13/11/2023 | Không phát hiện |
| 36 | 871/TTKSBT-PTN | N073 5 | Hóa lý | 09/11/2023 | 13/11/2023 | Không phát hiện |
| 37 | 1196/TTKSBT-PKN | N078 8 | Vi sinh vật | 04/12/2023 | 08/12/2023 | Không phát hiện |
| 38 | 944/TTKSBT-PTN | N078 8 | Hóa lý | 04/12/2023 | 11/12/2023 | Không phát hiện |

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM MẪU NƯỚC MÁY
NĂM 2024**

| TT | Số phiếu | Mã số | Phương diện kiểm nghiệm | Ngày gửi mẫu | Ngày trả kết quả | Kết quả kiểm nghiệm |
|----|----------------|-----------|---|--------------|------------------|---------------------|
| 1 | 0124.19-226 | | Các chỉ tiêu mẫu nước tại bể chứa nước đã xử lý | 19/01/2024 | 31/01/2024 | Không phát hiện |
| 2 | 114/TTKSBT-PKN | N00 89 | Vi sinh vật | 21/02/2024 | 26/02/2024 | Không phát hiện |
| 3 | 85/TTKSBT-PTN | N00 89 | Hóa lý | 21/02/2024 | 26/02/2024 | Không phát hiện |
| 4 | 199/TTKSBT-PKN | N01 50 | Vi sinh vật | 14/03/2024 | 18/03/2024 | Không phát hiện |
| 5 | 152/TTKSBT-PTN | N01 50 | Hóa lý | 14/03/2024 | 18/03/2024 | Không phát hiện |
| 6 | 293/TTKSBT-PKN | N02 31 | Vi sinh vật | 11/04/2024 | 15/04/2024 | Không phát hiện |
| 7 | 232/TTKSBT- | N02 | Hóa lý | 11/04/2024 | 12/04/2024 | Không |

| | | | | | | |
|----|----------------|-----------|-------------|------------|------------|--------------------|
| | PTN | 31 | | | | phát hiện |
| 8 | 390/TTKSBT-PKN | N03 10 | Vi sinh vật | 09/05/2024 | 13/05/2024 | Không phát hiện |
| 9 | 312/TTKSBT-PTN | N03 10 | Hóa lý | 09/05/2024 | 10/05/2024 | Không phát hiện |
| 10 | 391/TTKSBT-PKN | N03 11 | Vi sinh vật | 09/05/2024 | 13/05/2024 | Không phát hiện |
| 11 | 392/TTKSBT-PKN | N03 12 | Vi sinh vật | 09/05/2024 | 13/05/2024 | Không phát hiện |
| 12 | 310/TTKSBT-PTN | N03 12 | Hóa lý | 09/05/2024 | 10/05/2024 | Không phát hiện |
| 13 | 482/TTKSBT-PKN | N03 74 | Vi sinh vật | 04/06/2024 | 07/06/2024 | Không phát hiện |
| 14 | 392/TTKSBT-PKN | N03 74 | Hóa lý | 04/06/2024 | 07/06/2024 | Không phát hiện |
| 15 | 585/TTKSBT-PKN | N04 45 | Vi sinh vật | 04/07/2024 | 08/07/2024 | Không phát hiện |
| 16 | 480/TTKSBT-PTN | N04 45 | Hóa lý | 04/07/2024 | 08/07/2024 | Không phát hiện |
| 17 | 586/TTKSBT-PKN | N04 46 | Vi sinh vật | 04/07/2024 | 08/07/2024 | Không phát hiện |
| 18 | 481/TTKSBT-PTN | N04 46 | Hóa lý | 04/07/2024 | 08/07/2024 | Không phát hiện |
| 19 | 587/TTKSBT-PKN | N04 47 | Vi sinh vật | 04/07/2024 | 08/07/2024 | Không phát hiện |
| 20 | 482/TTKSBT-PTN | N04 47 | Hóa lý | 04/07/2024 | 08/07/2024 | Không phát hiện |
| 21 | 866/TTKSBT-PKN | N05 20 | Vi sinh vật | 12/08/2024 | 16/08/2024 | Không phát hiện |
| 22 | 585/TTKSBT- | N05 | Hóa lý | 12/08/2024 | 16/08/2024 | Không |

| | | | | | | |
|----|----------------|-----------|-------------|------------|------------|-----------------|
| | PTN | 20 | | | | phát hiện |
| 23 | 917/TTKSBT-PKN | N06 30 | Vi sinh vật | 17/09/2024 | 23/09/2024 | Không phát hiện |
| 24 | 703/TTKSBT-PTN | N06 30 | Hóa lý | 17/09/2024 | 23/09/2024 | Không phát hiện |

9.2. Sửa nguyên liệu dùng cho chế biến thực phẩm

Công ty sử dụng các nguồn nguyên liệu là sữa bò dạng khan, sữa bột béo và các nguyên liệu, phụ gia thực phẩm được phép sử dụng trong chế biến thực phẩm có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đầy đủ theo quy định.

9.3. Lấy mẫu kiểm nghiệm các chỉ tiêu an toàn thực phẩm theo quy định

- Hàng năm Công ty thực hiện kiểm nghiệm định kỳ các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, trong kỳ thanh tra Công ty cung cấp báo cáo phân tích bên ngoài các chỉ tiêu an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm do Công ty sản xuất mang thương hiệu Morinaga cụ thể như sau:

Năm 2022:

- Báo cáo phân tích bên ngoài các chỉ tiêu an toàn, chỉ tiêu dinh dưỡng số 2206200237, số 2206200238 ngày 13/06/2022 của Công ty SGS Việt Nam đối với sản phẩm sữa chua uống tiệt trùng hương dâu Zinzin Kid. Kết quả phân tích các chỉ tiêu an toàn, chỉ tiêu hóa học và chỉ tiêu vi sinh đạt kết quả và được áp dụng.

- Báo cáo phân tích bên ngoài các chỉ tiêu an toàn, chỉ tiêu dinh dưỡng số 2206200235, số 2206200236 ngày 13/06/2022 của Công ty SGS Việt Nam đối với sản phẩm thức uống trái cây vị cam Zinzin. Kết quả phân tích các chỉ tiêu an toàn, chỉ tiêu hóa học và chỉ tiêu vi sinh đạt kết quả và được áp dụng.

- Báo cáo phân tích bên ngoài các chỉ tiêu an toàn, chỉ tiêu dinh dưỡng số 2206200233, số 2206200234 ngày 13/06/2022 của Công ty SGS Việt Nam đối với sản phẩm Sữa chua uống Profes. Kết quả phân tích các chỉ tiêu an toàn, chỉ tiêu hóa học, chỉ tiêu vi sinh, chỉ tiêu giới hạn định lượng đạt kết quả và được áp dụng.

Năm 2023

- Báo cáo phân tích bên ngoài các chỉ tiêu an toàn, chỉ tiêu dinh dưỡng số 0000205106 ngày 30/05/2023 của Công ty SGS Việt Nam đối với sản phẩm sữa chua uống tiệt trùng hương cam Zinzin Kid. Kết quả phân tích các chỉ tiêu an toàn, chỉ tiêu hóa học và chỉ tiêu vi sinh đạt kết quả và được áp dụng.

- Báo cáo phân tích bên ngoài các chỉ tiêu an toàn, chỉ tiêu dinh dưỡng số 0000205052 ngày 30/05/2023 của Công ty SGS Việt Nam đối với sản phẩm sữa chua uống tiệt trùng hương cam Zinzin Kid. Kết quả phân tích các chỉ tiêu an toàn, chỉ tiêu hóa học và chỉ tiêu vi sinh đạt kết quả và được áp dụng.

- Báo cáo phân tích bên ngoài các chỉ tiêu an toàn, chỉ tiêu dinh dưỡng số 0000205056 ngày 08/06/2023 của Công ty SGS Việt Nam đối với sản phẩm sữa chua uống có đường Profes. Kết quả phân tích các chỉ tiêu an toàn, chỉ tiêu hóa học và chỉ tiêu vi sinh đạt kết quả và được áp dụng.

Năm 2024

- Báo cáo phân tích bên ngoài các chỉ tiêu an toàn, chỉ tiêu dinh dưỡng số 0000472297 ngày 25/03/2024 của Công ty SGS Việt Nam đối với sản phẩm sữa chua uống có đường Profes. Kết quả phân tích các chỉ tiêu an toàn, chỉ tiêu hóa học và chỉ tiêu vi sinh đạt kết quả và được áp dụng.

- Báo cáo phân tích bên ngoài các chỉ tiêu an toàn, chỉ tiêu dinh dưỡng số 0000472095 ngày 25/03/2024 của Công ty SGS Việt Nam đối với sản phẩm sữa trái cây vị dâu Zinzin Kid. Kết quả phân tích các chỉ tiêu an toàn, chỉ tiêu hóa học và chỉ tiêu vi sinh đạt kết quả và được áp dụng.

- Báo cáo phân tích bên ngoài các chỉ tiêu an toàn, chỉ tiêu dinh dưỡng số 0000584035, số 0000472164 ngày 02/07/2024 của Công ty SGS Việt Nam đối với sản phẩm thức uống bổ sung- thức uống dinh dưỡng hương vanilla Climeal. Kết quả phân tích các chỉ tiêu an toàn, chỉ tiêu hóa học và chỉ tiêu vi sinh đạt kết quả và được áp dụng.

11.4. Quy trình chế biến, bảo quản thực phẩm

Quy trình sản xuất sản phẩm sữa chế biến được thiết kế bố trí một chiều với hệ thống dây chuyền máy móc, thiết bị hiện đại, tuân thủ từ đầu vào đến khâu hoàn thiện thành phẩm. Loại hình sản xuất Công ty thực hiện sản xuất các sản phẩm mang thương hiệu Morinaga; đồng thời nhận gia công sản xuất cho các đối tác.

9.4.1. Quy trình chế biến

Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam là nhà máy sản xuất sữa sử dụng công nghệ và thiết bị tiêu chuẩn quốc tế với dây chuyền sản xuất đồng bộ được vận hành và kiểm soát theo các tiêu chuẩn và chứng chỉ quản lý. Quá trình sản xuất áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế: FSSC 22000; ISO 14001 và ISO 45001 đảm bảo chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm và môi trường.

Công ty cung cấp 01 bộ quy trình sản xuất sữa các loại (mỗi dòng sản phẩm đều có quy trình sản xuất chi tiết).

- Quy trình sản xuất sữa chua ăn bằng sơ đồ và thuyết minh chi tiết, bản quy trình mô tả đầy đủ sơ đồ chế biến, các quy trình sản xuất ra thành phẩm sữa. Nguyên liệu để chế biến sản phẩm sữa chua ăn là hỗn hợp sữa bột, chất ổn định, đường, dầu bơ được đưa vào phối trộn theo quy trình và công đoạn đồng hóa, cấy men và ủ men, các công đoạn đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của sản phẩm. (Có bản quy trình sản xuất và thuyết minh chi tiết kèm theo).

- Quy trình sản xuất sữa chua uống bằng sơ đồ và thuyết minh chi tiết, bản quy trình mô tả đầy đủ sơ đồ chế biến, các quy trình sản xuất ra thành phẩm sữa. Gồm 04 công đoạn (công đoạn phối trộn bột, công đoạn tiêu chuẩn hóa, công đoạn tiệt trùng đồng hóa và chứa vô trùng, công đoạn rót hộp sản phẩm. Các công đoạn đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của sản phẩm. (Có bản quy trình sản xuất và thuyết minh chi tiết kèm theo).

- Quy trình sản xuất thức uống dinh dưỡng sữa trái cây Zinzin: Gồm 04 công đoạn (công đoạn phối trộn bột, công đoạn tiêu chuẩn hóa, công đoạn tiệt trùng đồng hóa và chứa vô trùng, công đoạn rót hộp sản phẩm. Các công đoạn đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của sản phẩm. (Có bản quy trình sản xuất và thuyết minh chi tiết kèm theo).

Các sản phẩm thành phẩm sau khi hoàn thành được đưa về bảo quản tại kho của Công ty, đối với sản phẩm bảo quản lạnh sẽ đưa về kho lạnh bảo quản theo quy định.

9.4.2. Quy trình bảo quản thực phẩm

Các thành phẩm được Công ty thực hiện quy trình bảo quản đối với tính chất của sản phẩm.

- Sản phẩm lạnh sữa thanh trùng (các dòng sản phẩm sữa chua) hệ thống rót thử được bảo quản trong kho lạnh, điều kiện nhiệt độ lạnh từ 4-80C; điều kiện vận chuyển nhiệt độ lạnh 4-80C.

- Sản phẩm sữa tiệt trùng (các dòng sản phẩm đóng hộp) được xử lý ở nhiệt độ theo quy định, hệ thống rót kín hoàn toàn và bảo quản, phân phối ở nhiệt độ thường.

Các thành phẩm sau khi được kiểm tra sẽ được lưu kho trong điều kiện bảo quản nghiêm ngặt, định kỳ kiểm tra điều kiện lưu trữ như nhiệt độ, độ ẩm và các yếu tố môi trường khác để đảm bảo sản phẩm không bị biến chất hay hư hỏng, sản phẩm luôn đạt chất lượng tốt nhất trước khi đưa vào sử dụng và phân phối.

- Quy cách đóng gói:

Đối với sản phẩm sữa chua quy trình rót sản phẩm vào hộp nhựa PS chuyên dùng đảm bảo yêu cầu vệ sinh theo quy định của Bộ y tế, khối lượng tịnh là 100gram/01 hộp, quy cách đóng thùng 04 hộp/block; 12 block/thùng.

Đối với sản phẩm sữa chua uống, sữa tiệt trùng, sữa thanh trùng quy trình rót sản phẩm vào hộp, chai chứa sản phẩm tại máy rót vô trùng sẽ được chạy tự động bằng băng chuyền để đóng nắp và tròng nhãn, toàn bộ quy trình đóng gói đều được thực hiện tự động. Khối lượng tịnh 100gam/hộp; 48 hộp/thùng.

- Vận chuyển: Công ty thực hiện vận chuyển bằng phương tiện phù hợp đối với từng dòng sản phẩm, phương tiện vận chuyển sạch sẽ chuyên dùng cho thực phẩm, có mui che chắn đảm bảo không bị mưa nắng, bụi bẩn trong quá trình vận chuyển. Nhiệt độ vận chuyển đối với các sản phẩm sữa lạnh đảm bảo 4-80C.

10. Hồ sơ duy trì điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với hoạt động kinh doanh sữa

10.1. Kiểm tra việc đảm bảo điều kiện kinh doanh, việc bố trí khu vực bày bán, bảo quản, chứa đựng sản phẩm; việc tuân thủ độ cao xếp lớp lưu kho theo hướng dẫn của nhà sản xuất; việc thực hiện quy trình vệ sinh cơ sở và ghi nhật ký vệ sinh

Công ty sử dụng hệ thống kho hàng thông minh được hỗ trợ bởi các phần mềm như Bravo, Wamas Go và hệ thống robot Kuka, Schaefer từ Đức, giúp tối ưu hóa và đảm bảo tính chính xác, minh bạch trong quá trình lưu trữ và vận chuyển.

Nhiệt độ kho bảo quản nguyên liệu và phụ gia được duy trì từ 4°C đến 25°C, tùy thuộc vào yêu cầu của từng loại nguyên liệu.

Kho được trang bị thiết bị kiểm tra chất lượng để kiểm soát và lưu mẫu thường xuyên, đảm bảo an toàn cho sản xuất.

Hệ thống kho của Công ty được thiết kế lắp đặt và bảo trì để luôn đảm bảo chống được khỏi bụi bẩn, nước ngưng tụ, chất thải, cống rãnh, các nguồn nhiễm bẩn khác. Đảm bảo khô và thông gió tốt, một số kho đặc biệt được theo dõi và kiểm soát nhiệt độ, độ ẩm được ghi chép kiểm soát hàng ngày. Công ty bố trí khu vực kho bảo quản riêng nguyên liệu thô, nguyên liệu dở dang, thành phẩm và sản phẩm không phù hợp, tất cả nguyên liệu và sản phẩm đặt trên palet cách sàn và cách tường, cách trần theo đúng quy định. Công ty có kho riêng để lưu hóa chất dùng cho sản xuất và kho riêng hóa chất dùng để làm sạch thiết bị.

Công ty bán hàng trực tiếp cho các nhà phân phối và đảm bảo việc bố trí kho, khu vực lưu trữ, và bảo quản sản phẩm đúng theo quy định. Tại các kho, Công ty tuân thủ hướng dẫn từ nhà sản xuất về việc xếp lớp lưu kho và thực hiện quy trình

vệ sinh cơ sở định kỳ, ghi nhật ký vệ sinh để đảm bảo môi trường kinh doanh sạch sẽ và an toàn.

Công ty có 01 cửa hàng giới thiệu và bán sản phẩm trực tiếp tại cổng chính Công ty, có đầy đủ trang thiết bị, tủ lạnh tủ bảo ôn, giá kệ được sắp xếp và bày trí gọn gàng khoa học.

10.2. Thanh tra việc đảm bảo điều kiện về trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh sữa chế biến

Công ty có kho riêng thành phẩm, cung cấp sản phẩm cho nhà phân phối đầy đủ trang bị các phương tiện bảo quản, bao gồm xe tải lạnh và kho lạnh, đảm bảo duy trì các điều kiện nhiệt độ, độ ẩm và ánh sáng theo yêu cầu đối với từng loại sản phẩm trong suốt quá trình kinh doanh và bảo quản. Áp dụng hệ thống kho hàng thông minh giúp tối ưu hóa quy trình lưu trữ và vận chuyển sản phẩm. Thông tin trên bao bì sản phẩm được ghi đầy đủ, bao gồm tên sản phẩm, lô hàng, ngày sản xuất, ca sản xuất và hạn sử dụng.

Sản phẩm yêu cầu bảo quản lạnh được xếp trong kho lạnh, khí lạnh lưu thông đều và nhiệt độ được duy trì theo yêu cầu của từng loại.

10.3. Thanh tra việc quản lý hồ sơ kinh doanh

Công ty lưu giữ đầy đủ hồ sơ, chứng từ pháp lý liên quan đến nguồn gốc xuất xứ và chất lượng sản phẩm, đảm bảo tất cả các giao dịch với nhà phân phối đều tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm.

Có thể truy xuất nguồn gốc xuất xứ hàng hóa qua phần mềm ERP BRAVO nhằm đảm bảo sự chính xác, minh bạch và an toàn trong toàn bộ quy trình sản xuất và phân phối sản phẩm sữa chế biến, cho phép truy vết tất cả các bước trong chuỗi cung ứng từ khâu nhập nguyên liệu cho đến khi sản phẩm tới nhà phân phối. Gồm có: truy xuất sản xuất, truy xuất nguyên liệu cấu thành lên sản phẩm, nhật ký sản lượng.

10.4. Thanh tra việc vận chuyển sữa chế biến trong kinh doanh

Công ty cung cấp cho đoàn thanh tra 04 hợp đồng nguyên tắc cung cấp dịch vụ LOGISTIC với các công ty đối tác để vận chuyển sữa thành phẩm của công ty tới các đại lý trên toàn quốc, bao gồm:

Hợp đồng số 0201/2023/HĐNT/ELOVI-TN ngày 02/01/2023 với Công ty TNHH Thuận Nam. Địa chỉ khu Cửa Đồng, thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500288559 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp 26/10/2007 thay đổi lần 2 ngày 14/10/2022. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số 26220176/GPKDVT do Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 05/4/2022. Danh sách lái xe của

công ty.

Hợp đồng số 0201/2023/HĐNT/ELOVI-TN ngày 02/01/2023 với Công ty Cổ phần kinh doanh vận tải Minh Đạt. Địa chỉ: 729 Hoàng Hoa Thám, quận Ba Đình, TP Hà Nội. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108149365 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp 26/01/2018. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số 8115/GPKDVT do Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội cấp ngày 13/3/2019. Danh sách lái xe của công ty.

Hợp đồng số 0104/2022/HĐNT/ELOVI-TT ngày 01/4/2022 với Công ty TNHH kinh doanh vận tải Thanh Tâm. Địa chỉ: Thôn Lai Sơn, xã Bắc Sơn huyện Sóc Sơn TP Hà Nội. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107940990 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp 31/7/2017 thay đổi lần 3 ngày 26/12/2022. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số 6672/GPKDVT do Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội cấp ngày 17/01/2018. Danh sách lái xe của công ty.

Hợp đồng số 0111/2022/HĐNT/ELOVI-VN ngày 01/11/2022 với Công ty TNHH vận tải Việt Nhật. Địa chỉ: Số 18A Lưu Trọng Lư, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP Hồ Chí Minh. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300823766 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp 11/8/2008 thay đổi lần 7 ngày 13/12/2021. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số 11973/GPKDVT cấp lần thứ 4 do Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội cấp ngày 03/03/2023. Danh sách lái xe của công ty.

Công ty có 01 xe ô tô thuộc sở hữu công ty Biển kiểm soát 20C-065.48. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 20005652 do phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Thái Nguyên cấp 15/7/2024, giấy phép lái xe số 260983000215 do Sở GTVT tỉnh Vĩnh Phúc cấp 11/12/2023 mang tên Phạm Anh Tiến, giấy chứng nhận kiểm định số 1774957 cấp ngày 08/6/2024, giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc.

Công ty đã xây dựng và ban hành Quy trình Logistics, hướng dẫn kiểm tra phương tiện vận chuyển. Khi có đơn hàng nhân viên Logistics kiểm tra thông tin chuyển tiền của khách hàng vào phòng tài chính kế toán công ty, xe vận chuyển do khách hàng gia công điều động hoặc do xe phòng Logistics điều động, lái xe nhận lệnh điều động kèm phiếu giao hàng và chuyển vào kho thành phẩm làm thủ tục xuất hàng, xuất hàng lên xe dưới sự giám sát của nhân viên bảo vệ. Trong quá trình vận chuyển nhân viên Logistics thường xuyên kiểm tra định vị trên trang điện tử *dientutct.com* và *tracking.vn* để theo dõi tiến độ giao hàng cũng như việc tuân thủ tốc độ, nhiệt độ bảo quản đối với xe chở sữa chua ăn, sau khi giao hàng cho nhà phân phối nhân viên NPP nhận hàng kiểm đếm, ký nhận đóng dấu NPP trên “Lệnh điều động kèm phiếu giao hàng”

10.5. Thanh tra việc xử lý hủy bỏ chất thải, kiểm soát vi sinh vật gây hại, biện

pháp phòng ngừa sự cố hóa chất

Công ty có hợp đồng với 03 đối tác xử lý thu gom rác thải gồm có:

Hợp đồng nguyên tắc thu gom vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt số 0110/2023/ISO-EHS/HĐNT/ELOVI-GREENPY ngày 20/10/2023 với Hợp tác xã Thương mại và dịch vụ môi trường xanh Phổ Yên, địa chỉ TDP Kim Tinh, phường Trung Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Phụ lục hợp đồng số 01/APPENDIX NO.01 ngày 20/10/2023, hồ sơ năng lực của HTX Thương mại & dịch vụ môi trường xanh Phổ Yên. Thu gom vận chuyển xử lý chất thải công nghiệp thông thường (Không chứa thành phần nguy hại) và chất thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động và sản xuất kinh doanh.

Hợp đồng nguyên tắc thu gom vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt số 01.02/2023/ISO-EHS/HĐNT/ELOVI-ANHDANG ngày 01/02/2023 với Công ty TNHH dịch vụ môi trường Anh Đăng, địa chỉ xóm Quyết Tiến 2, thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Phụ lục hợp đồng số 01/APPENDIX NO.01 ngày 01/02/2023, Phụ lục hợp đồng số 02/APPENDIX NO.02 ngày 15/02/2023, hợp đồng mua bán hàng hóa 26.01/2023/ELOVI-ANHDANG ngày 26/01/2023 về việc mua bán phế liệu, Phụ lục 01/APPENDIX 01 ngày 26/01/2023, hồ sơ năng lực của Công ty TNHH dịch vụ môi trường Anh Đăng (Giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 1-2-3-4.086.VX do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 3 ngày 29/10/2021. Thu gom vận chuyển xử lý chất thải công nghiệp bao gồm chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại trong quá sản xuất kinh doanh của công ty Cổ phần Morinaga Nutritional foods Việt Nam.

Hợp đồng nguyên tắc thu gom vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt số 05052023/HĐNT/ELOVI-HTXMTT ngày 05/05/2023 với Hợp tác xã môi trường Trung Thành, địa chỉ Đồi B1, TDP Thanh Xuyên, TP. Phổ Yên tỉnh Thái Nguyên, hồ sơ năng lực của Hợp tác xã môi trường Trung Thành. Thu gom vận chuyển xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt của công ty Cổ phần Morinaga Nutritional foods Việt Nam.

Công ty đã xây dựng và thực hiện quy trình kiểm soát sinh vật gây hại QT.THEL.15 nhằm ngăn xâm nhập có mặt của các sinh vật gây hại trong công ty đặc biệt là khu vực sản xuất và khu vực chuẩn bị nguyên liệu, phòng ngừa sinh vật gây hại làm ảnh hưởng tới chất lượng của nguyên vật liệu và sản phẩm, phòng tránh lây nhiễm chéo gây mất an toàn vệ sinh thực phẩm. Công ty có hợp đồng nguyên tắc cung cấp dịch vụ chống côn trùng và động vật gây hại số 0201/2022-ELOVIAT/HĐNT ngày 25/01/2022, phụ lục hợp đồng số 0201/2022-ELOVIAT/PL01 với Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại An Thu, địa chỉ số 31

ngõ 264/29 tổ 13 đường Ngọc Thụy phường Ngọc Thụy quận Long Biên TP. Hà Nội.

Công ty đã cung cấp cho đoàn thanh tra báo cáo tổng hợp hóa chất từ Quý I năm 2022 đến Quý III năm 2024, danh mục quản lý hóa chất toàn công ty gồm có 119 loại hóa chất (từ tháng 01/2022 đến quý 3 năm 2024). Công ty đã báo báo Sở Công Thương, Cục Hóa chất về hoạt động mua bán sử dụng hóa chất của công ty các năm 2022, 2023, 2024. Công ty đã xây dựng biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất, có kế hoạch diễn tập định kỳ hàng năm. Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất của công ty được xây dựng bám sát quy định của Luật Hóa chất, Nghị định 113/2017/NĐ-CP, Nghị định 82/2022/NĐ-CP và hướng dẫn cụ thể của Thông tư 32/2017/TT-BCT và Thông tư 17/2022/TT-BCT trên cơ sở thực tiễn hoạt động sản xuất, sử dụng của công ty. Công ty có hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa với các công ty có đủ điều kiện kinh doanh hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp. Công ty xây dựng Quy trình quản lý hóa chất QT.TH.El.16 và đã triển khai áp dụng.

III. NHẬN XÉT

1. Nhận xét chung

- Công ty Cổ phần ELOVI Việt Nam (*nay là Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam*) thực hiện đúng quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương. Trong quá trình hoạt động, Công ty tuân thủ nghiêm ngặt, đồng thời cập nhật, điều chỉnh kịp thời các thay đổi về hồ sơ pháp lý khi các quy định pháp lý của Công ty có sự thay đổi, từ đó Công ty đảm bảo các quy định pháp lý hiện hành, công ty duy trì sự hợp pháp về hồ sơ pháp lý của công ty.

- Công ty có hệ thống lưu trữ hồ sơ pháp lý đầy đủ, chính xác và dễ dàng truy xuất, điều này thể hiện sự chuyên nghiệp và trách nhiệm trong việc quản lý tài liệu của Công ty.

- Các sản phẩm do Công ty sản xuất để kinh doanh và sản xuất gia công cho đơn vị khác đều có bản tự công bố sản phẩm, các bản tự công bố được gửi đến Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên để tiếp nhận và thực hiện thông báo công khai tên, sản phẩm của tổ chức, cá nhân đã được tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm trên Trang thông tin điện tử (website). Hồ sơ được lưu trữ đầy đủ (*thông tin về tổ chức công bố; thông tin về sản phẩm; mẫu sản phẩm; yêu cầu về ATTP*).

- Sản phẩm nhập khẩu (Thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt - thực phẩm dành cho người rối loạn ruột Tsururinko Quickly; thực phẩm bảo vệ sức khỏe bột men vi sinh BB536 và thực phẩm bảo vệ sức khỏe BB536 Probiotics) đều có bản công bố sản phẩm và được gửi đến Cục An toàn thực phẩm của Bộ Y tế để tiếp nhận và thực hiện thông báo công khai tên, sản phẩm của tổ chức, cá nhân được tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm trên Trang thông tin điện tử (website). Hồ sơ được

lưu trữ đầy đủ (*thông tin về tổ chức công bố; thông tin về sản phẩm; mẫu sản phẩm; yêu cầu về ATTP*).

Hồ sơ đơn vị tự công bố sản phẩm, công bố lại sản phẩm trong kỳ thanh tra (từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/9/2024) đều có bản công bố sản phẩm, tự công bố sản phẩm, công bố lại sản phẩm gửi đến Cục An toàn thực phẩm của Bộ Y tế, Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên để tiếp nhận và thực hiện việc thông báo công khai tên, sản phẩm của tổ chức, cá nhân đã được tiếp nhận đăng ký bản tự công bố sản phẩm trên Trang thông tin điện tử (Website). Toàn bộ hồ sơ đều được lưu trữ đầy đủ, đảm bảo việc công bố chất lượng sản phẩm theo quy định.

Trong kỳ thanh tra, Công ty đã cung cấp cho Đoàn Thanh tra danh mục sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh đối với mặt hàng sữa, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, phụ gia thực phẩm, cụ thể:

- 11 loại hàng hóa thành phẩm và nguyên liệu Danh mục nhập khẩu đối với mặt hàng sữa, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, phụ gia thực phẩm.

- 188 sản phẩm thành phẩm thuộc danh mục Công ty đã sản xuất và kinh doanh đối với mặt hàng sữa.

- Đối với sản phẩm thuộc danh mục sản xuất gia công đối với các Công ty khác: Công ty đã sản xuất gia công 143 sản phẩm của 21 đơn vị.

- 56 Danh mục chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, phụ gia thực phẩm.

Toàn bộ danh mục sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh đối với mặt hàng sữa, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, phụ gia thực phẩm, Công ty đã cung cấp cho Đoàn đều có nguồn gốc, xuất xứ. Hàng hóa nhập khẩu có nhãn gốc bằng tiếng nước ngoài và có nhãn phụ bằng tiếng Việt Nam theo quy định. Hàng hóa sản xuất gia công cho các đơn vị khác đều có hợp đồng hợp tác sản xuất và việc thực hiện hợp đồng giữa hai bên đều được thực hiện đúng cam kết, sản phẩm đưa ra ngoài thị trường để kinh doanh đều được thực hiện đúng quy định của pháp luật (*có nhãn, thực hiện tự công bố theo đúng quy định và được gửi cho Sở Y tế theo đúng quy định*)

- Việc quản lý thiết bị của Công ty được thực hiện theo quy trình quản lý rõ ràng, liệt kê từng danh mục thiết bị phục vụ các công đoạn nào và điều kiện vệ sinh, bảo trì cụ thể. Phòng Cơ điện của Công ty chủ động lập kế hoạch bảo dưỡng định kỳ và ứng phó với các trường hợp sửa chữa đột xuất. Các vật tư và phụ tùng thay thế được cung cấp đồng bộ từ hãng TetraPak.

- Việc sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị chỉ được tiến hành ngoài khu vực sản xuất hoặc khi quy trình sản xuất đã dừng. Trong trường hợp sửa chữa hoặc bảo dưỡng tại chỗ, Công ty cam kết thực hiện các biện pháp vệ sinh nghiêm ngặt

ngay sau khi hoàn thành công việc để ngăn chặn nguy cơ nhiễm bẩn hoặc lây nhiễm chéo trong quy trình sản xuất.

- Quy trình bảo quản đối với sản phẩm sữa chế biến và sữa chua của Công ty được vận chuyển đến nhà phân phối bằng xe tải lạnh chuyên dụng, đảm bảo duy trì điều kiện nhiệt độ ổn định trong suốt quá trình vận chuyển, đảm bảo sản phẩm được bảo quản đúng quy định. Quy trình vận chuyển tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn thực phẩm, bảo đảm không xảy ra hiện tượng nhiễm chéo.

- Công ty có Hợp đồng nguyên tắc thu gom vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định;

- Trong quá trình hoạt động Công ty đã xây dựng và thực hiện quy trình kiểm soát sinh vật gây hại QT.TH.EL.15 nhằm ngăn xâm nhập có mặt của các sinh vật gây hại trong công ty đặc biệt là khu vực sản xuất và khu vực chuẩn bị nguyên liệu, phòng ngừa sinh vật gây hại làm ảnh hưởng tới chất lượng của nguyên vật liệu và sản phẩm, phòng tránh lây nhiễm chéo gây mất an toàn vệ sinh thực phẩm và có đầy đủ hợp đồng nguyên tắc cung cấp dịch vụ chống côn trùng và động vật gây hại.

- Trong kỳ thanh tra, Công ty đã thực hiện ký kết hợp đồng với các đơn vị cung cấp nguyên liệu, phụ gia, sản phẩm thực phẩm kèm theo bản tự công bố chất lượng của các loại nguyên liệu, phụ gia, chất hỗ trợ và vật liệu bao gói (*thuộc đối tượng phải thực hiện công bố sản phẩm*) đảm bảo theo quy định.

- Việc ghi Nhãn hàng hóa của các sản phẩm do Công ty ELOVI (*nay là Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam*) sản xuất, gia công, nhập khẩu được thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/7/2017 của Chính phủ về Nhãn hàng hóa, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ.

- Trong quá trình hoạt động, Công ty đã đăng ký Website với đơn vị cung cấp dịch vụ, có hợp đồng ký đăng ký theo quy định, các Website của Công ty được dùng để giới thiệu về Công ty và sản phẩm do Công ty sản xuất, không có chức năng đặt hàng trực tuyến và thuê các đơn vị truyền thông có chức năng quảng cáo để thực hiện các chương trình quảng cáo cho Công ty; đều có hợp đồng ký kết thực hiện.

- Việc thực hiện khuyến mại hợp pháp, trung thực, công khai, minh bạch theo quy định và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng.

- Việc thực hiện quy định về truy xuất nguồn gốc thực phẩm: Công ty đã thực hiện lưu trữ đầy đủ thông tin để truy xuất nguồn gốc nguyên liệu, phụ gia, chất hỗ trợ, vật liệu bao gói được Công ty sử dụng để sản xuất, gia công chế biến sản phẩm



thực phẩm; Công ty sử dụng phần mềm BRAVO (Bên B) cung cấp các tính năng phục vụ trong đó có hệ thống truy xuất nguồn gốc theo tiêu chuẩn quốc tế, được tích hợp trên phần mềm, đảm bảo thông tin minh bạch, an toàn trong toàn bộ quy trình sản xuất và phân phối sản phẩm sữa chế biến. Hệ thống này cho phép truy vết tất cả các bước trong chuỗi cung ứng, từ khâu nhập nguyên liệu cho đến khi sản phẩm được giao đến nhà phân phối.

- Toàn bộ nguyên liệu, phụ gia thực phẩm dùng để sản xuất gia công tại Công ty đều có hồ sơ nhập khẩu, hợp đồng mua bán và bản công bố đầy đủ đảm bảo đủ điều kiện dùng trong sản xuất, các nguyên liệu được Công ty sắp xếp theo từng kho riêng biệt.

- Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam đã thực hiện cập nhật đầy đủ chứng từ kế toán thể hiện các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh liên quan đến hoạt động của Công ty. Hoạt động mua bán trên chứng từ kế toán phù hợp với số liệu kiểm tra xác xuất, thể hiện được nguồn gốc, xuất xứ của hàng hóa là các nguyên liệu dùng trong hoạt động sản xuất và gia công của Công ty.

- Nguồn sữa nguyên liệu, phụ gia thực phẩm dùng cho chế biến thực phẩm là có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, còn thời hạn sử dụng; đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quản lý và yêu cầu kỹ thuật trong sản xuất và chế biến thực phẩm.

- Công ty duy trì các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm, lưu giữ hồ sơ về nguồn gốc, xuất xứ nguyên liệu thực phẩm và các tài liệu khác về toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Nơi bảo quản và phương tiện có diện tích đủ rộng để bảo quản từng loại sản phẩm riêng biệt, bảo đảm vệ sinh trong quá trình bảo quản, thực hiện kỹ thuật xếp dỡ an toàn và chính xác. Công ty tuân thủ các quy định về bảo quản đối với cơ sở sản xuất thực phẩm theo quy định.

2. Ưu điểm

- Hệ thống dây chuyền thiết bị, vật tư, máy móc dùng để sản xuất cơ bản đầy đủ giấy tờ lịch sử hồ sơ rõ ràng, Công ty đã cung cấp đầy đủ hồ sơ và thực hiện kiểm định định kỳ các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động; các thiết bị đang hoạt động có đầy đủ van an toàn ở trạng thái hoạt động tốt, được duy trì bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ để đảm bảo hoạt động an toàn trong điều kiện sản xuất với áp suất nhiệt độ cao có đảo trộn. Công ty có thực hiện vệ sinh thiết bị bằng hóa chất và khử trùng theo quy trình vệ sinh công nghiệp và quy trình vận hành các loại thiết bị liên quan đến quá trình sản xuất.

- Các trang thiết bị, dụng cụ, bao bì của Công ty được ngăn cách với môi trường xung quanh tránh sự xâm nhập của bụi, côn trùng, phù hợp với điều kiện của Công ty. Công ty đã lắp đặt thiết bị kiểm soát độ ẩm, nhiệt độ, thông gió và các yếu

tổ ảnh hưởng tới an toàn thực phẩm theo yêu cầu kỹ thuật để bảo quản đối với từng loại thực phẩm và theo yêu cầu của nhà sản xuất trong suốt quá trình vận chuyển.

- Việc sử dụng các phương tiện vận chuyển bằng xe ô tô tải thùng kín của Công ty đã đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực giao thông đường bộ. Các giấy chứng nhận kiểm định là thường kỳ và lũy tiến nên không xem xét các giấy kiểm định cũ trong thời kỳ thanh tra.

- Công ty có lắp đặt thiết bị kiểm soát nhiệt độ, độ ẩm, thông gió và các yếu tố ảnh hưởng tới an toàn thực phẩm theo yêu cầu kỹ thuật để bảo quản đối với từng loại thực phẩm và theo yêu cầu kỹ thuật để bảo quản đối với từng loại thực phẩm và theo yêu cầu nhà sản xuất trong suốt quá trình vận chuyển.

- Hệ thống kho của Công ty đảm bảo đủ sức chứa theo công suất dây chuyền sản xuất, sạch sẽ, đủ lưu chứa trong thời gian luân chuyển hàng hóa theo công suất thiết kế của dây chuyền sản xuất, phù hợp với yêu cầu bảo quản giao nhận đảm bảo an toàn, vệ sinh, phòng chống được côn trùng động vật gây hại xâm nhập và cư trú, có trang bị điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm, thông gió.

- Nguồn nguyên liệu, phụ gia thực phẩm dùng để sản xuất có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có hợp đồng mua bán và thực hiện các quy định. Kho nguyên liệu được thiết kế phù hợp với yêu cầu bảo quản nguyên liệu, kho thông thoáng, dễ vệ sinh và phòng chống côn trùng động vật nguy hại xâm nhập và cư trú.

- Trong kho có khu vực lưu mẫu sản phẩm, Công ty có phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm (KCS) để kiểm soát các chỉ tiêu cơ bản của nguyên liệu chính và thành phẩm, có khu vực lưu mẫu, hồ sơ lưu mẫu, hủy mẫu.

3. Tồn tại

Không.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Không.

V. KIẾN NGHỊ

- Yêu cầu Công ty Cổ phần ELOVI Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam), tiếp tục duy trì và đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, các điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm Bộ Công Thương. Chấp hành tốt các quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ, thường xuyên kiểm tra và thực hiện kiểm định định kỳ đầy đủ, đúng thời gian đối với các loại máy, thiết bị vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về An toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương đối với Công ty Cổ phần ELOVI Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam)./

Nơi nhận:

- Thanh tra Bộ Công Thương;
- Tổng cục QLTT;
- Lãnh đạo Cục;
- Phòng NVTH (để đăng tải trên trang TTĐT);
- Công ty Cổ phần ELOVI Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam);
- Lưu: Hồ sơ TT.

Thao

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Hoàng Bắc